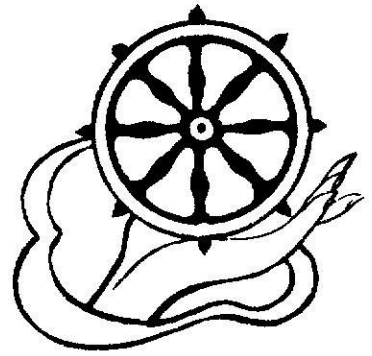


VIÊN GIÁC

Bộ mới số **4**
tháng 8, năm 1981



tạp chí của Kiều Bào và Phật Tử Việt Nam
_____ tại Cộng hòa Liên bang Đức _____

VIÊN GIÁC

Bê mê số 4 tháng 8-1981

Thư TỎA SOẠN

Trong số này trang

• Thờ Tỏa Soạn	
• Vu Lan Bốn	01
• Phật Giáo VN thời Pháp	04
• Ảnh hưởng của PG trong thi ca Việt Nam	06
• Thiên Học	11
• Phật Giáo thực hành	15
• Cúng dường Tam Bảo	19
• Bồng Vô Ưu	20
• Trang GLGPT	21
• Lời khuyên về chữ Hiếu	24
• Quốc Sử tập lục	26
• Việt Nam Phong Sử	31
• Truyện Hùng Đạo Vương	34
• Hoa Iris xanh	38
• Đường qua xứ tuyết	39
• Trong cơn lốc đỏ	42
• Trời mây và Tu Sĩ	46
• Tịnh người hải đảo	49
• Kỷ niệm Phật Đản	50
• Tin tức	56
• Cap Anamur:Hy Vọng c.c.	58
• Phương danh Quý Đạo Hữu Phật Tử ủng hộ định kỳ, bất thường, Vu Lan.....	61

Chịu Trươg:

Đại Đức THÍCH NHƯ ĐIỀN

Thực hiện : MAI VI PHÚC

Kỹ thuật : THỊ CHƠN

cùng sự đóng góp của

HỘI SINH VIÊN và KIỀU BAO
PHẬT TỬ VIỆT NAM tại
CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC

Tòa soạn : Chùa VIÊN GIÁC
Trung tâm VĂN HÓA PHẬT GIÁO
VIỆT NAM tại C.H.L.B.Đức

Eichelkampstr. 35a 3000 Hannover 81

điện thoại : (0511) 86 46 38

Cõi người theo nhà Phật là cõi vọng, hình thành từ sự mê chấp của chúng sanh. Đạo Phật là những con đường chơn chánh hướng đạt tới sự giác ngộ chính là sự cởi mình ra khỏi mọi phiền não vì những hư vọng không âm vang hằng cửu.

Do đó tính giải thoát của đạo Phật không bao hàm ỳnghĩa trốn lánh cõi đời. Nói rõ hơn, đó không phải là một đạo bi quan và tiêu cực. Có thể cho là bi quan được sao, sự nỗ lực thanh tịnh ấy để tự thành niềm cực lạc ngay chính trong ta và ngay hiện kiếp này? Cũng vậy, cái an phải chính là sự tích cực chúng sanh mê muội mới có thể cuối cùng xé toang được màn lưới vô minh.

Cũng do tính lạc quan và tích cực ấy, những lời dạy của đức Phật không thiếu sót một di ều cần thiết nào với bản thân hay trong mối liên hệ giữa con người với con người kẻ cả giữa người sống với kẻ chết mà sự báo hiếu t rong mùa lễ Vu-Lan là một điển hình.

Trong bốn ân trọng - tử trọng ân - mà con người cần phải lo đền đáp, ân cha mẹ ở hàng đầu. Thủ đền mối là ân chố sanh, ân Tam Bảo. Đó cũng là điều để hiểu bởi vì nếu khố có cha mẹ, sẽ không có duyên để thân-trung-âm của ta n nướng vào đó hiện thực sự giải thoát cuối cùng. Chữ Bồ-Tát trước khi thành Phật cũng thường trải qua kiếp cuối là người.

Vu-Lan năm nay là Vu-Lan thử bày chúng ta sống xa cá ch với quê hương. Cùng với tâm niệm đáp đền ân phụ mẫu, chố ta đồng thời cũng không nên quên ân nặng đã có đối với dân tộc và tổ quốc.

Trong đời sống ly hương hiện tại, để đáp đền những ân n nặng ấy, là Phật tử, chúng ta cần phải sống đúng t heo những lời Phật dạy. Một đời sống đầy Tử-Bi để thương yêu đùm bọc lẫn nhau, đầy Trí-Tuệ để phân biệt điều nên là m và điều nên tránh, không làm thẹn mặt người đồng hươ ng trước dân bản xứ, đầy Dũng Mạnh để ngày một tinh t ả n thêm.

Sống được một cuộc đời như trên, đó cũng là một cách đáp đền ân Tam-Bảo trong muôn một vậy.

— Viên Giác





VU LAN BỒN

T.T. Thích Thiện Hoa

A. - MỞ ĐỀ :

1. - Công ơn sanh thành dưỡng dục rất lớn lao :

Chúng ta thường nghe câu ca dao :

" Công cha như núi Thái-sơn ;
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra ".
(Công ơn cha mẹ thật quá lớn-lao n h ư núi cao, b e' c a').

Mẹ thì chín tháng cưu mang, ba năm c h o bú mớm, suốt đời chỉ biết hy sinh cho con. Khi đang ăn cũng như khi ngủ nghỉ, h e' c o n c a' n' d e' n' l à c ó m e' ở b e' n' c a' n' h' . C o n l o' d a' i, ti e' u- t i e' n' ở t r e' n' m i' n' h' , m e' v a' n' v u' i' c u' o' i' k' không chút hờn giận. Gặp cảnh nghèo h e' n' , m e' n' h' i' n' b' r' i' t' c ó' m' cho con ăn, dành chỗ k' h' c' r' a' o' cho con nằm (b e' n' u' o' t' m e' n' a' m' , b e' n' r' a' o' c o n' l' a' n'). R u' i' k' h' i' c o n' d' a' u' ó' m' , m e' n' g' o' i' b e' n' c a' n' h' , n' a' m' c a' n' h' t' h' a' o' t' h' u' c' l o' a' u' ; c' h' i' k' h' i' c o n' k' h' o' e' m' a' n' h' t' u' o' i' c u' o' i' , m e' m' o' i' v u' i' t' u' o' i' h' o' n' h' o' . C a' d a' o' c ó' c a' u' :

Lên non mới biết non cao,
Nuôi con mới biết công lao mẫu tử".
Còn cha mẹ thì phải lo làm lụng vất-vã để nuôi con. Nếu gặp cảnh nghèo khó, ch a' p' h' a' i' làm thuê, ở' m' u' o' n' , m u' a' t' a' o' b' a' n' t' a' n' , d' o' i' m' o' h' o' i' l' a' y' b' a' t' c ó' m' , m a' n' h' á' o' cho con học hành, ngày đêm lo-lắng đào tạo cho con t' h' a' n' h' n' g' u' o' i' h' u' u' d' u' n' g' , k' h' o' n' n' g' o' a' n' , k' h' o' i' t' t' h' u' a' c' h' u' n' g' k' e' m' b' a' n' .

Công ơn cha mẹ nói ra bao nhiêu cũng kh e' c' u' n' g' .

2. - Vậy làm con là phải báo đền ơn c h a' m e' :

Bất luận luân lý đạo-đức nào, Đ o' n' g' h' a' y' T' a' y' , x' u' a' h' a' y' n' a' y' , d' e' u' l' a' y' c' h' u' " H i' e' u' " làm đầu. Một người con đã bắt hiếu với cha mẹ thì không còn một việc xấu xa gì mà kh e' c' u' n' g' làm được. Một kẻ vong ân bội nghĩa n h ư' t' h' e' , thì không còn biết nhân nghĩa, b á' c' a' i' , c' o' n' g' - b' a' n' g' là gì nữa. Bởi vậy cho nên

người xưa có câu :

" Thiên kinh vạn quyển, Hiếu nghĩa vi tiên".
(Ngàn quyển kinh, vạn quyển sách, d e' u' l' a' y' H i' e' u' n' g' h' i' a' l' a' m' d' a' u'), K' i' n' h' T' h' i' c ó' n' o' i' m' o' t' c a' u' r' a' t' c a' m' - d' o' n' g' :

" Phụ hề sanh ngã, mẫu hề cùc ngã,
Ai ai phụ mẫu, sanh ngã cùc lao,
Dục báo thâm ân, hiếu thiên vớng cực".
Nghĩa là cha sanh ta, mẹ nuôi ta. H o' i' o' i' , c' h' a' m e' s' a' n' h' t' a' c' u' c' n' h' o' c' . M' u' o' n' d' e' n' d' a' p' a' n' d' u' c' c' u' a' c' h' a' m e' , n' h' u' v' o' i' l' e' n' t' r' o' i' c a' o' c' h' a' n' g' c' u' n' g' .

Phật cũng dạy :

Phụ mẫu tại dương như Phật tại thế",
Nghĩa là cha mẹ còn sinh tiền, cũng như Phật còn ở' đời. Xem thế, Phật đã để c a' o' b' i' e' t' b' a' o' s' u' h' i' e' n' d' i' e' n' q' u' i' t' r' o' n' g' c' u' a' c' h' a' m e' . V' i' c' h' a' m e' q' u' i' t' r' o' n' g' n' h' u' t' h' e' , n' e' n' N' g' a' i' l' a' i' d' a' y' t' h' e' m' :

" Hiếu vi vạn hạnh chi tiên".
(Hiếu-thảo đứng đầu trong mọi việc).
Đ e' Ph' a' t' - t' u' l' a' m' t' r' o' n' n' h' i' e' m' - v' u' h i' e' u' d' a' o' , n' n' e' n' d' u' c' Ph' a' t' d' a' y' p' h' a' p' V u - L a' n - B o' n' d' u' o' i' d' a' y

B. - CHÁNH ĐỀ :

Vu-Lan-Bồn là một phương-pháp báo hiếu có hiệu quả nhất. Nhưng trước tiên, chúng ta hãy hiếu nghĩa Vu-Lan-Bồn thế nào đã.

I. - ĐỊNH NGHĨA :

Vu-Lan-Bồn là phiên âm theo tiếng Phạn . Người Trung-Hoa dịch là : " giải đảo huyền" nghĩa đen là cởi trói người bị treo ngược nghĩa bóng là cứu vớt những kẻ đau k h o' n' a' n' g' - n' e' n' h' u' i' d' a' n' g' b' i' t' r' e' o' n' g' u' o' c' .

II. - NGUYÊN-NHÂN PHẬT DẠY PHÁP VU-LAN - BỒN

Ngài Đại-hiếu Mục-Kiên-Liên, sau khi t u' h' a' n' h' c' h' u' n' g' đ' u' o' c' 6' p' h' e' p' t' h' a' n' - t' h' o' n' g' , n' g' a' i' m' n' g' u' i' n' h' ớ' d' e' n' c' o' n' g' o' n' c' u' a' m e' , N' g' a' i' t' i' m' c' a' c' h'

báo đáp. Dùng dao-nhân xem trong thế gian
Ngài nhận thấy mẹ mình sanh làm loài ngựa
quỳ, thân thể ốm gầy, da bọc xương thân
hình tiêu tụy, bụng lớn đầu to, cổ nhô
như ống chỉ, đói khát suốt năm không
được ăn uống. Thương xót quá, Ngài liền
đem bát cơm đang ăn để dâng mẹ. Ng
vận thần-thông, bụng bát cơm đi đến chỗ
mẹ ở. Bà mẹ vì quá khao-khát, nên khi
được cơm, lòng tham nổi lên, sợ người
cướp giết, lấy tay trái che giấu bát cơm
tay mặt bốc ăn. Bởi lòng tham độc ác
trong tiền kiếp nổi bùng lên, nên cơm
mỗi đưa vào miệng, thì hóa thành ra lửa
bà chẳng ăn được.

Ngài Mục-Kiên-Liên thấy thế, hết sức
đau buồn, kêu khóc thảm thiết. Ngài liền
trở về bạch Phật, thuật lại như trên và
câu Phật chỉ dạy cho phương pháp cứu độ
thân mẫu.

III.- PHẬT DẠY PHÁP VU-LAN-BỒN CHO NGÀI MỤC-KIÊN-LIÊN

Sau khi nghe Ngài Mục-Kiên-Liên thuật hình
câu phương pháp báo hiếu, Phật dạy rằng:

- "Này Mục-Kiên-Liên ! Mẹ của ông d
lòng tham lam, độc-ác, đã tạo ra tội lỗi
nặng nề trải qua nhiều kiếp, nay sa n h
trong ác đạo, làm loài ngựa-quỳ, nên khi
thế một mình ông cứu độ được. Mặc dù lý
hiếu thảo của ông vô cùng lớn lao c
không sao chuyên được hoàn cảnh, ch
khác gì chiếc thuyền con, không thể ch
được tảng đá lớn. Vậy ông phải nhờ oai
thần của chúng tăng trong mười phương
, đức lớn như biển, mới cứu độ mẹ ông đ
giải-thoát. Ta nay sẽ vì ông, chỉ d
phương-pháp cứu rỗi, khiến cho cha m
ông xa lìa được các điều tội lỗi.

Này Mục-Kiên-Liên ! Ngày rằm tháng 7 là
ngày tự-tứ của chư tăng trong mười ph
sau ba tháng an cư, kiết hạ, sách t
tu hành. Ngày ấy cũng là ngày hoan-hỷ
của các chư Phật, vì thấy chư tăng sa u
ba tháng an cư kiết hạ, đã tiến bộ rất
nhiều trên đường tu học, các nghiệp được
thanh-tịnh, ba món vô lậu học được tăng
trưởng, công đức thêm nhiều và đến ngày
viên-mãn. Vậy ông nên nhận ngày ấy là m
lễ Vu-Lan-Bồn để báo hiếu cho mẹ ông.
Ông hãy sắm đủ các món trai-diên trăm
mùi, năm thứ trái, cùng hương dầu đèn
nến, giường chõng, chiếu chần, mũn
quần áo, thau rửa mặt, khăn lau tay; t
lại là đủ bốn món cúng dường quý báu

đổi. Rồi ông phải thân hành đi rước các
vị đại-đức tăng trong mười phương, hoặc
những vị thiên-dịnh trong núi rừng, ch
được bốn quả thánh, hoặc có vị kinh hành
dưới cội cây được sáu phép thần-thông
tại như hàng Thanh-văn, Duyên-Giác, c
vị thấp-dia Bồ-tát thì hiện làm thầy T
kheo.v... Ông phải thành tâm kính l
traoi tăng cúng-dường và thỉnh cầu c
tăng chú nguyện cho vong-linh mẹ
được thoát khổ. Nhờ công-đức chỉ
chú nguyện, vong-linh mẹ ông sẽ đ
siêu thoát. Cũng như tảng đá dù nặng
cân, song có nhiều người khiêng, thì d
đi đâu cũng được".

Ngài Mục-Kiên-Liên vâng lời Phật dạy,
đến ngày rằm tháng 7 làm lễ Vu-Lan, s
đủ các vật liệu, rước chư tăng trong m
phương thành tâm kính lễ trai-tăng
dường, nên vong mẫu của Ngài đ
khỏi kiếp ngựa-quỳ, sanh về cảnh giới
lành.

VI.- NGÀI MỤC-KIÊN-LIÊN HỎI PHẬT : CÁC HẰNG PHẬT TỬ ĐÓI SAU CÓ THỂ LÀM LỄ VU-LAN-BỒN ĐƯỢC KHÔNG ?

Sau khi thấy thân mẫu được thoát khổ,
Ngài Mục-Kiên-Liên hết sức vui mừng
đến trước Phật chấp tay bạch rằng :

- Bạch Thế-Tôn ! Thân mẫu của con đ
nhờ công đức Tam-bảo và oai-thần của
tăng, nên được thoát ly kiếp ngựa-qu
nào. Vậy về đời sau, trong hàng Phật-t
nếu có người muốn làm lễ Vu-Lan-B
để cứu độ cha mẹ hiện tại cũng như ch
mẹ nhiều kiếp trước, chẳng biết có đ
không ?

Phật dạy rằng :

- Quý lắm ! Này Mục-Kiên-Liên ! đời sau
nếu có được các thầy Tỳ-kheo và Tỳ-khe
Ni, vua, thái-tử các quan tể-tướng, nh
hàng tam-công, cho đến thứ dân, vì lòng
hiếu thảo muốn đền đáp công ơn cha m
hiện-tại hay quá khứ, thì cứ ngày r
tháng 7 là ngày "Phật hoan-hỷ", làm l
Vu-Lan này, để cúng-dường trai-tăng. Nh
công-đức của chư tăng chú nguyện, ch
hiện tại được tăng long phước thọ, kh
những điều tai họa, khổ-nào, còn ch
bảy đời trước thì khỏi bị khổ-n
được sanh trởng cõi nhơn thiên, h
phước vui vẻ không cùng".

Khi đó Ngài Mục-Kiên-Liên và bốn ch
đệ-tử đều hoan hỷ vâng làm. Và từ đ
sau, mỗi năm cứ đến ngày rằm tháng 7,

các hàng Phật-tử chỉ hiệu, đều có làm lễ Vu-Lan để đền đáp công ơn sanh t h à nh dưỡng dục của cha mẹ.

V.- Ý-NGHĨA ĐÚNG ĐẮN VÀ ĐÂY ĐÚ CỦA SỰ BẢO HIỆU THEO QUAN-NIỆM ĐẠO PHẬT

Tất-nhiên sự bảo hiệu không những chỉ nhằm vào một lễ Vu-Lan. Không phải mỗi năm chỉ tổ-chức một lễ Vu-Lan, là đã tự cho mình là người con chỉ-hiệu vì đã làm đầy đủ hiếu đạo.

Như trên đã nói, công ơn cha mẹ rộng như trời bể, làm con suốt đời báo ơn cha mẹ vẫn chưa vừa. Nhưng trong lúc báo hiếu, phải có một quan-niệm sáng suốt, đứng đắn mới thật có lợi-ích và hiệu quả. Báo hiếu có nhiều cách, nhưng khi ở ngoài hai phương diện : vật-chất và tinh thần.

1.- Báo-hiệu về vật-chất thì hầu hăy vắng thờ, thay làm các việc nhọc, săn-sóc miếng ăn thức uống, áo quần, chiếu giường chỗ nghỉ ngơi, không để cho cha mẹ thiếu thốn, lo nghĩ. Song người Phật-tử phải sáng suốt trong khi báo hiếu, không nên quá chiều theo ý muốn của cha mẹ mà tạo những nghiệp dữ, như sát nhân, hại vật, gây tội lỗi để làm cho cha mẹ được sung sướng trong vật chất. Làm như thế không phải là báo hiếu mà chính là bất hiếu, vì đã gây tạo tội lỗi thêm cho cha mẹ và cho mình.

Và lại, báo hiếu về vật-chất, dù đầy đủ cho mây đi nữa chẳng qua cũng chỉ làm cho cha mẹ được vui-về thỏa-mãn tro n g một kiếp hiện tại mà thôi. Cái vui vật chất là vui giả tạm, vui trong sanh tử luân hồi. Vậy sự báo hiếu về vật-chất chưa phải là đầy đủ.

2.- Báo hiếu về tinh-thần : - Người Phật tử phải tiến lên một tầng nữa, là lo báo hiếu về tinh-thần.

Báo hiếu về tinh-thần là làm sao cho tinh thần của cha mẹ được nhẹ-nhàng cao thượng và đi dần đến chỗ giải-thoát. Phật tử phải khuyên cha mẹ tin nhận quả tội phước và quy-y Tam-Bảo, bố-thí phụng sinh, niệm Phật, làm các việc lành, giữ giới và tu nhón giải-thoát. Có như thế, thì không những trong hiện tại cha mẹ được yên vui, thanh-tĩnh mà đời sau cũng được nhiều phước báo, và sinh trong cảnh giới sáng sủa, nhẹ-nhàng.

VI.- QUYẾT NGHĨ

1.- Có người nghi: - Chư Tăng chỉ tụng kinh chú nguyện làm sao vong linh được siêu độ ?

Đáp : Tinh-thần của người ta rất mạnh, mỗi khi chúng ta tập trung tư-tư ở n g chăm chú vào một việc gì, thì sẽ thấy sức mạnh của nó phi thường. Kinh nói : "chê tâm nhưt xứ, vô sự bất biên", nghĩa là : để tâm dính lại một chỗ, thì không việc gì là không thành tựu. Chúng ta thấy như các nhà thôi miên, dùng tinh-thần sai-sứ người đi đứng, nắm ngôi, v.v đều được cả. Người thế-gian dùng tâm còn được như thế, huống chi chư Tăng tritrai giữ giới thanh-tịnh tu-hành, tất n h iên tinh-thần phải sáng-suốt, mạnh mẽ h ó n. Như thế mà các vị lại tập-trung tư-tướng thành tâm chú nguyện thì vong-linh nh ở sức mạnh của chư Tăng mà được siêu sanh. Lại nữa, Phật và Bồ-tát sẵn có lòng từ-bi tế-dộ, thường tất cả chúng-sinh n hư mẹ thương con. Chúng ta cảm, thì lo gì các Ngài không ứng hiện ? Cũng như mặt trăng luôn luôn sẵn có ánh sáng, nếu nước hồ không xao động và lóng trong thì trăng kia sẽ chiếu xuống tận đáy hồ.

2.- Có người hỏi: - "Y như lời Phật dạy trong kinh Vu-Lan, thì phải sắm c ho đủ các thứ thực-phẩm và vật-dụng quý báu để cúng-dường chư Tăng. Như thế thì đối với những kẻ nghèo hèn làm sao lo được ?

Đáp : Bón ý của Phật dạy chúng ta là phải chí thành và tận lực trong việc lo sắm mà thôi, chứ không phải người n à o cũng sắm đủ những thứ ấy. Đối với những kẻ nghèo khó, nếu họ đã tận lực mà ch'i mua được một nén hương hay một đĩa quả, nhưng có lòng chí thành, thì cũng đủ làm rồi. Trái lại, nếu có người sắm đủ g iả các vật mà chưa chí thành, thì cũng chưa có thể gọi là đầy đủ.

3.- Có người hỏi : - Ngài Mục-Kiên-Liên thân thông đệ nhất, tự mình có thể cứu vớt cha mẹ được, cần gì phải cần d ế n chư Tăng ? Cũng như ông quan lớn trong xứ, dù thế lực, có thể cứu bà con có tội được rồi, cần gì phải nhờ đến các quan khác ?

Đáp : - Bà Thanh-Đề bị tội khổ, do trước kia tâm bà gây nên. Hôm nay nhờ Ngài Mục-Kiên-Liên là con hiếu thảo, sắm các lễ vật cúng-dường Phật, Tăng, lúc ấy bà sanh lòng hoan-hỷ, cũng muốn cúng dường Phật, Tăng. Do đối niệm bồi-sèn, trở lại tâm rộng-rãi, mà bà được giải-thoát. Nếu như chỉ nhờ đức chúng Tăng mà tâm bà kh

Phật Giáo Việt Nam thời Pháp thuộc

(1862 - 1954)

Thượng Tọa Thích Hiên Chơn

(tiếp theo)

Năm 1928 cụ họp với Hoà Thượng Huệ-Quang (Trà-Vinh) Hoà Thượng Tử-Nhân (Cần Giuộc Long An) Chơn-Huê (chùa Linh-Thúy Mỹ-Tho), Thiện-Chiếu (chùa Linh Sơn, Sài Gòn) Cô mi Trần Nguyên Chân và cư sĩ Thái - Bình Ngô-văn-Chương tổ chức lâm t h ở i Phật Học Viện, lập nhà Thư-xã tại Chùa Linh Sơn đường Douaumont số 149 (nay là Cô-Giang Sài Gòn).

Sau khi thành lập Phật-Học-Viện và Thư-xã xong, cụ đi vận động để lập trường Phật-Học và Hội Nam-Kỳ Phật-Học. Cuộc hành trình của cụ đi vận động từ Nam Kỳ lên đến Nam Vang gần 3 tháng. Khi cụ kết thúc cuộc hành trình, trở về thư xã chùa Linh Sơn, các bạn của cụ đồng đủ dĩa khời công biên tập xuất bản tờ tạp chí đầu tiên nhan đề "Pháp Âm". Bộ biên tập cụ cụ chủ nhiệm. Tạp Chí Pháp Âm bắt đầu ra tập thứ nhất ngày 31 tháng 8 năm 1929. Cụ Khánh Hoà có viết bài tự trần d ã n g lên báo Pháp-Âm trang 17-20, nói về lý do lập Thư-Xã và tình thế bắt buộc cụ phải đảm nhận trọng trách ấy. Lê Khánh thân h Pháp-Bảo và Thư-Xã với Tăng Kinh Thất được cử hành tháng 12 năm 1929.

Năm 1930 cụ thành lập hội Nam kỳ nghiên cứu Phật học tại chùa Linh-Sơn Sài Gòn Cụ làm chánh hội trưởng. Trường Phật Học cũng đã làm xong.

Vì kẹt vấn đề phép tắc quá gay go, n ã u chẳng có người thân Pháp bấy giờ không thể xin phép, thành lập Hội Phật Học... nên phải nhờ thế lực ông Trần n g u yên Chân xin phép.

Những điều lệ được Thống-Độc Nam Kỳ cho phép lập hội Phật-Học ngày 26 tháng 8 năm 1931 quá khắc khe như sau :

"Sách Kinh thỉnh để thêm vô Pháp- Bảo - Phường phải trình cho chánh-phủ b i ế t (chánh phủ thuộc địa); những Kinh dịch h ra quốc ngữ phải trình cho chánh q u yên biết.

Chương-trình dạy Tăng đồ phải trình c ho chánh phủ xét. Chánh phủ có quyền h ỏ i cho biết những Kinh sách để dạy và những bài học, có quyền đến tại Thích Học Đường để kiểm duyệt sách, thi hành chương trình, phải cho chánh phủ biết những giáo sư dạy tại Thích Học Đường và sự dời đổi xảy ra trong ban giáo sư ấy.

Theo điều 15 số tiền cúng vào hội 100 đồng phải có quan Thống Đốc cho phép mới được nhận. Hội được phép có gia sản đủ dù n g trong sự hành động mà thôi (chẳng cho có dư).

Điều 16, thủ quỹ chỉ giữ 100 đồng bạc mà thôi, còn dư phải gửi nhà băng của Pháp. Cụ chủ trường phát triển Từ Bi Âm để có phương tiện chỉnh đốn mấy ngôi chánh phủ đã cho phép 1/ Pháp-bảo-Phường (đề Kinh điển). 2/ Duyệt Kinh thất (thư viện). 3/ Thích Học Đường. 4/ Biên tập số. 5/ C ố động viên. Nhưng chương trình của cụ không được như ý muốn vì Pháp cứ tìm mọi cách để cản trở phá hoại cho nên đến ngày 15 tháng 2 năm 1933 sau khi Từ Bi Âm ra số 45 cụ từ chức chẳng còn ở Hội Nam Kỳ Phật-Học Linh-Sơn và Từ-Bi-Âm nữa. Cụ về Hậu giang kết hợp chủ sơn để mở Liên-Đoàn Phật-Học (mỗi chùa dài thọ chi phí khai giảng 3 tháng, rồi nối tiếp như thế đào tạo Tăng tài) Chùa Thiên-Phước Trà Ôn của Hoà - Thượng Nguyên-Chánh-Tâm mở khoá đầu, tiếp theo khoá thứ hai chùa Long-Hoà của Hoà- Thượng Huệ-Quang tại Tiêu-Cần, (Trà Vinh) Tiếp khoá thứ ba là chùa Viên-Giác của Hoà-Thượng Lê-Tâm-Quang. (tại Bến-Tre) . Nhưng trong ba khoá dạy Tăng chúng, cụ Khánh-Hoà đều bị mật báo với thực - d ã n Pháp phao tin cụ dạy về thuyết cộng sản. .. vì thế cụ Khánh-hòa bị bắt buộc phải đem Kinh, Luật đến số mật thám để giải bày từng chữ cho mật thám Pháp rõ.

Ngoài ra cụ còn hô hào Tăng già lục-tỉnh hợp tác lại để "chỉnh lý cho nghiêm-minh giới luật". Mỗi tỉnh phải cử 5 đại biểu u chánh thức để đại-diện trong tỉnh mình. Rồi về trung ương họp bầu lên vị Giáo-Tỷ (Tăng-Thống) và phó giáo-tổng để thông g lãnh Tăng đồ trong 21 tỉnh. Cụ tăng try 21 tỉnh hưởng ứng, họ định cử Hoà-Thượng Tử-Phong chùa Giác-Hải làm Chánh G i á o Tông, cụ Khánh-Hoà Phó Giáo-Tông. Nhưng rồi cũng bị phá hoại. Bọn Việt gian mật báo rằng cụ liên kết chủ Tăng để ch ộn g Pháp. Mật khác chúng rời thơ cho chủ Tăng Lục-Tỉnh, bảo đừng theo chủ trường của cụ. Bị làm trở ngại. cuộc bầu cử Giáo Tông tan vỡ. Năm 1934 cụ về hậu-giang hiệp cùng Hoà

Thượng Huệ-Quang và quan huyện Huỳnh - Thái-Cửu (ông này đã yêu cầu sửa đạo 4 năm trước đây) ông Ngô-Trung-Tín (cúng 3 tọng kinh) và các vị cư sĩ... lập hội Lương Xuyên Phật-Học-đường xuất bản Duy-Tâm tạp chí v.v..

Cụ Khánh Hoà vận động và họp với H o à - Thượng Huệ-Quang thảo điều lệ được Thống Đốc Nam Kỳ chuẩn phê vào ngày 1 tháng 3 năm 1934.

Hội Lương Xuyên Phật Học được phép thành lập, Cụ Khánh Hoà và Hoà Thượng Huệ-Quang được Hoà Thượng Nguyễn Văn Ti, sang l ậ i chùa Long Phước ấp Thanh Lệ (Châu Thành, Trà Vinh) làm trụ sở của Hội Lương Xuyên Phật Học. Trường Phật Học gọi là "Thích h Học Đường" nguyên là cái nhà nghỉ mát một tầng lầu rộng 7 căn 2 chái của huyện hàm Ngô Trung Tín hiến để làm trường học đào tạo Tăng tài. (Trường này bị Thực đ ả n Pháp đốt hồi năm 1945).

Trường Phật Học này khai giảng vào n ă m 1935. Bên Tăng có Pháp sư Khánh A n h dạy, bên Ni có sư Minh Tịnh. Sau trường dời về chùa Vĩnh Bửu ở Thới (Bến Tre).

Hội Lương Xuyên Phật Học xuất bản Duy-Tâm tạp chí mỗi tháng ra một kỳ. Hoà Thượng Huệ-Quang làm chủ nhiệm. Ông Trần Huỳnh làm chủ bút. Trường Phật học và hội Lương Xuyên tại Trà Vinh đây là chỗ phát xuấ t Hoà Thượng Thích Thiện Hoà và Thượng Tọa Viên Trường Viên Hoà Đạo Thích Thiện Hoà, Hành Trụ, Quảng Liên, Huyền Quang, 3 vị này ở miền Trung, nhưng cũng vô học trường PH Lương Xuyên này.

Trường Phật học Lương Xuyên đa số các Thầy miền Nam đều có học trường này. S a u đ i Trung Bắc và đi học các nơi nữa. Kết trong số có 21 vị ; Hoà Thượng Thích Thiện Hoà là Trưởng Tư của trường này và lớn tuổi hơn hết. Được hội này tuyển chọn cho r a học Trung, Bắc. Hoà thượng Thích Thiện Hoà T. Hiến Thụy. T. Hiến Không đi trước nhất là năm 1936.

Trường Phật học Lương Xuyên Trà Vinh l à Tổ đình chung của Phật giáo miền Nam.

(còn tiếp)

hoan-hỷ mở rộng, thì cũng khó mà cứu vớt được.

C. - KẾT LUẬN :

Chúng ta đã rõ biết hiểu qua tốt đẹp của lễ Vu-Lan. Vậy chúng ta nên noi theo gương của Ngài Đại-hiền Mục-Kiên-Liên mà b á o hiểu, thì chắc-chắn cha mẹ hiện-tại và bảy đời trước đều được thoát khỏi nạn quỷ u-dồ, và hưởng vui giải-thoát. C h u yện " Mục-Liên, Thanh-Đế" không có gì là hoang đường, huyền-bí, mà là một hiện-tượng n g có thể giải-thích được. Đó là do l ờ : r hiểu thảo chí-thành của người con và công đức tri trai, giữ giới thanh-tịnh trong ba tháng hạ, thúc liễm tu-hành của c h ú Tăng, thành tâm chú nguyện, nên có s ứ c mạnh cảm thông và kích-thích đến tâm hồn người đau khổ, làm cho họ thức-tỉnh cơn mê, xoay chuyển tâm niệm ác, hướng về nẻo thiện. Nhờ sự chuyển-hướng của cái t ả m này, mà họ thoát khỏi sự hình phạt đau khổ mà trước kia chính cũng do cái tâm này tạo ra. Trong kinh có nói : "Tâm có t h ệ tạo nghiệp, mà tâm cũng có thể c h u yện nghiệp". Kia, như nhà thôi miên h ọ c, chỉ tập trung tư-tưởng mà còn có thể xoay chuyển sự vật được, huống chi sự c h ú nguyện của chư Tăng, là kết tinh của bao nhiêu phước đức trí-huệ, thanh-tịnh, lại không thông cảm đến người ở chốn tội khổ hay sao ? Nghiệp-lực sâu thẳm vô-biên thì tự lực và nguyện lực cũng đồng-mãnh vô-lượng, có thể chuyển được tâm người tạo nghiệp, đập vỡ được lao ngục xiềng xích h ớ hình ở chốn u-dồ.

Pháp Vu-Lan này chính là phương-pháp thần diệu để cứu rỗi vong-linh cha mẹ trong cảnh khổ tối tăm.

Nhưng chúng ta phải luôn luôn nhớ rằng : báo hiếu không phải chỉ đợi khi cha mẹ đã khuất bóng và mỗi năm chỉ một lần cử hành lễ Vu-Lan là đủ.

Người con chí hiếu, bao giờ cũng v u i sướng khi thấy cha mẹ còn ở bên mình v à tận lực phụng dưỡng cha mẹ, để cha mẹ được thanh thản về cả hai phương-diện vật chất và tinh-thần.

Như thế mới khỏi hối-hận và than-thở như Thầy Tư-Lộ :

"Mộc dục tịnh nhi phong bất đình !

Tư dục dưỡng nhi thân bất tại".

(Cây muốn lặng mà gió chẳng ngừng ! con muốn nuôi dưỡng báo hiếu mà cha mẹ chẳng còn sống).

Ảnh hưởng Phật Giáo trong Thi ca Việt Nam



Bài của Phan Xuân Sanh

Học giả Nguyễn Doãn Can Lộc sưu lục

Từ lâu Phật Giáo Việt Nam đã từng làm đề tài khảo luận cho nhiều học giả nước nhà. Ngoài trừ một số ít bài được in thành sách phần lớn đã được đăng trên báo chí ở Việt Nam đến nay rất khó kiếm lại được.

Gần đây chúng tôi có may mắn sưu tầm được một số tạp chí xưa trong đó có đăng khá nhiều bài khảo luận về Phật Giáo Việt Nam. Bởi vậy, chúng tôi đã có ý nghĩ sưu lục những bài vừa được biên soạn công phu nhất lại có liên quan tới văn hóa Việt Nam, để lần lượt công hiến quý vị độc giả.

NGUYỄN DOÃN CAN LỘC

LỜI TÒA SOẠN: Mục "Tuyển tập Phật Giáo với văn hóa Việt Nam" do Học giả Nguyễn Doãn Can Lộc phụ trách và hy vọng với mục này Quý vị độc giả sẽ có cơ hội nhận ra được chân giá trị của Phật Giáo đã đóng góp cho Dân Tộc Việt trên nhiều bình diện Tôn Giáo, Văn - Hòa nghệ thuật, âm nhạc, lễ nhạc, thi ca v.v. trong suốt giòng lịch sử đã qua.

Ban Biên Tập Đặc San Viên Giác xin thành tâm tri ân Học Giả Nguyễn Doãn Can Lộc và cũng xin cảm tạ những Tác giả hoặc hữu danh hoặc vô danh đã công hiến nhiều bài khảo - cứu, biên soạn thật công phu, những chúng tôi chưa có cơ duyên liên lạc để cảm ơn tất cả Quý vị. Xin nhận nơi chúng tôi lòng cảm niệm sâu xa nhất trong ánh đạo nhiệm màu của Đấng Chí Tôn.

PHẬT GIÁO ĐẾN VIỆT NAM VỚI SỨ MỆNH VĂN HOÁ

Phật Giáo vào Việt Nam đến nay đã non 20 thế kỷ. Giai đoạn du nhập khởi đầu vào khoảng tứ thế kỷ thứ nhất và thứ hai dưới sự hướng dẫn của bốn nhân vật Ấn Độ vào Trung Hoa; Ấn Độ có ba vị Ma-Ha-Kỳ-Vực (Marajivaka hay Jivaka) Khương-Tăng-Hội (K'ang-sang-Hoiei) Chi-Cương-Lương (Tche-Kiang-Leang) và Trung Hoa: tức ngài Mậu-Bác (Meou-po). Trong Nam Phong tạp chí số 128 tháng tư 1928, tác giả bài "Phật Giáo Nam Lai Khảo" cho biết Đạo Phật truyền vào đất Giao Châu chừng năm 67 sau Tây lịch, nhưng ông Trần Văn Giáp trong một bài nghiên cứu in lại Tạp chí Viện-bát-cổ, năm 1930 (số XXX trang 151-155) phê-bình bài "Phật Giáo Nam Lai Khảo" cho rằng tác giả làm bài này nhận lầm năm Vĩnh Bình đời Tấn Huệ (294 sau T.L.) với năm Vĩnh Bình đời Hán (61 sau T.L.) thành ra đến

hai thế kỷ. Còn căn cứ vào tài liệu khảo cứu của những học giả Tây phương, các ông Sylvain Levi, P. Pelliot đều đồng ý với Trần Văn Giáp và phần đông học giả Việt Hoa rằng: Phật Giáo ở Ấn Độ và Trung Hoa du nhập Việt Nam vào khoảng cuối thế kỷ thứ hai.

Một sứ mệnh duy nhất và đặc biệt của các nhà truyền bá Phật Giáo Trung - Hoa và Ấn Độ trong non hai mươi thế kỷ tại Việt Nam là sứ mệnh văn hóa thuộc các phạm vi tư tưởng đạo đức, văn chương, mỹ thuật. Cho nên bốn vị sứ: Ma-Ha-Kỳ-Vực, Khương-Tăng-Hội, Chi-Cương-Lương, Mậu Bác đối với tôn giáo, với học giả Việt - Nam vừa là những nhà văn hóa tiên phong trong buổi đầu xây dựng nền văn học, nghệ thuật nước nhà. Bởi vậy bản về "Ảnh hưởng Phật Giáo trong thi ca Việt Nam" tức là nêu rõ chỗ liên hệ mật thiết của

đạo Phật đối với đời sống tinh thần của dân tộc Việt kết tinh trong phạm vi ca dao và thơ Việt thuộc nền văn hóa nghệ thuật nói trên.

ĐẶT VẤN ĐỀ ẢNH HƯỞNG PHẬT GIÁO TRONG THỊ CA

Đặt vấn đề ảnh hưởng Phật Giáo trong thi ca Việt Nam, phải đặt nó vào giai đoạn nào trong lịch sử văn học?

Về ca dao, vì chỗ cấu tạo và sức phổ biến của nó ít lệ thuộc với thời gian và không gian, nên việc phân chia thời kỳ và giai đoạn không thành vấn đề.

Về thơ, chỉ nghiên cứu trong phạm vi thơ Việt; như thế chúng tôi sẽ không bàn đến các tác phẩm về Hán văn của những nhà thơ Việt Nam chịu ảnh hưởng Phật Giáo, nhất là những thi phẩm các giai đoạn văn học từ thế kỷ 13 trở về trước, khi Việt ngữ chưa thành hình.

Vì những lẽ trên, bài nghiên cứu này chúng tôi sẽ chú trọng đến hai điểm chính:

Sau khi tìm ảnh hưởng Phật Giáo trong ca dao, chúng tôi sẽ đề cập đến một phần khác có lẽ là quan trọng nhất, đây là phần ảnh hưởng của giáo thuyết này trong thơ Việt từ các nhà thơ thế kỷ 13, 14 đến Trần đến Ôn-Như-Hầu, Nguyễn-Huy-Tử Nguyễn Du giữa thế kỷ 18, 19 qua các nhà thơ hiện đại như Anh-Thơ, Nhược Pháp, Hàn Mặc Tử, Vũ-Hoàng-Chương v.v...

TRƯỚC VẤN ĐỀ THƠ VÀ ĐẠO THÁI ĐỘ CỦA NGƯỜI NGHIÊN CỨU

Theo chân những nhà thơ, những thi sĩ để bàn chuyện tôn giáo hoặc nói ngược lại, đi qua Tôn giáo, để tìm lại tâm hồn của người thơ. Lành cái công việc khó khăn, vừa tế nhị, vừa phức tạp ấy, điều ngại nhất của chúng tôi nằm trong câu hỏi: Nên trung thành với ai, với người thơ hay với phong độ trung dung, mục đích của Tôn giáo? Trên thi đàn Việt Nam, đã có những thi sĩ như Hàn-Mặc-Tử đòi xin trình bạch của ni cô: cũng chẳng thiếu những nhà thơ như Nguyễn Du, ôm mớ ớ i-loại chúng sinh mà khẩn nguyện rất chân thành:

Nguyễn Du

Nam mô Phật, Nam mô Pháp, Nam mô Tăng,
Nam mô nhất thiết siêu thắng thượng đài.
Hàn Mặc Tử:

Cho tôi hoa dền ngũ
Cho tôi lòng Ni-Cô
Xuân trên má nường thơ,
Ngon như tình mối căn.

Đến với nhà Thơ, đến với Đạo Phật, thái độ nào ổn thỏa hơn cả?

Hãy đón nhận những gì thuận, thành hay phức tạp kia với tâm lòng cởi mở: Chúng ta nên nghĩ rằng thuận thành và phức tạp chỉ là hai khía cạnh của một sự sống, của tâm hồn, và cảm tình chân thật của nhân-loại kết tinh hoặc bằng hưởng hoa, thành kính, hoặc bằng mồ hôi nước mắt ở giữa cõi trần.

Trần gian lên hưởng đó là Đạo
Trần gian lên hưởng đó là Thơ

Thi ca và Đạo Phật trên xứ sở Việt Nam gặp nhau không do một sự tình cờ, cũng không do sự ép ượng, mà trái lại chỉ là sự hòa nhịp của mỗi tình ý cao thâm, mọi hình thức sống trong siêu nhiên cũng như trong thực tại đã kết thành thơ. Cái đem hợp-cần giữa thi ca với Đạo Phật thành tựu từ bao giờ chúng ta chưa biết nhưng chắc chắn nó đã tượng hình từ mấy nghìn năm, khi dân tộc sửa soạn tâm tư đón nhận Phật Giáo, khi lịch sử Việt Nam bắt đầu chớm nở. Và từ đó thi ca cùng Đạo Phật nương tựa nhau để trưởng thành và thắm đượm theo chiều tiến triển chung của lịch sử dân tộc. Tuy vậy, chúng ta cũng nên quan niệm một cách rộng rãi rằng: nói ảnh hưởng của một tôn giáo trong thơ khác xa với việc bàn học thuyết này ảnh hưởng đến việc học thuyết khác, tôn giáo này ảnh hưởng đến tôn giáo khác theo thái độ sắc bén của một học thuyết gia hay một nhà đạo đức học. Đạo Phật ảnh hưởng thi ca Việt-Nam nghiêm nhiên Đạo Phật đã biến mình và được thi vị hóa; bởi vậy, chúng ta cần phải chấp nhận tính chất âm ứot của bài nghiên cứu này vì nó khác xa một bài luận thuyết từ tượng, và triết lý Phật Giáo gây được một ảnh hưởng rất sâu xa trong thi ca Việt Nam, trước khi đi vào chi tiết của từng phần Thi và Ca, tương nên tìm xem ảnh hưởng đó nảy nở theo nguyên nhân nào và được xây dựng trên căn bản tư tưởng nào trong Phật Giáo.

ẢNH HƯỞNG PHẬT GIÁO NÀY NỞ TRONG THỊ CA,
NGUYỄN NHÂN VÃ CĂN BẢN TƯ TƯỞNG

Đối với Việt Nam, ca dao và thơ là nơi

toàn dân tộc có thể gói gắm nhiều, nhiều nhất tinh thần chung của mình, Thi ca của dân tộc đã tìm được trong Phật Giáo một sức sống thích hợp và đã chịu, nhiều ảnh hưởng, nguyên nhân chính của cuộc trùng phùng đẹp đẽ ấy phải chăng vì Đạo - Phật là một Tôn Giáo của Dân-Tộc, và căn - bản tư tưởng của Đạo này khúc chiết rõ, đĩnh đạc, hết sức phù hợp với tư duy của toàn dân đủ mọi tầng lớp ?

Lịch sử Phật Giáo Việt Nam kể từ kỷ nguyên thứ nhất cho đến bây giờ chỉ xanh lên một màu sống. Dân tộc Việt Nam xưa cũng như nay đón Đạo Phật chẳng khác gì đón một nụ cười, một lời an ủi, một làn hương sen. Phật Giáo và Dân Tộc Việt Nam trong lúc chung đụng chưa bao giờ xảy ra sự xung - khắc, chỉ chừng ấy cũng đủ rõ mối tình của dân tộc đối với Phật Giáo đậm thắm biết bao nhiêu. Lịch sử nước nhà còn cho chúng ta thấy rằng những giai đoạn hùng cường của Dân tộc như đời Đinh, Lê, Lý, Trần v.v. là chính những giai đoạn Phật-Giáo được thịnh hành nhất.

Ngay trong đời sống hằng ngày của dân chúng từ tỉnh thành đến thôn quê, có những hình ảnh, những thanh sắc hương vị Phật - giáo như chiếc y vàng, ngôi chùa cổ, hồi chuông ngân, lời kinh siêu độ đã thấm nhập trong dân gian biến thành những thanh - sắc chung của toàn xứ sở.

Giàu thanh sắc quen thuộc này lòng tin của dân tộc Việt Nam chớm nở. Đạo Phật đến với dân tộc chỉ là một dịp để dân tộc sống một cách đầy đủ và mạnh mẽ hơn hầu thực hiện lòng đại lượng, đức tự chủ, tính duy nhất cùng bao nhiêu hoài bão hòa bình và tự do hợp lý trí và thuận với tình cảm.

Đạo Phật đến với nhân loại nói chung, và Việt Nam nói riêng, chỉ có nghĩa là con người phải trở về năng lực cao cả của mình, sự có mặt của Phật Giáo chỉ có nghĩa một sự đập vỡ những bất công, những mê muội để đòi hỏi cho nhân sinh cái quyền sống; quyền tự lập và sáng tạo. Một tinh thần Phật Giáo, un đúc trên những tài nguyên bình đẳng; và các giáo thuyết căn bản của Đạo Phật để biện minh tinh thần trên đã dựa theo những định luật rất quen thuộc với đời sống chung.

Đây là định luật Tướng-Quan Sinh-Tồn dựa

trên thuyết nhân quả.

Đây là định luật Đại Giác(?) (Tự Giác, Giác tha, Giác hạnh viên mãn) dựa trên căn bản hiểu biết và tình thương (trí tuệ, Từ bi).

Định luật tương quan sinh tồn theo nhân-quả nói rộng ra sẽ gặp thuyết nhân duyên, luân hồi, nghiệp báo.

Định luật đại giác(?) tác động lòng vị tha về cả hai phương diện lý trí và tình - thương cốt để trau dồi tu tâm và giải quyết vấn đề đau khổ (khổ, tập, diệt, đạo) cốt để sống đời thanh bạch, giải thoát.

Một phần hệ trọng và quan niệm vũ trụ và nhân sanh của dân tộc Việt Nam nằm trên các tư tưởng trên, và tư tưởng này có ý nghĩa chính là những tư tưởng căn bản gây nhiều ảnh hưởng trong thi ca Việt Nam.

NIỀM TIN PHẬT CỘI MỒ VÀ BÌNH DI TRONG CA DAO VIỆT NAM

Chỗ quý kính lớn lao nhất của đời chúng ta xưa nay là những bài kinh, hoặc những di sản tinh thần khác đời một tính cách thiêng liêng ấy. Những những gì đáng cho ta thờ kính trên để để làm cho ai nấy đều mến yêu một cách thành thực bằng tất cả tình ý sâu kín của họ?

Điều đó cũng không lạ, chỉ vì thế - giới thiêng liêng huyền bí của tín điều, kinh - điển dù bao la, sâu đậm vẫn không trùm chứa hết nỗi trống trải của lòng người chới với trước sự biến chuyển vô cùng của vũ trụ.

Cho hay bài kinh của dân gian hằng ngày câu nguyện để trốn bỏ vợ(?), chứa hãn tín điều, kinh điển, hoặc những gì đượm vẻ huyền bí bước bách, buộc phải theo, buộc phải tin, do sức mạnh hay do tập quán nghìn xưa:

Qua không gian, thời gian, bát ngát ở trong dân gian vốn đã nảy lên từ bao giờ một cuộc cách mạng tiềm tàng, một sự xây dựng sâu kín cho những pho kinh khác bình dị, đầy sức sống, thấm nhập trời đất cây cỏ, nhịp nhàng biến chuyển theo tâm cảm xúc, pha trộn cùng mồ hôi nước mắt của loài người.

Chúng ta chợt nghĩ đến ba trăm thiên kinh thi của xã hội bao la nước Tàu, chúng ta

ta chợt nghĩ đến nền ca dao Việt Nam với dân tộc Việt.

Và mỗi bận chúng ta tưởng đến kinh thi, đến ca dao mà thương, niềm thương không bờ bến của chúng ta chỉ hướng về tâm hồn của một số lớn nhân loại không thể nương tựa nơi cánh giàu sang, quyền quý, danh để hồn tan nơi này một ít, nơi kia một ít, bao gió trắng, sương nắng nơi nào ít lợi danh, cần, bã toàn là nơi nương gủi tâm hồn của họ:

Thân em như lá Đại Bi

Ngày thì giải nắng, đêm thì dầm sương.
Nhìn xã hội Việt Nam tháng ngày thay đổi không ngừng, cái ít hay đổi nhất, chỉ có vẻ đẹp ca dao và tâm hồn của con người ở trong đó.

Người phụ nữ trong ca dao tự ví mình như ngọn lá Đại Bi... Nào ai có thể biết được cây Đại Bi ra sao, ngọn cành thế nào? Nói đến Đại Bi, người ta chỉ nghĩ đến sùt tượng trướng của đức hy sinh, niềm thương vô cùng vô kể bắt nguồn ở biển Tứ Bi của Đạo Phật

Phật Giáo có một đức "Đại Bi Quan Thế Âm" có tiếng là linh diệu và thường cảm nghe loài người đau khổ, nhưng chúng ta đành chịu không biết rõ động tác thiết thực của đức Đại Bi Quan Thế Âm ra sao? Người gần ta hay xa ta, việc ấy có lẽ còn phải dày công tu luyện, tìm kiếm. Trái lại, muốn thấy rõ Đức Quan Âm Việt Nam, người mẹ yêu dưỡng của nước Việt, thì không khó gì chỉ cần ghé lại dưới gốc cây đa, bên ngôi chùa cổ, ấy là hình ảnh một người hết mực kiên nhẫn, âm thầm nhận lấy những bất công, những ngang trái ở giữa trời.

Con ai đem bỏ chùa này

Nam-Mô A Di Đà Phật, con thầy, thầy nuôi.

Nhận làm cha một đứa con hoang; dưới mắt kẻ Tứ Bi chỉ là lòng trung kiên vô tận để thực hiện tình thương vô cùng, nhưng dưới mắt láng giềng là tất cả nhục nhã của một cuộc tình duyên chung trộm và ngang trái. Câu chuyện Thi Kính thành Phật Quan Âm có thể có thật hay không, điều đó chẳng có gì quan trọng. Sự quan trọng chính ở chỗ quan điểm Tứ Bi Phật Giáo đã được thể hiện một cách rộng rãi, bình dị và thiết thực giữa quần chúng Việt Nam.

Sự thật, đạo Phật sống động giữa lòng dân

chúng không quá khô khan, không có tánh - cách gò bó, khuôn khổ của Tín điều. Kinh Phật truyền xuống dân gian chính là những câu kinh của dân gian, tình cảm Phật Giáo tràn qua quần chúng chính là những tình cảm của quần chúng:

*"Lên chùa lay Phật qui y
Câu cho tuổi nữ, tuổi ni kết duyên".*

Những cuộc tình duyên dưới một tinh thần Phật Giáo, nào có gì gò ép, đạo đức gì à đâu. Tình yêu với trăng rằm, tình yêu với làn hương sen, tình yêu với lời chuông huyền diệu.

Tứ hồi chuông của Trường Kế tại chùa Hàn Sơn:

*"Cô-tô thành ngoại Hàn-Sơn-Tứ
Đạ bán chung thanh đảo khách thuyền"
(Thuyền ai đậu bên Cô Tô,
Nửa đêm nghe tiếng chuông chùa Hàn Sơn)*

Qua hồi chuông Thiên-mụ trong ca dao;

*"Gió đưa cành trúc la đà,
Tiếng chuông Thiên Mụ, canh gà Thọ Xương"*

Tình cảm cùng hướng vị và thanh sắc Phật giáo xưa nay vốn là dưỡng giao cảm tự nhiên đã từng gieo vào những thiên tình sứ, gieo vào lòng nhân loại bao nhiêu tha thiết;

Tứ lâu tình cảm của nhân thế đã lắng đọng trên ngõ đường Phật Giáo:

*"Đạo sĩ chớ tôi chân hải hồ,
Tôi chớ đạo sĩ lẩn hư vô;
Tôi mơ trăng lạnh Hàn Sơn Tự,
Áp ú men ngay đợi áo khô".*

Và từ lâu lứa tình cũng đã nhóm dậy giữa các ngôi chùa cổ:

Thôi DANH DANH và QUÂN THUY trong "Tây-Sương Ký"; PHẠM-THÁI QUỲNH NHÚ, NHỊ NƯỚNG, QUANG NGỌC trong "Tiểu Sơn Tráng Sĩ"; LAN và DIỆP trong "Tắt lửa lòng", LAN và NGỌC trong "Hồn bướm mơ tiên"... ở đây chúng ta không bàn đến sắc thái riêng của từng đời tình trong những thiên tình sứ đó, mà chỉ nhận mạnh rằng hương vị và thanh sắc Phật Giáo có thể đời chiếu tình yêu và gây thêm cho nó một vị tha thiết hơn.

Từ tình yêu trở lại tình duyên, người ta

không thể quên được nguyên lý Nhân duyên của Đạo Phật để hiểu quan niệm tình ái trong ca dao:

*"Phải duyên phải kiếp thì theo,
Thân em có quan khổ nghèo lắm chí*

Ở đời, cái gì đến, cái gì tan đi, cuộc họp tan ấy không thể có trong tình cờ; cái mà người ta gọi rằng tình cờ chỉ là một lối kết luận để dăng, khi chưa nghĩ đến những qua lại, những nguyên nhân hậu quả nhiệm của nó:

*"Huỷ duyên thiên lý năng tương ngộ
Vô duyên đôi diệp bất tương phùng"*

Nghĩ cho kỹ, chúng ta sẽ thấy từ các địa hạt âm nhạc, mỹ thuật, thi văn, có lẽ chưa nói nào triết lý của tình yêu được thấy rõ bằng trong ca dao:

*"Chữ nhân duyên thiên tại nhất thì
Giàu ăn khổ chịu lo gì mà lo.*

Sự thật cái mà người ta gọi là tình yêu trong ca dao chính là tình duyên.

Bởi vì ái tình ở đây ít phú phàng, ít ngag trái, cho nên không sinh ra thiên h ì n h vạn trạng; gặp nhau là có số, thướng nhau nhờ đủ cơ duyên. Ái tình trong ca dao như đã vãng theo một hệ thống triết lý d o nguyên lý Tướng-Quan-nhân-quả, nguyên lý nhân duyên sanh tác động.

Không có một tình yêu tuyệt đối, vì tình yêu là một sự đổi trao, là về tân kỳ trôi lên do cuộc hòa nhịp của hai tâm hồn. Tình yêu lại là biến dạng của tình cam, mà hình dáng tâm thướng nhất là sự vụ lợi. Tình - trạng thướng của ái tình đó thướng xảy ra giữa đám giàu sang, quyền quý, hai câu ca dao dướm về chàm biếm dưới đ â y phải chăng là cái mìm cuối của lớp bình dân nói hưởng đổng, gió nội gỏi về l ó p người nhon nhao trong bả công danh p h ú quý:

*"Khó khăn thời chẳng ai nhìn,
Đến khi đó Trang ba nghìn nhân duyên"*

Gẫm lại tình không mấy khi phu tình, chỉ có đối phu. Chính bụi trần và lòng người phức tạp trải qua bao nhiêu thế hệ đã xóa mờ tâm hồn thanh tao, bình di của người đấng số. Hôm nay đi về với người bình dân

trong ca dao chúng ta sung sướng gặp lại một phần nào hình ảnh của con người đấng sợ đó. Hình ảnh của cuộc đời chỉ là hình ảnh của vũ trụ biến hiện theo giồng tâm thức. Khi giồng tâm thức nghiêng lệch trần gian loạn đổng và có muôn vẻ đẹp lung - linh. Từ đó đời xao xuyên và lòng x a o xuyên theo. Từ nỗi xao xuyên vì tình cảm cho đến những nỗi xao xuyên vì bao nhiêu hình ảnh sống khác trên trường đời b ê n cạnh những nhà đạo đức chân chánh, l ó p bình dân trong ca dao đã biết nhìn đời bằng một tâm trạng bình yên, biết g i á i nghĩa cuộc đời bằng tất cả tình táo: theo họ, ngoài lòng vì tha, ngoài đức lượng rộng rãi, cái gì ở đời cũng đảo điên, bề tấc và tan vỡ:

*"Dầu xây chín bậc Phù đô,
Sao bằng làm phúc cứu cho một người."
"Lên đên trên cửa thần phủ,
Khéo tu thì nổi, vụng tu thì chìm"*

Cùng với nguyên lý nhân duyên sanh, định luật nhân quả nghiệp báo đã tác đổng mạnh mẽ giữa quần chúng Việt Nam trên con đườg chí thiện:

*Cây xanh thì lá cũng xanh,
Tu thân, tích đức, để dành cho con...*

Hoặc:

*Trăm năm bia đá cũng mòn
Nghìn năm bia miệng vẫn còn tró tró.*

Theo quan điểm Phật Giáo về nghiệp báo, con người tạo nghiệp có ba lối: bằng ý nghĩ (ý nghiệp) bằng việc làm (thân nghiệp) và bằng lời nói (khẩu nghiệp). Người bình dân tuy đời sống rất đơn giản, cũng nhận định rõ rằng ba phương diện của con người tứ nghiệp cảm đến tạo nghiệp và nghiệp - báo, người gặt sẽ gặt đúng nhưng gì đ ã gieo:

*Ba ruộng sống với bảy trôn.
Đổi cha vinh hiển, đổi con sang giàu.
Trúng rông lại nở ra rông.
Liu diu lại nở ra giồng liu diu,
Con vua thời lại làm vua,
Con nhà thầy chùa lại nhất lá đa.*

(Còn tiếp)

THIÊN HỌC

Đại Lão Hòa Thượng Thiên Sư Joshioka Toichi soạn
nguyên tác Zen.Thích Như Điển dịch từ Nhật ra
Việt Ngữ.

(Tiếp theo kỳ trước)

Trong cuộc đời này chẳng có cái gì tuyệt đối cả.Có rồi không, không rồi có.Có của sự có là không và có là sự phủ định để được đồng nghĩa với sự không.Đó là hai lý luận đối nghịch với nhau, nhưng qua câu "không tức là có" nghĩa là trong cái không có cái có vậy.Điều đó chứng tỏ rằng trong cái gì được gọi là tồn tại, cũng đều hàm chứa cái ý nghĩa không cả.

Mà không cũng chẳng phải là không - không tức là có.Đó là một sự lý luận cực kỳ vi diệu theo tinh thần Bát Nhã.Trong sự phát minh về số học, người ta gọi số không là không, nhưng trong phạm vi số học của Ấn-Độ thì số không vẫn còn tính đếm được.

Trong cuộc đời này người ta thường gọi chỉ có những cái gì có là một sự tồn tại và cái gì không là cả thế giới này đều không, nhưng thời gian và không gian sẽ vượt lên trên tất cả thế giới này.Đó là trí tuệ của bậc Giác Ngộ.

Nếu cứ giải thích luẩn quẩn như thế này thì cũng chưa hiểu gì về Thiên cả.Vì sự giải thích chỉ là một sự giải thích chứ không phải Thiên.Thiên là thế giới "không cần đến chữ nghĩa", chữ nghĩa không thể diễn tả được Thiên, vì Thiên là "đi thẳng tâm truyền tâm".Tâm này có thể kết hợp với tâm kia, ngoài ra không thể giải thích được.

Công án của Thiên được thí dụ như Đức Phật cầm cành hoa sen đưa lên trong pháp hội tại Linh Thứu Sơn.Ngài cầm cành hoa trên tay và quay ra phía Đại chúng.Tất cả những đệ tử của Ngài hiện diện trong Pháp hội không ai hiểu ý Ngài muốn nói

gì cả, chỉ có Ngài Ca Diếp (một trong 16 (?) Đại đệ tử của Phật - và là Tổ thứ hai) mỉm cười.Đoạn Đức Thế Tôn thụ ký cho Ngài Ca Diếp bằng Chánh Pháp Nhãn Tạng, bằng Niết Bàn Diệu Tâm, bằng thật tướng vô tướng và vi diệu pháp môn của Ngài.Không cần đến chữ nghĩa, không truyền từ bên ngoài - và chỉ truyền cho Ngài Ma Ha Ca Diếp.

Bởi vì sự Giác Ngộ của Thiên không có hình thức cho nên tìm sự lý luận để hiểu được Thiên là cả một điều khó khăn và hoải công vô ích.Nếu Thiên hiểu được bằng trí thức thì Thiên ấy chẳng phải là Thiên.

Tử sở Tổ Thiên tông của Trung Quốc là Bồ-Đề-Đạt-Ma cho đến ngũ tổ Hoảng Nhân (601 - 674) có nhiều môn đệ giỏi về thi văn như Ngài Thân Tú (606-706) đã làm một bài thơ như sau:

*Thân là gốc Bồ Đề
Tâm là đài gương sáng
Ngày đêm thường lau chùi
Bụi trần ai hết sạch.*

Ai ai cũng có Phật tánh và nếu siêng năng gìn giữ và tu hành nhất mực thì Phật tánh hiển lộ.Vì lối lý luận hợp lý như vậy, nên mọi người đều cảm thán tài của Thân Tú.

Nhưng đồng thời lúc đó có một người mới lên 3 tuổi đã mất cha, sống trong cảnh nghèo cùng, không được giáo dục, xin vào chùa làm công quả bửa củi, xay lúa, sắn gạo để phụng sự chúng tăng.Đó là Ngài Huệ Năng (638-713) đã sửa lại bài thơ trên như sau:

*Bồ Đề vốn không gốc
Tâm không một tấm gương*

*Trước sau không một vật
Lấy gì để lau chùi.*

Ngài Hoảng Nhân (đệ ngũ tổ) thấy Thần - Tú còn chấp ở lý, nên chỉ truyền tâm ấn cho Huệ Năng và Huệ Năng trở thành lục tổ của Thiên tông Trung Quốc.

Vì Thần Tú còn chấp vào lý và sự để giải thích sự Giác Ngộ, nên còn đứng bên ngoài Thiên chứ chưa đạt được tâm Thiên.

TOA THIÊN:

Toàn quốc Nhật Bản có tất cả khoảng 73.000 ngôi chùa Phật Giáo, trong đó Thiên tông chiếm hơn 1/4 tổng số chùa chiền tại xứ Nhật. Nếu đi thăm những chùa thuộc Thiên tông, người ta cũng thấy được nhiều tông phái và tông phong tùy theo từng chi nhánh của Thiên. Cách ngồi Thiên cũng tùy theo từng tông phái mà có sự khác nhau, nhưng người cầu đạo không nên cấn vào hình thức sai biệt đó thì sự ngồi Thiên mới tinh thực được.

20.000 ngôi chùa Thiên tông trong toàn nước Nhật cũng có chùa toa Thiên nhưng cũng có chùa không quan tâm đến việc ấy. Thế nhưng, nếu tìm hiểu cho thật kỹ thì chùa nào thuộc về Thiên vẫn còn phong vị của Thiên. Nếu những hành giả nào có ý muốn ngồi Thiên thì trước tiên nên tìm hiểu những chùa có ngồi Thiên.

Có chùa có Thiên đường riêng dùng làm chỗ toa thiên cho Thiên sinh, nhưng cũng có nhiều chùa dùng chánh điện để làm chỗ ngồi Thiên. Có nhiều nơi còn dùng đến đạo tràng để ngồi Thiên nữa.

Trong những chùa Thiên thường có những phong vị khác hơn những chùa thuộc Mật tông như Thiên Thai, Chơn Ngôn, Tịnh Độ, hoặc Tịnh Độ Chơn Tông. Ngoài ra những chùa Thiên cũng khác với những chùa thuộc tông Pháp Hoa. Chùa Thiên thường có chánh điện to lớn, trang hoàng đơn giản nhưng thật trang nghiêm. Chùa nào cũng có vườn cây, mà cây khô lại nhiều. Những người hay bận rộn với việc thế gian hay bị cuộc đời làm cho khổ não, khi vào chùa tự nhiên thấy mình khỏe khoắn hẳn lên, tâm hồn được thanh thản như người vừa thoát tục. Vì lẽ dễ hiểu là chùa luôn luôn trang nghiêm thanh tịnh.

Sự ngồi Thiên xưa nay cũng có một vài sự biến đổi, nhưng một số nguyên tắc căn bản phải được lưu giữ. Ví dụ như không để óc mặc quần đùi hay váy cao vào Chánh điện. Lúc đi phải để hai tay ngang ngực, hay lễ lạy 3 lạy v.v. những người trẻ sanh ra trong thế hệ này thường thực hành sai rất nhiều những qui tắc trên.

Thiên Lâm Tế và Thiên Tào Động cũng có rất nhiều sự sai biệt. Ví dụ như nhà vệ - sinh Lâm Tế tông gọi là "tuyệt ân", Tào Động gọi là "Đông Ty". Ngay cả cùng một tông Lâm Tế nhưng phái Diệu Tâm và phái Kiến Trúông tự cũng khác nhau, nhưng Thiên thuộc Tào Động tông thì đầu đ' đầu cũng ít có sự khác biệt, nhưng việc này cũng tùy thuộc nơi sư trưởng, người chỉ đạo v.v., giải thích khác nhau về bối cảnh lịch sử của chùa mình.

Thiên Lâm Tế - việc chính yếu trong lúc ngồi Thiên là nhận Công An tứ vị Thiên Sư Ví dụ như Công An "âm thanh của hai bàn - tay". Hai tay hợp lại tạo thành âm thanh. Nhưng tay mặt tạo thành âm thanh hay tay trái tạo thành âm thanh. Đó là để bắt buộc Thiên sinh phải giải đáp. Nếu qua được việc này thì được nhận tiếp những công án khác.

Trong Thiên Tào Động chỉ có một số Thiên sư cho Công An như Thiên Lâm Tế, ngoài ra hầu như không làm như thế.

Khi nào muốn ngồi Thiên một cách thực sự thì hãy đi đến chùa, tìm vào Chánh điện hay Thiên đường, tập cách ngồi, hoặc gọi tìm người hướng dẫn, chỉ cho việc chuẩn bị ngồi Thiên, như vậy tốt hơn. Khi đã vào trong Thiên đường để ngồi Thiên, nơi đây thường khác với những sinh hoạt thường ngày trong thế sự, nên dấu cho có mê hay ngộ đối với việc tọa thiên chơn chánh nên sẽ sinh ra nhiều ấn tượng tốt.

Thế nhưng sự chuẩn bị cho tri thức, cũng chỉ là một sự chuẩn bị. Đối với Thiên tri thức chỉ là một quan niệm tốt chứ không là một sự tu hành chơn chánh.

Lúc đi đến Đạo Tràng để ngồi Thiên tâm hồn của chính mình không yên tịnh, cũng không sao, nhưng lúc ngồi thiên phải giữ tâm hồn mình một cách vững chắc mới được. Trong lúc ngồi Thiên hãy cố gắng giữ những

tin điều, hay những nguyên tắc để tâm hồn mình được yên tĩnh. Ngài Đạo Nguyên dạy như sau:

"*Thân mệnh này là vô thường, nên đem thân ra hành đạo. Vì thế ngay bây giờ phải siêng năng tinh tấn*"

Chỗ để ngồi Thiền phải là chỗ được x a y riêng biệt ngoài chánh điện mới đúng. Ngay giữa Thiền đường nên thờ tượng Ngài Bồ-Tát Văn Thù, tượng trưng cho trí tuệ. Cũng nên chia ra từng khu nhất định để được riêng biệt. Trường hợp những người mới đi sơ tâm câu đạo không được phép vào Thiền đường một mình. Vị trí của người mới phát tâm câu đạo còn nằm ở ngoài thiền đường. Nếu tu hành đến một trình độ khả dĩ tiến bộ thì được phép đi vào thiền đường. Nếu không sẽ bị cấm chỉ.

Người tu hành lúc ở trong chùa hay lúc đi lại trong thiền đường phải để hai tay lên ngực bước đi một cách yên lặng. Nghĩa là tay trái để lên tay phải và đặt lên trên ngực. Nếu có người đi trước chỉ dẫn thì để nhớ hơn. Nếu ở trong hành lang của chùa, hay trong phòng gặp tu sĩ hay người đi lễ bái phải dừng lại, chấp hai tay khe cúi đầu chào.

Lúc đi vào Thiền đường bắt buộc phải đi phía bên phải bằng chân phải trước. Lúc đi ra cũng của đi vào và đi bằng chân trái trước.

Lúc vào Thiền đường rồi phải đứng yên một chút, đoạn chấp tay cúi đầu, sau đó cung tay lại, tiếp tục yên lặng ngồi xuống chỗ ngồi thiền của mình. Đầu tiên phải xả lễ chỗ ngồi, rồi xoay lại bên trái chỗ ngồi lễ bái người ngồi thiền đối diện. Làm tất cả những nghi lễ này xong, đoạn quay lại phía bên trái một lần nữa, ngồi lên trên toa cụ từ phía bên phải, hạ lưng xuống và điều chỉnh áo quần, xếp chân lại để ngồi thiền.

Viết bằng câu văn để diễn tả những việc trên trở nên khô khan, nhưng thực tế, nếu làm thứ thì không có khô như điều đã viết ở trên.

PHƯƠNG PHÁP TOA THIÊN:

Cách ngồi thiền có 2. Đó là kiết già phu-tọa và bán già phu tọa. Người nào

quen với lối kiết già thì tốt, nhưng chân hay bị đau, hoặc giả những người tậtnghuyên không ngồi theo lối này được, ngồi bán già cũng tốt, nhưng nếu nói ngồi cho đúng pháp phải nói là lối ngồi kiết già.

Kiết già phu tọa nghĩa là: chân phải để trên chân trái và chân trái để trên chân phải, hai chân phải tréo vào nhau. Bán già phu-tọa nghĩa là chỉ chân trái bỏ lên mặt là đủ. Nếu hai lòng bàn chân càng để sâu vào chúng nào thì lực an định càng mạnh chừng ấy. Hai bắp vế phải tựa sát trên mặt chiếu, lưng ngồi thật ngay ngắn. Như thế mới đúng cách ngồi thiền.

Phải chọn những toa cụ nào thích hợp với thân thể để ngồi, phải luyện tập nhiều lần thật công phu, lưng ngồi mới thẳng được một cách tự nhiên, đầu đứng lại ở thế hơi cúi xuống một chút. Lỗ mũi và lỗ rốn phải ngay một đường trục tuyến, như thế khi thở mới tạo được sự điều hòa. Đầu phải giữ cho thật thẳng bằng thì mới tạo được sự hô-hấp nhịp nhàng. Hai tay phải vòng lại theo lối Pháp giới định ấn. Ấn này là ấn lúc Đức Thích Ca thành đạo. Hai tay phải đan sát vào nhau chỉ có hai ngón tay trỏ là để hở thôi. Đặt lên trên hai bàn chân và ngay trước lỗ rốn.

Hai môi nên mím lại đứng cho hở thấy răng không cố gắng tạo thành một sức lực để cưỡng lại việc trên trong lúc ngồi.

Mắt không được nhắm nghiền lại, mà cũng không được mở to (nếu nhắm lại là chay, trôn thức lại, mở to ra lại bị loạn tâm) chỉ được nhìn cảnh trước mặt mình chừng một mét vào một điểm nhất định nào đó mà thôi.

Với tư thế như trên, hạ lưng xuống toa cụ để ngồi, khi thấy thoải mái tự nhiên, giao động qua lại vài lần từ bên phải qua bên trái cho đến lúc thân thể trở lại vị trí bình thường. Dầu sao chớ nửa thân thể của những người mới luyện tập lần đầu cứng cỏi, nhưng nếu xả bỏ tất cả những lực trong toàn thân thể ra thì tạng phủ trong người trở lại một cách bình thường.

Khi đã điều chỉnh thân thể rồi, bắt đầu u hô hấp, thở ra hít vào một cách yên lặng. Điều này gọi là "Khiên khí nhất tức", nếu thở 2 hay 3 lần liên tục như vậy, thấy mình bình thường thoải mái. Điều chỉnh sự hô hấp

của chính mình là vấn đề cần thiết quyết định việc ngồi thiền của mình.

Đang ngồi của chính mình, tự mình không thể thấy được, tùy theo từng người cốt tủy cốt tủy khác nhau. Có nhiều người cố gắng ngồi đúng cách đi chằng nữa, nhưng cũng cố lắm trướng hợp không thể ngồi đúng cách được, phải nhờ người chỉ đạo sửa giú p mình hay tự chính mình ngồi trước một cái kiền đề kiểm soát thể ngồi của mình.

Dần dần bắt đầu vào thiền định, nếu l ú c ngồi mà đầu óc bức rút khó chịu nghĩa là *tap niêm* đã xen vào. Trong đầu óc lúc nào cũng bị những *vọng niêm* đến xâm chiếm hết giây này đến phút khác, nếu tìm cách vứt bỏ cái này đi thì *tap niêm* mới khác lại xâm chiếm trở lại, không có lúc nào dừng nghỉ. Trong khi đó tay chân trở nên đ a u nhức lạ thường.

Nếu xả bỏ *tap niêm* này bằng sức lực thì *tap niêm* khác lại nhân nại kéo đến, nếu *tap niêm* sanh đứng cố gắng dập tắt *tap niêm* ấy mà hãy giữ những *tap niêm* nguyên như vậy, đến một lúc nào đó tự nhiên *tap niêm* sẽ trở thành một khoảng trống không. Nếu lập đi lập lại nhiều lần như thế này, ấy là việc ngồi thiền cho chính mình vậy.

Chân sẽ bị đau theo thời gian ngồi l a u hay mau. Sự dứt bỏ *tap niêm* đã là việc khó khăn khổ não, nhưng nó khác hơn sự đ a u nhức của thân thể. Trong lúc này người toa thiền nên nghĩ rằng: "Không phải là a i cũng đang chịu đựng sự đau khổ như mình sao? và sự đau đớn của đôi chân không làm cho ta chết được v.v.". Đó là một phương pháp tập cho mình thật cố gắng đủ sức kiền nhẫn trong lúc ngồi thiền vậy.

Khi tiếng chuông chỉ tinh ngân lên, báo hiệu sự ngồi thiền đã chấm dứt, khi buông xả hai tay hai chân ra tức là buông x a tâm mình ra. Sự đau nhức của hai chân bao nhiêu thì lòng tự tịn lại trở lại b a y nhiều. Đây là lúc sức mạnh tinh thần của mình được xác định lại một lần nữa.

Đầu cố gắng thế nào đi chằng nữa, nhưng lúc ngồi thiền chân vẫn thấy đau, hai tay chấp lại để nhớ người đi canh sách đánh lên hai vai mình nhiều lần để cảnh tỉnh cái tâm giải đãi của mình. Khi được đánh như vậy tâm trở nên yên tĩnh lạ thường.

Sự đau đớn của đôi chân cũng tiêu đi một cách nhẹ nhàng kỳ diệu (đây tuyệt đối không phải là một hình phạt trong thiền đường, như bao nhiêu người xem truyền hình thường hay nghĩ vậy, mà chỉ là một phương pháp cảnh tỉnh chính nội tâm mình khi có *vọng niêm* xảy đến). Hoặc là yên lặng đối t h ệ ngồi của hai chân cho hợp lý cũng không có sao cả.

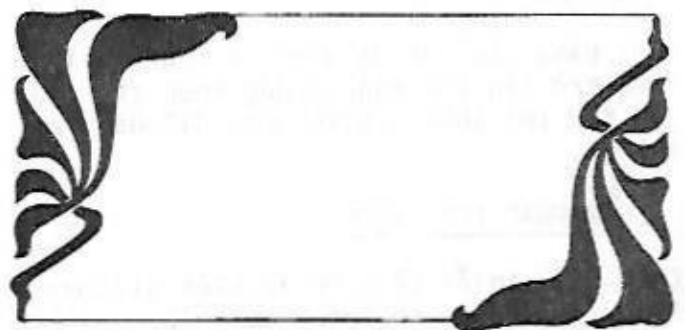
Cách ngồi thiền này được gọi là cách ngồi "phi tư lượng" - là một yếu thuật vậy. Ngài Đạo Nguyên đã dạy trong "Phổ Khuyến Toa - Thiền Nghi" như vậy.

Phi tư lượng nghĩa là như thế nào? - Điều đó thật khó giải thích, mà cũng không thể giải thích được nữa. Nếu giải thích t h ệ không phải là phi tư lượng nữa. Phi tư lượng chỉ nghĩa là phi tư lượng (ở đây cũng gần đồng nghĩa với chú: bất khả thuyết, bất khả tư nghĩ, bất khả vấn v.v..)

Sự chứng đắc được thiền không ngoài phương pháp ngồi thiền, nhưng học giả, những vĩ nhân trong cõi trần này, cái gì cũng biết cả. Biết ai đã nói ra việc đó, ai đã giảng điều đó, nhưng khi hỏi họ là ai thì họ không hiểu họ là ai cả. Ngồi thiền không phải là để tìm hiểu tha nhân mà để tìm hiểu chính mình. Và cũng thế đó - trở về với Phật Giáo là trở về với bản thể chơn tâm của mình - không tìm cầu bên ngoài, không vọng động không chấp trước. Chỉ có chơn tâm là chơn lý bền vững nhất, ngoài ra những cái gì còn được đời đời trong thế gian hữu hạn này đều còn bị chi phối bởi luật vô thường của tạo hóa. Bởi vậy cho nên ngồi thiền không phải là sự nhận xét và phán đoán của trí thức.

(còn tiếp)

Kỳ tới: Ngồi Thiền là tự Học tập ở chính mình



PHẬT GIÁO THỰC HÀNH

I. PHÁP MÔN TỌA THIÊN

Thượng Tọa Thích Hiến Chơn dịch

Các phương-pháp dụng công tu-tập tuy nhiều nhưng chú Phật, Tớ đều lấy pháp tham-thiền làm vô-thượng diệu môn. Trên hội Lăng-Nghiêm Phật bảo : "Ông Văn-Thù nên chọn pháp-môn để tu để chứng, pháp tu Nhi-cán viên-thông của Quán-Thê-Âm Bồ-tát là đệ-nhất". Pháp này do tham quán ngược lại tánh nghe để tu chứng quả. Quán-Thê-Âm Bồ-tát nhờ tu pháp phần văn tự tánh mà chứng quả. Chúng ta cần tu pháp tham-thiền này.

1.- Tọa thiền cần phải biết :

Bình thường mỗi ngày trong đường tu-hành, ở đâu cũng là đạo tràng, là căn-bản d ụ ng-công. Không nên chấp cái nào là Thiên-Đường, cũng không phải tọa-thiền mới là "thiền". Chẳng qua vì chúng-sanh ở vào đời mạt pháp chướng dày, huê mỏng, nên lập ra T h i ê n đường.

Tọa-thiền cần phải hiểu rõ phương-pháp để điều-hoà (dưỡng) thân, tâm. Nếu không khéo điều hoà, nhỏ thì bị bệnh, lớn thì bị ma nhập.

Nói thiền-đường tọa-thiền cốt ở chỗ điều-hoà thân, tâm. Ngoài phương-pháp điều-hoà thân tâm còn có rất nhiều pháp. Nay đây tuyên chọn pháp-yếu lược giải ra.

Khi ngồi kiết già, phải tuân theo tự nhiên, ngồi ngay thẳng (chánh tọa), không nên để lưng điều động (hoặc cong vẹo). Nếu thực hành chánh đ ứ ng, thời hoà thượng thẳng, sau bị hai mắt đỏ ghèn, miệng hơi chẳng muốn uống ấ n, hoặc bị bệnh. Lúc ngồi chẳng nên khum khum cúi đầu ; nếu không dễ bị ngủ gục. Khi tọa-thiền, lúc nào cảm thấy m u ồ n ngủ gục, ta hãy trợn con mắt lớn lên, lắc cái lưng hơi nhẹ nhẹ, lay động hai vai th i ngủ gục tự nhiên tiêu-diệt.

Khi nào công phu cấp bách thái quá, cảm thấy trong tâm phiền muộn, ta nên vận duyên phóng hạ, tức là buông bỏ hết, nghỉ ngơi độ n ằ m phần hương (năm mười phút) L ầ n l ầ n c ả m thấy thở thối trở lại ; nhiên hậu ta mới khởi công tọa thiền trở lại.

Chẳng vậy, thời tháng ngày chông chắt ta trở thành nóng nảy, dễ giận hờn ; phát đi ề n cuồng và bị ma nhập.

Tọa-thiền, khi có chút ít thọ dụng, sẽ chứng được rất nhiều cảnh giới, nói chẳng hết. Ta chỉ cần không chấp trước nó ; nó sẽ không thể làm ngăn ngại ta được. Lời tục nói : "Thầy yêu quái mà không sợ nó, thì yêu quái tự thua ta."

Khi tọa-thiền, thấy yêu quái, ma quỷ đến xâm-nhiều, ta cũng không quản đến nó (chẳng sợ và chẳng cần trừ nó), thấy Phật Thích-Ca đến rõ tay trên đánh ta mà thọ ký, c ầ ng không sanh vui mừng.

Kinh Lăng Nghiêm nói : "Bất tác thánh tâm danh thiện cảnh giới, nhược tác thánh giải, tức trước quân ma". Nghĩa là : "Ta chẳng nên cho ta chứng được cảnh thánh. Dù có chứng cũng không nên chấp trước mới là thiện cảnh giới ; nếu ta cho ta chứng nhập bậc thánh là bị bầy ma ám ảnh."

2.- HẠ THỦ CÔNG PHU PHÂN KHÁCH, CHỦ

Dụng công cách nào mới gọi là công phu tu tập tham thiền?-

Trong hội Lăng Nghiêm, ông Kiều Trần Na Tôn Giả nói : "Hai chữ khách trần " chính là chỗ để kể số tâm như chúng ta dụng công tu tập tham thiền. Ông Trần-Na nói : "Thí như hành khách vào quán trọ, hoặc nghỉ hoặc ăn. Việc ăn nghỉ xong rồi, phải sửa soạn hành- l ý lên đường không có thời giờ để ở lâu. Nếu thật là chủ thì đã ở luôn. Không ở lâu nên gọi là khách."

Lại như trời mưa mới tạnh, mặt trời lên cao, ánh sáng chói vào lỗ h ố, chói sáng n ớ i không trung có những hình hạt bụi nhỏ. Hạt bụi thì điều động, hư không thì vắng lặng . Vắng lặng gọi là hư không, điều động gọi là trần (bụi).

Khách trần ám chỉ vọng tưởng. Chủ và Hư không ở đây chính là tự tánh thường trụ. Chủ vốn không phải là khách đi lại, đi qua. Bốn tánh thường trụ, chẳng theo vọng tưởng, thoát sanh, thoát diệt. Chỉ mình phải vô tâm đối với vạn vật, nào ngại gì vạn vật, rờ buộc mình. Trần chất tức hạt bụi lay động, vẫn không làm ngại được thể vắng lặng của hư không. Vọng tưởng sanh diệt, vẫn không làm trở ngại được "tự tánh như như bất động". Nghĩa là ; "Nhất tâm bất sanh thì vạn pháp không có."

Ở đây chữ "khách" nghĩa là thô, chữ "trần" là nhỏ. Người sơ tâm tu tập phải nhận rõ "chủ và khách" tự mình chẳng theo vọng-tưởng lưu chuyển để nhận rõ "hư không" và "trần" thì vọng tưởng không thể làm trở ngại. Dụng công nhận rõ chơn vọng, chín chắn lãnh hội, thì sự dụng công (tu-tập) xét ra cũng được hơn phân nửa rồi...

3.- Thoại Đầu và Nghi Tĩnh.

Đổi xưa các Tổ-sư trực chỉ chơn tâm, kiến tánh thành Phật. Như Đạt Ma Tổ sư dạy "A n tâm", Lục Tổ thì luận "kiến tánh", cốt yếu là chỉ thẳng kẻ tu nhận được liền, đầu có tham quán "thoại đầu". Đổi sau chữ Tổ sư nhận thấy, nhơn tâm không bằng đổi xưa, nên khó diệt được cái tâm. Phần nhiều căn cơ chẳng thật, chỉ biết nói mà ít thực hành được. Khác nào kẻ nghèo đem cửa của người khác, mà cho là của mình. Vì thế nên các Tổ phải tạm lập ra các "tôn chỉ" để chỉ rõ đường lối tu hành, học tu tham quán "thoại đầu". Thoại đầu rất nhiều như câu : " Muốn pháp qui nhất, nhất qui về chỗ nào ? " và như câu : " Khi cha mẹ chưa sanh ta trở về trước, bỏn lai diện mục của ta như thế nào ? " N hưng ta chỉ dùng câu : "Niệm Phật là ai ? " rất phổ thông. Lấy câu niệm Phật làm thoại đầu để tham-thiền, xem khi niệm Phật đó là ai niệm, cái gì biết niệm Phật, nó là ai, nó ở đâu, ở nơi niệm hay ở nơi thân. Nếu nói : ở miệng và thân, thì tại sao người chết chẳng niệm Phật được như ta: vì họ cũng còn miệng và thân như ta vậy ? Tham quán như thế gọi là tham "thoại-đầu".

Nhưng gì gọi là "thoại-đầu" ? Thoại là lời nói, đầu là trước khi nói. Như câu niệm Phật A-Di-Đà trước khi chưa niệm, gọi là thoại-đầu. Nói "thoại-đầu" là một niệm trước khi chưa sanh ; một niệm vừa sanh, đã thành "thoại-vĩ". Thoại vĩ cái đuôi, tức là cái niệm rồi". Một niệm trước khi chưa phát sanh, gọi là "Bất sanh, chẳng điều củ, chẳng g hỗn trầm, chẳng chấp tịnh, chẳng lạc về chấp không là bất diệt.

Mỗi giờ, mỗi khắc, riêng còn một niệm hồi quang phản chiếu, ấy là bất-sanh, bất-diệt, gọi là tham thoại đầu hoặc gọi là chiếu-cổ thoại đầu.

Tham thoại-đầu trước hết cần phải phát nghi tĩnh (lòng nghi). Tâm nghi là cây đà để tham thoại đầu. Đề-án để tham thiền gọi là thoại đầu.

Sao gọi là "Tâm nghi" ? Như khi hỏi niệm Phật là ai, mỗi người đều biết chính mình niệm Phật. Nhưng dùng miệng niệm ư, hay dùng tâm niệm ? Như quả là dùng miệng niệm, sao lúc ngủ ta có miệng mà chẳng biết niệm ? Như hến là dùng tâm mà niệm, thì tâm là vật gì ? Chờ không vì ta không sờ mó được, cái ai ấy phát sanh ra nghi niệm nhỏ nhỏ. Nhưng không phải thô, càng nhỏ càng tốt, tùy thời tùy xứ, riêng chiếu cổ quyết định "cái nghi niệm" giống như nước chảy chẳng dứt, để tham-thiền, chẳng sanh ra niệm thứ hai. Nếu nghi niệm còn, chẳng cần động đến nó. Nghi niệm chẳng còn thì nhỏ nhẹ để khởi lại. Để khởi nghi niệm lại, như hỏi niệm Phật là ai ; cái gì biết niệm.

Kể dụng tâm tu tập tọa thiền chắc chắn là ở trong cái "Tịnh" hơn ở với cái "Động". Tuy nhiên chẳng cần quán đến cái động hay tịnh, nhiều hay ít chỉ nhất-tâm nhất ý dụng công tu tập là tốt rồi.

Trong "Niệm Phật là ai ? " chữ "tôi trọng là chữ "ai", các chữ kia chẳng qua là cái danh để, để làm mệnh đề mà nói vậy thôi. Cũng như nói : mặc áo, ăn cơm "là ai?" đi đại, đi tiểu "là ai ?", phá trừ vô minh "là ai ?". Sự hiểu biết mỗi ngày "là ai ?". Bất luận đi, đứng, nằm, ngồi, đều khởi đầu bằng chữ "ai" để sanh ra nghi niệm, chẳng đi xoay trở, so lường, suy-nghi và móng ý mới có "nghi-niệm".

Cho nên chữ "ai thoại đầu" thật là diệu pháp của tham thiền. Nghi niệm "là ai?" đó chỉ thăm hỏi trong tâm. Nhưng chẳng phải đem "chữ ai" hay bốn chữ "niệm Phật là ai ?" để làm danh hiệu mà niệm đầu. Cũng không phải suy nghĩ so lường, trên cái niệm Phật là ai gọi là "nghi-tĩnh". Và lại, nếu đem bốn chữ "niệm Phật là ai ?" niệm chẳng dứt ở miệng mà tư tưởng lại hoang mang, thì không bằng công đức niệm chính câu A Di Đà Phật.

Kiểm Đông, tìm Tây, gọi là nghi-tĩnh. Ta nên biết càng tưởng thì vọng tưởng lại càng g

nhiều.

Những người sơ tâm phát nghi niệm rất thô, thoát dứt, thoát nổi thoát chín, thoát sống, chẳng phải được đúng là nghi-tĩnh, chỉ có thể gọi là "tưởng" lẫn lộn cuồng vọng này như trâu vò "cái lông" như một con vật bị buộc lại, niệm đâu cũng có điểm an trụ được mới gọi là tham thiền.

Sau lần lần công-phu thuận thực, chẳng nghi mà tự nghi, cũng chẳng biết được, là tọa a thiền chỗ nào, cũng không biết có thân, tâm và thể giới. Riêng với nghi-niệm hiện tiền chẳng gián đoạn. Đây mới gọi là nghi-tĩnh. Thật tế mà nói buổi đầu dụng công tu tập chỉ là mới đá phá vọng-tướng thôi. Đến thời kỳ này, mới thật là "cái nghi hiện tiền" và mới chơn-chánh là thời kỳ dụng-công tu tập tham thiền.

Đến đây, là một cái "quan đại lớn" và rất có thể để đi vào hai nẻo đường :

1.- Tu đến đây là vô cùng thanh tịnh và khinh an. Nếu hỏi thất giác quán (quán chiếu) để bị sa vào trạng thái hôn trầm nhẹ. Chính ở trong cảnh giới này, ví như trên trời mây mù tan, ta được ngộ đạo.

2.- Tu tọa thiền đến khi này, thanh tịnh, rỗng không, nếu không còn nghi tĩnh là "vô ký" ngồi như cây khô như đá (vô ký : chẳng nghĩ, chẳng ghi như gì cả) Hoặc gọi là "bọt nước trên đầu cục đá". Tham thiền đến khi này cần phải "ĐỀ". ĐỀ là giác chiếu. Giác là chẳng mê, tức là Huệ Chiếu là không loạn, tức là Định. Niệm đến đây trở thành "Trạm nhiệm tịch chiếu, như như bất động, linh linh, chẳng mê muội, liễu liễu thường trịnh như lửa ít khói lên một làng nhỏ và dài chẳng dứt. Dụng công tu tập đến đây đủ Kim Cang Nhãn (trông con mắt Kim Cang ý muốn nói đã đủ huệ nhãn) Chẳng còn đề-cử giác quán nữa. Một hôm có Ông Tăng hỏi Triệu Châu Lão Nhân " Một vật không thì tướng-lai sẽ thế nào? Triệu Châu đáp : "Buông xuống thì tai".

Ông Tăng ấy lại hỏi : "Một vật chẳng tướng lai buông xuống cái gì ?

Triệu Châu đáp : " Buông chẳng xuống thì kéo lên đi".

Đây nói về thời tiết. Trong ấy có phong quang, như người uống nước, lạnh nóng tự biết lây, không thể "nói năng" được. Người tu thiền đến đây tự nhiên rõ ràng ; người chưa tu thiền đến đây nói cũng vô dụng. Thí dụ đi đường gặp kiếm khách, thì ta trình bày đánh kiếm ; họ chưa là hạng thi nhơn, ta chẳng hiển thố. Ý nói đem pháp tham thiền dạy người có tu thiền ; khi chứng thiên định, chỉ hạng có chứng đạo mới biết thời.

4.- Chiếu Cờ Thoại Đầu Và Phản Văn Tự Tánh.

Quán-Âm Bồ tát nghe trở lại tự tánh hay nghe như thế nào gọi là tham thiền ?...

- Đoạn trên vừa nói chiếu cờ thoại đầu, nghĩa là dạy người mỗi thời, mỗi khác riêng một niệm (hồi quang phản chiếu). Đó là bất sanh bất diệt. Phản văn tự tánh (là thoại đầu) cũng là mỗi thời mỗi khác riêng một niệm, nghe trở lại tự tánh hay nghe. "Hồi" là trở lại "Bất sanh, bất-diệt" là tự tánh. "Văn" và "chiếu" thường là lệ thuộc tiếng hoặc sắc. Khi nghe, chẳng vượt qua tiếng; khi thấy chẳng vượt qua sắc. Do đó mới có sự phân biệt rõ rệt. Chỉ khi nào ngược dòng trở lại quán sát tự tánh chẳng chạy theo sắc thanh thì "văn và chiếu" mới trở thành một thể, không hai.

Chúng ta cần biết "chiếu cờ thoại đầu và "phản văn tự tánh" tuyệt đối. Không phải dùng trông con mắt mà xem, cũng không phải dùng lỗ tai mà nghe. Nếu ta dùng trông con mắt và lỗ tai nghe thì là đuổi theo sắc, thanh, sẽ bị vật lôi cuốn. Đó là "thuận lưu". Nếu riêng còn một niệm "bất sanh bất diệt" ở trong, chẳng chạy đuổi theo sắc thanh, ấy mới gọi là "nghịch lưu" là quán chiếu thoại đầu cũng gọi là phản văn tự tánh. Ý nói: ngược lại sự thấy nghe của ta để quán sát tu thiền, gọi là phản văn tự tánh, hay là nghịch lưu.

5.- Vì Đường Sanh Tử, Phát Tâm Lâu Dài.

Tham thiền cần yếu vì thoát ly sanh tử, và phát tâm lâu dài (vững bền). Nếu chẳng thế a thiết vì đường sanh tử thời "nghi tâm" không phát, công phu tu tập chẳng tinh tấn. Nếu không phát tâm lâu dài thì như món đồ một ngày đem phơi, mười ngày để ứ, đồ ấy bị hư. Sự tu tập cũng thế. Phải cần có tâm vững bền, mới có "chơn-nghi" phát sanh. Khi chơn nghi đã phát sanh, trần lao phiền não vốn không dứt tự nhiên sẽ dứt hết. Tham thiền có nghi mới tỏ ngộ. Thí dụ ta nghi và tự hỏi trong tâm hồn ta có cái gì biết niệm Phật, nó là ai? Tại sao ta ngủ và chết cũng có thân mà không biết niệm Phật ?...

Cái nghi thường có gián đoạn. Chơn nghi là chơn thật nghi, khi phát thì tỏ ngộ phiền nào nghiệp chướng đều dứt hết. Nên nói là chơn nghi, khi phát sanh, chẳng cần d ư t phiền nào mà tự nhiên dứt hết. Đó là lúc đã tỏ ngộ.

Tôi còn nhớ một chuyện cũ chính mắt tôi thấy. Xin kể cho quý vị nghe :

- "Đời nhà Thanh, năm Canh-Tý, bát quốc liên-quân vây hãm Bắc Kinh. Tôi cùng chạy loạn với vua Quan Tự và Tử-Hy Thái Hậu. Trên quãng đường chạy qua Thiểm Tây, mỗi ngày phải đi mười mấy dặm ; những ngày chạy ấy không có cơm ăn. Một hôm có ông lao tăn công nhà vua ít khoai ; nhà vua ngủ (ấn) rồi hỏi vật ấy là vật gì mà ăn ngon như vậy.

Quý vị cũng biết, nhà vua bình nhật đi bằng kiệu chưa từng đi bộ và đói mà ăn củ khoai bao giờ. Nhưng đến lúc chạy trốn giặc phải đi bộ, đói ăn được rễ rau cho là ngon. Tại sao mà ngài buông bỏ cả được ? Vì ngài sợ liên-quân của tám nước theo bắt ngài.

Sau này, khi bát quốc nghi hòa, xe giá hồi loan (về kinh) nhà vua đi chân chẳng được và ăn chẳng ngon như lúc chạy giặc. Đến lúc này vì miệng dính chung, nhà vua làm sao bỏ được tất cả như thời chạy giặc. Già sự như ngày bình thường, nhà vua đem cái tâm m trở, sợ chết như lúc chạy trốn quân giặc để tu hành, thì thiết tướng việc gì là m cũng được cả. Chúng ta đây cũng thế, nếu biết sợ giặc sanh tử vô thường, theo hại ta từng giờ, từng khắc, ta lo tu hành để giải thoát giặc ấy, cái gì ta cũng buông bỏ được cả, thế ấy hành đạo quyết thành công.

Rất tiếc là tâm ta chẳng vững bền, nghiệp chướng trở lại mạnh nha như cũ. Quý vị tham thiền nên nhớ vô thường sát quý ngay từng giờ, từng khắc này, nó theo rình để cướp mạng sống của ta. Nó không bao giờ chịu nghi hòa với ta, để chúng ta sống đời đời lâu. Chúng ta mau mau phát tâm tha thiết và vững bền để tu tập mong thoát khỏi đường sanh neo tử.

Ông Cao Phong Diệu Tổ có nói : "Tham thiền nên muốn khắc nhật thành công giống như rót xuống cái giếng sâu ngàn trượng đến đáy ; từ sáng đến tối, từ tối đến sáng, ngàn tử tưởng, muôn tử tưởng riêng tìm cho ra cái "tâm" cứu-cánh quyết-định không có hai niệm (chỉ nhất niệm như) thành thật như thể mà ra công tu tập hoặc 3 ngày, hoặc 7 ngày nếu không thấu triệt (chứng quả), Cao-Phong ngày may phạm tội đại vọng ngữ, hằng bị đọa vô địa ngục phần uế và bị cắt lưỡi."

Ngài Cao-Phong vì lòng đại bi tha thiết, e sợ rằng chúng sanh không phát tâm vững bền nên phát thệ nguyện rộng lớn ấy hướng ngay về chúng ta "tu thiền" để làm bảo chứng.

(còn tiếp)

Hộp thư Phật sự

Thư viện của Trung Tâm Văn Hóa Phật Giáo Việt Nam tại Tây Đức sắp có một số sách mới từ Mỹ về (sách tiếng Việt, gồm những loại khảo cứu, lịch sử, phong tục, tập quán, tôn giáo, tiểu thuyết, kiếm hiệp... Vậy Quý Vị Phật Tử và đồng bào Việt Nam nào muốn tham khảo những sách vở trên xin đến thư viện chùa để đọc trong những ngày giờ làm việc cũng như những buổi cuối tuần.

Vì số sách vở của thư viện thật lạc cũng khá nhiều. Kính mong Quý Vị nào còn muốn của thư viện xin hoàn trả lại để những vị khác có thể đọc được. Vì lý do thất lạc vừa kể trên, nên kể từ nay thư viện của Trung Tâm được phép không cho mượn về nhà nữa. Nên yêu cầu về tại trung tâm đọc thì tiện hơn cho chùa cũng như cho Tổ Chúc. Kính mong Quý Vị hoan hỉ cho.

Cúng dường TAM BẢO

1) MỞ ĐỀ :

Thấy người làm việc lành việc phải, mình tán thán bằng lời, hoặc góp một phần công, giúp một phần của để thành tựu công việc lành ấy. Quả người này đã có lòng thành đáng quý mến. Hương lửa, Tam Bảo là cây cầu đưa chúng sanh từ bên mê qua bờ giác, Tam Bảo là con thuyền cứu vớt chúng sanh đang chìm trong bể khổ đưa đến bờ Niết Bàn, Tam Bảo là ngọn đèn sáng soi đường cho chúng sanh khỏi lạc trong rừng tối vô minh. Người phát tâm tán trợ bởi bố thí cho Tam Bảo thường còn ở thế gian thì công đức biết bao kể xiết. Vì Tam Bảo thường còn ở thế gian, chúng ta phát tâm cúng dường, quả là việc làm tự lợi lợi tha đầy đủ.

2) ĐỊNH NGHĨA :

Cúng dường là nuôi dưỡng khiến Tam Bảo hằng còn ở đời. Tất cả những sự giúp đỡ gìn giữ để Tam Bảo thường còn đều gọi là cúng dường. Tam Bảo là Phật, Pháp và Tăng. Phật quá quý, chỉ còn lại hình tượng. Pháp bất tận nguồn từ chú Phạm đến chú Hán còn nằm sẵn trong kho tàng nhà chùa. Tăng là những tu sĩ tu theo Phật, học chánh pháp. Chính những vị này có bốn phần gìn giữ hình tượng Phật còn, phiên dịch giảng giải chánh pháp. Tam Bảo đều quý kính, song hệ trọng nhất là Tăng. Nếu không có Tăng, ai gìn giữ chùa chiền, ai giảng dạy chánh pháp? Thế nên, cúng dường Tam Bảo là nói chung, mà hệ trọng là Tăng. Tăng chúng còn là Tam Bảo còn, Tăng chúng mất thì Tam Bảo cũng vắng bóng. Vì thế mọi sự cúng dường đều đặt nặng vào Tăng, với mục đích Tam Bảo tồn tại ở nhơn gian.

3) CÚNG DƯỜNG SAI LẠC :

Thế mà có những người cúng dường một cách lệch lạc mất hết ý nghĩa cúng dường. Như có một Phật tử đi chùa đến Thầy Trụ trì xin cúng năm đồng, liền được nghe hỏi: "Cầu có gì?". Phật tử ngỡ ngác. Thầy Trụ trì hỏi thêm: "Cầu an hay cầu siêu?". Phật tử bóp đầu suy nghĩ đáp: "Cầu siêu", rồi liền một doc tên vào sổ cầu siêu. Phật tử này như thế, Phật tử khác cúng thế. Đã thành thông lệ, cúng chùa phải cầu siêu hay cầu an. Cầu an cầu siêu cho bản thân mình, cho gia đình mình, cho thân thuộc mình, sự cúng ấy quả là vì mình. Vì

mình mà đi chùa, vì mình mà cúng chùa đích thực là tham lam ích kỷ. Nếu u mang một tâm niệm tham lam ích kỷ đến với đạo, chưa xứng đáng là một Phật tử. Cái hư dờ này tại ai. Chính người hướng dẫn đã chỉ lối sai lạc.

Đến phần ông Thầy, do Phật tử cầu an cầu siêu nên có tiền. Đón g tiền này sau một thời kinh cầu nguyện xong, ông tự coi như trọn quyền sử dụng không có tính cách e dè sợ sệt gì cả. Nếu một buổi lễ cầu nguyện được Phật tử cúng nhiều tiền, thế là ông mặc tình phung phí, vì tu cho do công tụng cúng của mình mà được. Thế thì đời tu hành cốt vì giác ngộ giải thoát, vô tình trở thành người tụng kinh mượn. Người tu cốt xả phú cầu bần, xả thân cầu đạo, biến thành kẻ thụ hưởng. Trái với mục đích xuất gia, trở thành kẻ hư hèn, chính vì nhận đồng tiền phi pháp. Cầu nguyện là một điều phụ thuộc nhỏ nhít trong Phật pháp, vì nó không phải là chơn lý. Thế mà, người ta thói phùng nó lên, để rồi cả đời người tu gần như hết tám mười phần trăm (80%) Phật sự đều nằm trong những lễ cầu nguyện. Truyền bá không phải chơn lý, át hán chánh pháp phải chịu suy đồi. Người có trách nhiệm hướng dẫn Phật tử mà một bề cố xuy cho sự cầu cúng, là đưa họ vào rừng sâu mê tín, gây thêm lòng tham lam ích kỷ cho họ. Quả là kẻ tạo thêm tội lỗi, chứ không phải người tu hành.

4) CÚNG DƯỜNG ĐÚNG PHÁP :

Người Phật tử chơn chánh khi phát tâm cúng dường Tam Bảo, chỉ vì mong cho Tam Bảo thường còn ở thế gian để đưa chúng sanh ra khỏi đau khổ mê lầm. Nếu đến chùa, Phật tử cúng năm mười đồng, Tăng Ni có hỏi cầu điều gì? Phật tử nên thưa: "Chúng tôi chỉ cầu mong chư Tăng chư Ni nhận môn tinh tài này để có phương tiện an ổn tu hành, hầu truyền bá chánh pháp lợi ích chúng sanh". Chỉ vì Tam Bảo, vì chúng sanh mà cúng dường, đây là tâm hồn cao thượng quảng đại vị tha. Làm việc bố thí cúng dường đệp như vậy, công đức làm sao giới hạn được. Vì Tam Bảo thường còn ở thế gian để làm lợi ích cho chúng sanh, trong chúng sanh đã có bản thân mình và thân quyến mình rồi. Quên mình chỉ nghĩ đến toàn thể chúng sanh, không phải lòng lợi tha vô bờ bến là gì?

Với một lòng vị tha rộng lớn như vậy, dù một số tiền nhỏ, một vật món đem cúng dường cũng là phước đức vô biên. Cho nên nói "Phật dụng Tâm".

Tăng, Ni nhận sự cúng dường chơn chính của Phật tử, tự nhiên thấy mình có một trọng trách lớn lao vô cùng. Làm sao tu hành tinh tiến? Làm sao truyền chánh pháp lợi ích chúng sanh? Để xứng đáng thọ nhận những thứ cúng dường của Phật tử? Chỉ cần nỗ lực tu hành, cố gắng học tập để hiện tại và vị lai làm lợi ích chúng sanh. Nếu hiện đời, Tăng Ni không làm trọn hai việc này, có thể mai kia phải mang lòng đời sống để trả nợ tín thí. Biết như thế, hiểu như thế, Tăng Ni làm sao dám lơ là lỏng lẻo là trong việc tu hành học tập? Thế là, nhờ sự cúng dường chơn chánh của Phật tử thúc đẩy Tăng Ni cố gắng càng cố gắng hơn trong nhiệm vụ thiêng liêng cao cả của chính mình. Thấy mình thiếu nợ, mới cố gắng lo đền trả bằng cách nỗ lực tu hành và độ sanh, đây là mục tiêu Đức Phật bắt Tăng Ni thọ nhận đồ cúng dường của Phật tử. Tăng Ni là người có bốn phận hưởng đản tín đồ cúng dường chơn chính đúng pháp thì cả thầy trò đều cao thượng và lợi ích lớn. Chúng ta phải gan dạ đáp trả những tập tục sai lầm, đứng vì quyền lợi, đứng vì cảm tình, khiến cho chánh pháp đi lằm vào chỗ mờ tối suy tàn. Chúng ta là người lãnh đạo, không phải là kẻ theo đuôi tín đồ để cầu được nhiều lợi dưỡng. Bả đảm bỏ nhà đi tu, tức là đảm nhận chịu mọi sự đối rạch nghèo nàn, mọi sự gian truân khó khổ, vô lý vì sự ăn mặc mà đi ngược lại sở tâm siêu thoát của mình.

Tuy nhiên, nói thế không có nghĩa chúng tôi phủ nhận hoàn toàn sự cầu nguyện. Chúng ta cần thấy rõ cầu nguyện chỉ là trợ duyên nhỏ xíu, kẻ đối tượng cầu nguyện chỉ được lợi ích một hai phần mười như trong kinh nói. Chúng ta đã thừa nhận "Nhơn quả nghiệp báo" là chơn lý thì sự cầu nguyện là ngoại lệ, có kết quả cũng tí xíu thôi. Có vô cho điều phi chơn lý, để cho người xao lãng chơn lý, là việc làm trái với chánh pháp. Vì lòng hiếu thảo của Phật tử, bước lòng chúng ta phải cầu nguyện, khi chúng ta cầu nguyện phải cảnh cáo rằng "Việc làm này là phụ thuộc không đáng kể, kết quả ít lắm". Có thế mới khỏi lệch lạc

xem tiếp trang 20



Bông Vô Ưu



Ni cô Thích Nữ Trí Tánh họa lại bài Bông
Ưu Đàm của Thế Hồng Lam trong Viên Giác
số 3 bộ mỗi tháng 6 năm 1981.

Ai phổ thơ bằng lời ca chim nhỏ ...
Băng hương thơm tử dấy nhụy SEN HỒNG.
LỜI AI CA ĐÀO ĐẠT TỰ VÔ CHUNG
NỮNG KHOI TOA bay về NƠI VÔ THUY !

Thơ Đã Hóa thành MUÔN HOA RỰC RỠ !
TRONG ANH HỒNG hoà theo nhạc THÂN TIÊN.
Ồi ! TÌNH THUỞNG miên viễn thật vô biên
Cả VŨ-TRỤ hân hoan mừng Giác Ngộ !!!

Râm trắng tròn --- Sát-na Hoa Đàm Nở
Ngộ hào quang , Ôi !.. ANH TỎA lung linh.
Huy Hoàng thay HIỆN PHẬT TÁNH TẠI MINH!
Đông quy ngưỡng: SANH LINH mừng TÂM CHUYỀN.

"lâm-Tì-Ni".. HIỆN KĨA! Mừng khổi NGUYỄN

Lá - Hoa Tâm nhảy múa hát vu vơ
Cao quý thay nét mặt ẤY TRẺ THỎ.
Van Van Tuê! - lạ kia ?.. "TA"??? _ BÀN
THỀ'!!!!...

CHỮ NÔI ĐÂY ! HOA "VÔ-ƯU" BÚNG NỞ !

Khắp ba nghìn thế giới thầy tung hô

SAO DỊ THAY ? !... NÉT ĐAM KHẮC CHỮ "VÔ"
TẠI VẠN CỎI... BIÊN TÀN TRONG HỐI THỞ'!!!



7 tháng 7 1981

tiếp theo trang 19

trên con đường hoằng hóa lợi ích
chúng sanh. Đã thấy cầu nguyện là
việc phụ, chúng ta đứng vì nó làm mất
thời giờ truyền bá chánh pháp.

5) LỢI ÍCH CÙNG ĐƯỜNG :

Cùng đường Tam Bảo được lợi ích
tùy tâm niệm người Phật tử . Nếu vì
mình và thân thuộc mà cúng dường,
phước đức cũng theo tâm lượng hẹp hòi
ấy. Nếu vì Tam Bảo thường còn và lợi
ích chúng sanh, phước đức sẽ theo tâm
lượng rộng rãi thênh thang này. Người
Phật tử chân thật Phật tử thì bao giờ
hay bất cứ việc gì cũng theo lợi ích
chúng sanh, đừng khi nào lệch lạc
mục tiêu tối thượng ấy . Chủ Phật ra
đời cũng vì chúng sanh , truyền bá
chánh pháp cũng vì chúng sanh, chúng
ta đến đôn chú Phật cũng vì cứu độ
chúng sanh. Đó là tâm niệm rộng lớn,
cao cả của người tu theo đạo Phật. Vì
chúng sanh mà cúng dường Tam Bảo, quả
thực người Phật tử sống đúng chánh
pháp, hành đúng chánh pháp. Hành động
đúng chánh pháp thì công đức cũng
đồng với chánh pháp, nghĩa là kiếp
kiếp đời đời không mất. Nếu dạy Phật
tử làm phước tạo công đức , tặng Ni
nên dạy đúng tinh thần này.

6) KẾT LUẬN :

Chúng ta tu theo Đạo Phật là đi
trên con đường sáng, ánh sáng giác
ngộ đến đâu thì bóng đêm mê lầm tan
đến đâu. Mê tín là một bóng đêm, giác
ngộ là ngọn đèn sáng. Bóng đêm và ánh
sáng, hai cái không thể có đồng thời.
Nếu sáng thì không tối, hoặc tối thì
không sáng. Có giác ngộ thì không có
mê tín, có mê tín thì không có giác
ngộ. Nếu chửi chửi mê tín là chúng
ta phàn bội với Đạo giác ngộ . Trong
Đạo giác ngộ quả thực không có mê
tín. Học đạo và truyền đạo giác ngộ ,
chúng ta cương quyết dẹp hết bóng đêm
mê tín. Có được như vậy mới gọi là
người trung thực với chánh pháp. Bằng
áp ú nuôi dưỡng chửi chửi mê tín, dù
kẻ ấy mỗi ngày cúng Phật trăm lần vẫn
là kẻ phá hoại chánh pháp . Thà là
chúng ta cam chịu chết đói , quyết
không vì lợi dưỡng mà làm những điều
mê tín, dân dốt người đi trên đường
mê tín. Đã thừa nhận mình là Phật tử,
quyết định không vì lòng tham để bị
một số người lợi dụng dẫn đi trên con
đường mê tín.

Bậc Trung Thiện

ĐỨC PHẬT DI LẶC

I.- THÂN - THỂ VÀ Ý NGHĨA TÊN NGÀI.-

Ngài người dòng Bà-La-Môn ở Nam-Thiên - Trúc ; thân sinh tên là Ba-bà-Lôi , họ A-Dật-Đa, tên là Di-Lặc. A-Dật-Đa nghĩa là vô-năng thắng, hạnh tu và lòng Từ-Bi của Ngài không ai sánh kịp. Di-Lặc dịch là Từ-thị, nghĩa là có lòng Từ rộng lớn. Sơ dĩ gọi là Từ-thị là vì khi mẹ Ngài chúa thọ thai thì tử-tâm rất kém, khi thọ thai Ngài thì phát tâm từ-bi. Lại trong một kiếp trước, Ngài làm vị tiên tên là Nhất Thế-Trí-Quang, nhờ đức Phật dạy pháp áp ấy đến khi thành Phật, nên gọi Ngài là Từ-thị.

II.- TIÊN THÂN CỦA NGÀI.- Trong một kiếp trước đức Phật Đại-Thông-Trí-Thắng, Ngài cùng đức Phật Thích-Ca đồng thời phát Bồ-Đề-Tâm tu các pháp lành. Đến đời đức Phật Nhật-Nguyệt-Đăng, Ngài cũng xuất gia tu hành, nhưng Ngài có lòng từ bi, lại thiếu hạnh tinh tấn, nên khi đức Phật Thích-Ca thành Phật, Ngài mới lên địa vị Bồ-Tát bổ xứ, nghĩa là sẽ thành Phật trong một đời sau. Ngài được đức Phật Thích-Ca thọ ký sẽ thành Phật Di - Lặc sau này tại hội Long-Hoa.

III.- HẠNH TU, HẠNH NGUYỆN CỦA NGÀI.-

a) Hạnh tu.- Ngài nhờ đức Phật Nhật - Nguyệt - Đăng dạy tu phép tu Duy - Thức mà ngộ nhập được viên thông. Chúng sanh đều chấp trước các pháp, các danh tướng của thế gian là thức có (biên-kê) nên bị danh tướng ràng buộc, sự thật các pháp đều y nói nhơn-duyên giả hợp mà in tuông có sanh, có diệt (y tha). Chung quy các pháp không ra ngoài một chốn tánh viên-mãn thành tựu (viên thành thật).

b) Hạnh nguyện.- Hiện nay Ngài ở trên cõi Đâu-Suất Nội viên, độ thoát cho vô số chúng sanh. Ngài thường ngồi trên pháp tòa sư-tử, thân thể trang nghiêm, trí hạnh đầy đủ. Do lòng từ-bi và hạnh nguyện

rộng lớn của Ngài, nên những ai sanh lên cõi Đâu-Suất nội viên thì không còn thối đọa, vì tất cả những hiện tượng trên thế giới ấy đều là tiếng thuyết pháp khuyến tu, nhất là được sự hỗ trợ của Ngài. Đến khi nhơn loại sống lâu trên tám vạn tuế, Ngài mới hiện sanh và thành Phật ở cây Long-Hoa,

IV.- MỘT HÓA THÂN CỦA NGÀI.-

Một thời kia sau khi đức Phật Thích-Ca nhập diệt Ngài hiện thân làm một vị Hòa-Thượng tại đất Minh-Châu huyện Phụng-Hóa tên là Khê - Thủ. Minh Ngài rất to lớn, tâm tịnh hoan hỷ nói năng khác thường, ngũ nghị không chon sang hèn. Ngài thường quỳ đạy vái đi khắp thực, đem về nuôi trẻ con, và thường làm những việc rất ly-kỳ, mắt phàm không thể hiểu được. Người đời thường gọi là Bồ-Đài Hòa-Thượng mang đầy vái) Trước khi thị tịch, Ngài có di chúc bài kệ :
" Di-Lặc thiết là ta,
Thượng hiện làm thượng dân,
Phân thân như hăng sa
Mắt phàm không thấy ta"
Hiện nay, người ta thờ Ngài tại Chùa Nhạc Lâm ở Trung-Hoa.

V.- BIỂU TƯỢNG VÃ LÔNG QUY NGƯỞNG CỦA PHẬT - TỬ.-

Hiện nay các chùa thờ tượng Đức Phật Thích-Ca ngồi ở giữa là đức Phật hiện tại, đức A-Di-Đà ngồi bên tả là đức Thích-Ca là đức Phật quá khứ, đức Di - Lặc ngồi bên hữu đức Thích-Ca là đức Phật vị lai. Tượng Ngài cũng giống như các đức Phật khác. Có chỗ tạc hình Ngài cũng giống như các đức Phật khác. Có chỗ tạc hình Ngài thân thể to lớn, mặt mà y vui vẻ hoan hỷ vô cùng, để thị hiện tâm hoan hỷ của Ngài. Lại có sáu đứa con nít leo trên mình chọc Ngài, Ngài vẫn hoan hỷ tự tại, vui vẻ như thường. Sáu đứa con nít là biểu hiệu cho sáu thức luôn luôn quấy rầy phá rối Ngài. Nhưng Ngài đã tu phép quán Duy thức, cho nên dầu bị quấy rầy, Ngài cũng như không, tự tại vui vẻ như thường. Tượng này lập theo sự tích Ngài Bồ-Đài Hòa-Thượng. Đức Phật Di-Lặc là vị Bồ-Tát bổ xứ, sẽ thành Phật trong một kiếp sau. Ngài tượng trưng cho lòng từ, hoan hỷ, cho vui nên Phật-tử luôn luôn tôn thờ.

Niệm hiệu Ngài tức là

- Niệm hạnh hoan hỷ, luôn luôn vui vẻ tự tại, không bị hoàn cảnh xung quanh chi phối.

- Cầu mong Ngài trở về hóa đồ và hộ trì cho lòng thành kính của mình.
- Kết duyên với Ngài mong sau này dự vào hội Long-Hoa được Ngài giáo hóa.

NGÀI VĂN-THÙ SỨ LỢI BỒ-TÁT

A.- Ý NGHĨA TÊN NGÀI.- Văn-Thù : Diệu. Sứ lợi: Cát-tướng, thú, đức : ý nói trí tuệ của Ngài tối thắng, không chi sánh kịp, không thể ước lượng được.

B.- HÀNH TƯỚNG VÀ ĐỊA VỊ NGÀI.- 1) Ngài là vị Phật trở hóa đức Phật Thích-Ca Mâu Ni, nên hiện thân làm vị Tỷ-kheo.

2) Ngài thường đứng bên tay trái đức Phật Thích-Ca đối diện với Ngài Phổ-Hiền, để biểu thị Ngài là bậc Pháp-vương-tử, là Thượng-thủ trong chúng hội, và trí tuệ là hạnh tối thắng nhất.

Ngài là biểu trí huệ tối thắng cho các hàng Bồ-Tát ; khác với Ngài Xá-Lợi-Phất là trí huệ bậc nhất đối với Thanh văn Thừa, cũng nêu rõ địa vị tối cao của trí huệ trong đạo Phật.

Ngài là mẹ của các đức Phật thành Phật là nhờ ở trí huệ này.

C.- BÍ ẨN TƯỚNG CỦA NGÀI.- 1) trên đầu có 5 nhục kế biểu năm tướng hay 5 đức Phật

2) Tay mặt Ngài cầm kiếm sắc bén để biểu thị cho trí huệ bén chêm dứt các sợi dây phiền não.

3) Tay trái Ngài cầm hoa sen xanh để biểu thị :

a) Trí huệ thanh tịnh không nhiễm trước chúng nhập vào chỗ vô tướng.

b) Đầu hoa sen có kim cang ẩn để biểu thị trí kim cang uôn dẹp tất cả phiền não .

4) Ngài cưỡi sứ tử xanh. Sứ tử là chủ của muôn thú, mỗi khi gầm thét thời tất cả đều run sợ ; trí huệ của Ngài một khi chiếu tỏa ánh sáng, thời màn đen tối của mê mờ bị uôn dẹp tan rã.

5) Ngài cưỡi con sứ tử sắc xanh và cầm hoa sen sắc xanh, sắc xanh là màu của phương Đông, phương mặt trời mọc ; ý nói ánh sáng trí huệ chiếu tan sương mù của đêm đen.

D.- TIỀN THÂN CỦA NGÀI.- Kinh Pháp-ho chép : Đối đức Phật Nhật Nguyệt Đản sinh Minh khi đang làm vua có 8 người con ; sau Ngài xuất gia tu hành chứng quả thành Phật. Khi đức Phật này nhập Niết bàn, 8 người con đều phát tâm xuất-gia; tôn Ngài Bồ-tát Diệu-quang làm thầy, và dần dần đều chứng được đạo quả. Người

thành Phật sau cũng hiệu là Nhiên-Đăng. Như vậy Ngài là thầy của đức Phật Thích Ca. Ngài Bồ-tát Diệu-Quang là tiền thân Ngài Văn-Thù Sứ lợi Bồ-tát.

D.- MỘT CÂU CHUYỆN TRỞ HÓA CỦA NGÀI.- NGÀI VĂN THÙ CẦM KIỂM HẠI ĐỨC PHẬT.-

Trong thời đức Phật ra đời, có 500 vị La Hán chứng được Túc-mạng-thông, thấy tội lỗi tu thân quá nhiều, liền sanh tâm hối hận.

Ngài Văn-Thù bồ-tát đứng hầu đức Phật thấu rõ tâm ý các vị La-Hán, liền cầm kiếm sẵn đến trước như muốn nghịch hại Phật.

Đức Phật thần nhiên nói rằng: " Ta đã chứng vô-ngã vô-pháp, không thấy còn ta bị sát, không thấy có người đến sát hại, làm sao người sát hại được "

500 vị La-hán hiểu ngay sự giả dối của các pháp, sự không thật của tội ác chứng được vô sanh pháp nhẫn.

E.- LÒNG QUY NGƯỞNG CỦA PHẬT TỬ VÀ KẾT LUẬN :

1) Tướng nhớ đến trí huệ cùng tốt của Ngài

2) Câu sự hộ trì của Ngài cho trí huệ được minh mẫn sáng suốt.

3) Tự nhận hiểu trí huệ là môn tu-lương cần thiết nhất của người Phật tử trên con đường Đạo.

4) Trí-huệ của Ngài Văn-Thù tượng trưng là mẹ của đức Phật.

5) Đạo Phật là đạo của trí huệ, chỉ có trí huệ mới uôn dẹp tất cả phiền não mê lầm.

LỊCH SỬ CHÙA QUỐC AN

I.- VỊ TRÍ GIỚI HẠN.- Chùa Quốc-An thuộc làng Trường-Cử Hướng-thủy tỉnh Thừa Thiên, cách thành phố chừng ba bốn cây số

Chùa dựng trên một khoảng đất cao, hướng mặt về phía tây đối chiếu với núi Kim Phụng, phía trái tiếp giáp với núi Ngự Bình, và phía phải kề cận với bãi đất Bả

đôn chỗ chôn rất nhiều mồ mã. Phía trước là con đường ăn thông về núi Ngự Bình, phía sau tiếp giáp với những bãi đất hoang và xa hơn nữa là đường thông về An-Cửu.

II).- CẢNH TRÍ.- Vào chùa phải đi ngang qua bốn cột trụ lớn, qua khỏi cửa chùa là cả một cái sân rộng. Tục truyền, chỗ sân ấy là chỗ dựng ngọn tháp Phổ-Đông của Ngài Nguyên-Thiếu ; nhưng sau bị quân Tây Sơn phá hủy (khoảng 1528/1802) nên bây giờ chỉ còn đăm đất không. Chùa Quốc-An xây kiểu chữ Khâu, theo kiến trúc xưa

cuàngười Trung-Hoa, ở giữa là một cái sân nhỏ, xung quanh bốn gian nhà tiếp giáp nhau. Gian trước là chánh điện thờ Phật và các vị Bồ-Tát, cùng các vị khai sơn. Hai bên có hai liêu lớn là chỗ ở của vị Trụ-Trì và Tăng-Chúng. Gian bên phải là nhà Thuyền, gian bên trái là nhà khách và gian sau là nơi thờ các vị tổ truyền thừa, cùng bốn chúng Tăng-giả và bôđạo trong Chùa.

III.- CÁCH THỔ TỰ TRONG CHÙA.- Chánh điện ba căn chia làm hai phần: mặt trước thờ Phật và các vị Bồ-Tát, mặt sau thờ các vị tổ-sư và bốn chúng tăng quá cố. Cách bài trí đại khái như sau: " Mặt trước gian giữa và trên hết, thờ đức Phật Thích-Ca (ngôi giữa) đức Phật A - Di Đà (ngôi bên tay trái đức Phật Thích-Ca) đức Di-Lặc (ngôi bên tay phải). Tầng thứ hai ở giữa thờ đức Phật Thích-Ca thuyết pháp, bên hữu thờ tượng Bồ-Tát Phổ-Hiền, bên tả thờ tượng Bồ-Tát Văn-Thù: Tầng thứ ba cùng thờ tượng Bồ-Tát Địa-Tạng và ngoài hết là bàn kinh.

Căn bên trái đứng trong nhìn ra, thờ Ngài Đat-Ma tổ-sư, căn bên phải thờ đức Quan Thành. Hai giáy thờ đôi chiếu 10 vị thập điện, tiếp theo đó về bên trái thờ thập loại cô hồn và hai bên thờ Ngài Giám Trai. Mặt sau cùng, căn chính thờ vị Tổ khai sơn: Ngài Nguyễn-Thiếu. Kế cận theo đó là bài vị các vị Tổ truyền thừa. Căn bên phải thờ bốn chúng tăng và bên trái thờ các nhà thí chủ quá cố nhà chùa.

IV.- LỊCH SỬ. - Chùa Quốc-Ân dựng lên từ đời vua Lê Huyền-Tôn, niên hiệu Cảnh - Trị năm thứ ba (tức năm Ất-Tỵ, thứ 17 chùa Nguyên-phúc-Tân, 1665 sau Tây lịch do Ngài Thọ-Tôn Hoà-Thượng hứ Nguyễn-Thiếu khai sáng. Lãn đầu mới sang Việt-Nam, Ngài ghé tại phủ Quy-Ninh (Bình - Định) lập chùa Thập Tháp Di-Đà để làm nơi căn cứ tu hành và truyền giáo. Sau ra Thuận-hóa lập chùa Hà-Trung thuộc huyện Phú-Lộc bây giờ. Rồi trải qua một khoảng thời gian cũng 10 năm. Ngài lại rời chùa Hà Trung lên kinh đô Huế tạo chùa Quốc-Ân và dựng tháp Phổ-Đông (tháp này sau bị quân Tây-sơn phá). Đến năm Bảo-T hải thứ 10 tháng 10 ngày 19, Ngài viên-tích. Hiện nay tháp Ngài dựng ở một ngôi đồi nhỏ trong địa hạt Thuận-hóa, làng Dương xuân-Thượng huyện Hương-Thủy, và lấy

hiệu tháp là HÓA MÔN. Vua Hiên-Tôn Hoàng-đế có ban thụy hiệu Ngài là HANH ĐOAN THUYỀN SƯ. Rồi từ đây, sự truyền thừa vẫn nối tiếp từ đời này qua đời khác, cho đến đời Ngài Đắc-Quang; năm 1931 Ngài đứng lên sùng tu ngôi chùa ấy (năm Giáp Thân). Từ Ngài Nguyễn-Thiếu đến Ngài Đắc-Quang, tính lại đã được tám đời tất cả.

Ngài Tăng-Cang Đắc-Quang ngoài công hạnh lớn trên, lại còn là một vị tu hành danh đức. Ngài viên tịch vào ngày mùng 2 tháng giêng năm Nhâm-Tuất (1945) Tháp Ngài hiện nay đứng ở cạnh chùa về phía tây phải.

LỊCH SỬ CHÙA THUYỀN TÔN

I.- VỊ TRÍ GIỚI HẠN.- Chùa Thuyền-Tôn thuộc xóm Ngũ tây, làng An-Cựu, huyện Hương-Thủy tỉnh Thừa-Thiên, cách thành phố Huế chừng 6,7 cây số. Chùa đứng trên một ngọn đồi cao, hướng mặt về phía tây bắc, bên phải giáp núi Thiên-Thai, bên trái tiếp giáp những ngọn đồi con và sau lưng sát với đầu ngọn núi.

II).- CANH TRÍ.- Chùa Thuyền-Tôn không có cửa Tam quan, muốn vào chùa phải đi quanh co theo những thối đồi con, và khi đến chùa chỉ cần leo những bậc cấp nhỏ. Tiếp đây là cái sân rộng, trồng đủ các thứ hoa. Chùa xây theo kiểu chữ Khẩu ba căn hai chái, sau lưng là nhà hậu.

III.- CÁCH THỔ TỰ TRONG CHÙA.- Chánh điện ba căn, phần làm hai: mặt trước thờ Phật và các vị Bồ-tát, mặt sau thờ các vị Tổ-sư cùng Tăng-chúng quá cố. Cách bài trí đại khái như sau: mặt trước căn giữa và cao hơn hết là thờ ba vị Tam - thể: đức Thích-Ca Mâu-Ni (ngôi giữa) đức A-Di-Đà (bên tay trái), đức Phật Di Lặc (bên tay phải). Tầng thứ hai thờ riêng đức Phật Thích-Ca. Tầng thứ ba, bên phải, về tượng Ngài Văn-Thù ngồi trên con sư-tử xanh, bên trái là tượng Ngài Phổ-Hiền ngồi trên con voi trắng. Căn bên tay phải (ở trong nhìn ra) thờ tượng đức Quán-Thế-Âm căn bên trái thờ tượng Ngài Địa-Tạng, tiếp đó hai bên thờ đôi chiếu 10 vị thập điện và tượng Thánh Quan cùng tượng Đế-Thích. Căn giữa chánh điện, có treo bức biển đề mấy chữ " Thiên-Thai Thuyền-Tôn tứ " bên cạnh có giồng chữ nhỏ: Cảnh-Hung bát-niên

(còn tiếp)

LỜI KHUYÊN về CHỮ HIẾU

Hòa-Thượng THÍCH-GIÁC-NHIÊN

Mùa VU-LAN, là những ngày trọng đại báo-hiếu... Mà trước kia Đức MỤC-KIÊN - LIÊN BỒ-TÁT đã thể hiện một tình-thương của người con chí hiếu cứu vong-mẫu thọ á t khỏi chốn u-đô... và hôm nay ôn nhắc lại bốn-phần người con lúc nào cũng phải ghi tởng đến công thâm-ân cao dày của Mẹ sanh cha dưỡng luôn luôn...Hầu báo đáp ân nghĩa ấy cho được vẹn toàn, thì mới xứng đáng là người con chí-hiếu.

Nhưng phần nhiều họ nghĩ đến công mẹ sanh mà quên ân cha dưỡng... Nên ít khi nhắc đến Cha, làm cho cha cũng lắm khi buồn tui !!!.

Nhân dịp mùa Vu-Lan năm nay tôi xin công hiến quý đồng hương những bài thơ... thì ... nói về ý -nghĩa Chữ-Hiếu..... Số dĩ nói ra là vì tôi đã chứng kiến rất nhiều trường hợp đời sống văn minh dầy dặt vật chất này... khiến cho phần nhiều tính người chẳng có đạo-nghĩa không, còn hiếu trung mất ráo...

Thậm chí như vợ, chồng, Cha, Mẹ, anh, em, Thầy, Bạn..v.v... đều thấy đôi hẳn bỏ i hai chữ kim-tiền... làm mất đi đạo nghĩa. Điều đáng thương xót nhất, nhiều ông Bà cụ già lớn tuổi bỏ quê hương xứ sở ra đi, cắt đứt biết bao muôn ngàn nức ruột sống bó vò đất khách xứ lạ quê người... Không biết nói cũng như câm, không biết n g h e cũng như điếc, không phương tiện di-chuyên cũng như què... Đong nhiên trở nên n g ười viện-xú lúc tuổi già... Thế mà chẳng may bất hạnh vô duyên kém phúc gặp những đứa con cháu ngang tàn ngộ nghịch bất hiếu đối với ông Bà Cha mẹ... Nếu quả rầy động đến nó, thì nó sẽ bỏ nhà ra đi lại sợ e tiếng dôi là Cha Mẹ bất nhân... Hoặc nó đưa vào nhà dưỡng lão ở đó mà chôn chết... Bằng muốn yên thân ngậm Bồ hòn nuốt cay nuốt đắng, thì trái ý nghịch lòng, phiến

nào khổ đau, tinh-thần mất hết, téra chỉ kiếp sống thừa nơi chốn a-tỳ địa ngục khổ đau và đau khổ suốt đời... Chính tôi đã chứng kiến ở xứ này biết bao nhiêu u cảnh đó...

Đây là một tiếng chuông cảnh tỉnh ngàn vang vội đục thức quần sanh, khuyên người trí và giác-ngộ kẻ hiền..... và cũng nhắc nhở những ai là người hiếu-tử phải nhớ câu Hiếu-hạnh vi Phật hạnh, Nghĩa là hạnh chí hiếu là hạnh của Chư Phật và muôn ngàn kinh sách, cũng đều nói Chư-hiếu đứng đầu trong vạn hạnh... Và đây là những bài thơ khuyên nhắc về Chư-hiếu... mong quý vị xem qua cần phổ biến cho con em mình hiểu biết và cố gắng làm tròn bốn phần trong mỗi l ú c thật là muôn vàng quý báu...

CÔNG THÂM AN CHA MẸ

Ân Cha hơn núi thái-sơn
Nghĩa Mẹ hơn nước trong nguồn chảy ra
Một lòng phụng dưỡng Mẹ-Cha
Vẹn tròn hiếu-thảo mới là đạo con.

Ân Cha dưỡng cũng nhiều công khó nhọc
Tuy không sanh mà sánh tựa như sanh
Mẹ có thai mẹ mang nặng đã dành
Cha gánh vác, thế mọi điều cực nhọc

Vì thương Mẹ, và thương con trong bọc
Lo thức ăn miếng uống cho Mẹ-hiếu
Khi khai hoa, cha ngồi đứng chẳng yên
Nào chắc lưới, hít mũi và bóp trán.

Thương con vợ, thật vô cùng vô hạn
Vừa lọt lòng thì tổ dạ hẳn hoan
Miễn gái trai như được ngọc được vàng
Mong trọn vẹn xác thân không tàn tật.

Nào cung phụng, đủ đầy trong mọi vật

Giặt rửa đồ ô-uế cũng chẳng màng
Lòng thương con cực khổ dăm nào than !
Nào bông bẻ, nâng niu con từ chút .

Vì thương con, không nghỉ ngơi giây phút
Làm suốt ngày, tối tắm rửa nôi con...
Khi con đau, thì gan dạ héo von .
Ngồi thức suốt năm canh không dám ngủ .

Lo đời sống cho các con đầy đủ
Sợ thiếu ăn thiếu mặc chúng chê cười
Dạy học hành cho con được nên người
E thua sút, sợ bạn khi chúng ngạo .

Coi sẵn sóc, từ manh quần mảnh áo
Từ guốc giầy, dép, nón, mũ, dù, khăn...
Cha thương con thì đâu có ai bằng,
Khuya thức giấc nhắc chúng con gắng học .

Quá thương con, nên Cha thường chăm sóc
Tối dư mừng, đủ chiếu sân cho con...
Từ thức ăn, thức uống cũng cho ngon
Đền cái ghế, cái giường cho ngay thẳng .

Tiền bánh mứt, mỗi giành cho con sẵn
Mỗi tháng mà ưu hạng được lãnh thêm
Quá thương con, nên Cha phải theo kèm
Lúc ban thướng, lúc ra uy phạt dè .

Khuyên con học, dùng dè' thua thiên hạ
Con nên danh là Cha Mẹ thôm lây
Đời sống con thì vật chất đủ đầy
Còn Cha phải vẫn mình trong lao khổ' .

Con vui sướng, con ăn nằm kín chỗ
Còn thân cha thì vất vả phong sương
Giờ học xong, con ra khỏi cổng trường
Xe chực sẵn, chờ con Cha đón rước .

Tở mở sáng nhắc con dùng bánh, nước
Rồi lên xe, Cha đưa tận nhà trường
Ngồi trên xe, Cha dặn đủ mọi đường
Không thiếu sót, từng kẻ rãng chân tóc .

Vì sợ con bị bao người dẫu độc
Ham vui chơi bỏ bốn phần học đường
Tứ đồ tượng, rồi mắc phải vấn vương
Thì suốt kiếp, trọn đời con chìm lụy !

Lời Cha dạy, con nghe càng thâm-thúy
Ở trên đời, ai thương xót bằng Cha
Chỉ Mẹ Cha tâm lớn tở hai hà...
Sanh xác thịt, còn sanh luôn tâm trí .

Ăn Cha Mẹ, không lấy gì sánh ví

Hòn Trời cao, biển rộng cát sông Hằng
Phận làm con phải đền đáp sao bằng,
Mỗi xứng đáng là người con hiếu thảo .

Khi con bệnh, Cha lo từng miếng cháo
Nào thuốc than sẵn sóc dưỡng nuôi con
Dầu lương y, bác sĩ ở' dẫu non
Hay góc bẻ, chân trời dẫu cũng tối .

Miền con mạnh, có tới đâu là tới
Dầu bán nhà, bán đất bán ruộng vườn
Đi ở' thuê, làm mướn cũng xem thường
Miễn có thuốc chạy cho con lành mạnh .

Về Luân-lý, dạy con tròn đạo Thánh
Giữ tam cương gìn đạo hạnh ngư-thường
Ở' ăn sao được ngay thảo hiền lương
Cho xứng đáng là người con hiếu thảo .

Phận con gái Cha thương hay dạy bảo
Phận tam tòng, tứ đức phải cho tròn
Giữ nét na dâm thắm hỏi nghe con .
Việc bảnh trái thù thừa cho khéo léo

Việc nội trợ thì nữ lưu phải khéo
Việc tề gia thì Nam giới phải rành
Lo cho con tìm phương kế' tự sanh
Chừng khôn lớn con lập bệ' gia thất .

Lo nhà cửa đủ mọi bề' thứ vật
Sắm cho con, từ cái ghế cái giường
Tạo cho con, từ cái tủ cái rương
Mua cái chén, cái ly từng cái muông .

Cha biết ý những cái gì con muốn...
Cha sẵn sàng cho sắm tạo đủ đầy
Công ơn Cha thật lớn rộng cao đầy .
Còn nghĩa Mẹ không làm sao kể' xiết... .

Nay mượn bút mảnh giấy này tạm viết
Dệt vẫn thơ lưu niệm của đời con
Dẫu biển khô, sông cạn, núi kia mòn
Ớn Cha Mẹ không bao giờ quên được .





(tiếp theo kỳ trước)

Bài của Học Giả Lê Ngọc Trụ
- Học Giả Mạc Khách sưu lục -

QUỐC SỬ TẬP LỤC

Một bài sử Việt quan trọng

Ranh giới Việt Nam

II - RANH-GIỚI VIỆT-MIÊN

Xét ranh-giới Việt-Nam ngày nay là dựa lại trang sử "Nam tiên" về-vang của nước Việt ta : từ thế-kỷ thứ X, trong việc bang-giao với Chiêm-quốc, vì tự-vệ và chống lại sự bạo-tàn hiếu-chiến của các vua Chăm, và cũng vì lẽ "sinh-tồn", mà ta phải thôn-tính nước họ (1697) ; từ thế-kỷ XVII, trong việc bang-giao của chúa Nguyễn Đăng Trong với vua nước Chân-lạp, do nạn tranh ngôi của các ông hoàng "Chùa Tháp", và với chính-sách "tâm thực" của Đạm-àm Nguyễn-cử-Trinh, mà ta chiếm trọn Thủy Chân-lạp; và từ năm 1862, sau một thế-kỷ tranh-đấu chống thực-dân Pháp, ta mới quy-hoàn được xứ "Nam-kỳ thuộc địa Pháp" vào bản đồ Việt-Nam (1949).

Trong phần này, xin tóm lược những diễn-biến lịch-sử mở rộng cương-thổ miền Nam nước Việt, để hiểu nguyên-do đưa đến việc hoạch-định chính-thức ranh giới Việt-Miên.

A- Bang-giao Việt-Chăm

Ranh-giới thiên-nhiên miền nam nước Việt từ thời cổ, là dải đèo Ngang phân chia quận Nhật-Nam với Lâm-Âp, một lân-ban hay gây nhiều đánh-phá nước ta ở biên thủy. Trong suốt thời Bắc-thuộc, từ đời Tam-quốc, Tấn, Nam Bắc-Triều đến Tùy Đường, mỗi thay đổi triều-dại, các thủ-sử Giao-châu đều có việc đánh đuổi quân Lâm-Âp sang gây-nhiều, cướp phá, và có khi chiếm giữ châu Hoan châu Ai. Năm Mậu-tí (808), đời vua Đường Hiến-Tông, quan

đồ-hộ là Trương-Chu phải đem binh thuyền đánh giết hại rất nhiều quân Hoàn-vườn (Lâm-Âp đổi quốc-hiệu) mới trừ được họ, và vua nước ấy bèn lui về phía nam, và đổi quốc-hiệu là Chiêm-thành.

Từ thời tự-chủ, thế-kỷ thứ X, các triều vua Lê, Lý, Trần, Lê đều có cuộc giao-tran thường-xuyên với các vua Chăm. Vua Lê Đại

Hành phải thân-chinh đánh Chiêm-thành, vì khi lên ngôi, vua có sai sứ sang Chiêm quốc, nhưng bị vua nước ấy bắt giam sứ lại. Vua Lê phá thành và bắt vua Chăm về làm

phải triều-công. Triều Lý, năm Giáp-thân (1044) Lý-thái-Tông ngự-giá đánh chiếm thành Phật-Lộ; năm Kỷ-dậu (1069), Lý-thánh-Tông bắt vua Chế-Cử phải dâng ba

châu Địa-Lý, Ma-Linh và Bồ-Chính để chuộc tội (thuộc Quảng-Bình, Quảng-Trị ngày nay). Triều Trần, vì người Chăm cứ sang cướp phá biên-thủy để đòi đất cũ, nên vua Trần-Thái-Tông phải chinh-phạt (năm Nhâm-tí 1252). Năm Bình-ngọ (1306), vua Chiêm là Chế-Mân xin dâng Ô-Rí (tức là Thuận-Hóa, Thừa-Thiên ngày nay) cho vua Trần-anh-Tông để làm lễ cưới huyện-Trần Công-Chúa. Ranh giới miền Nam được mở rộng.

Từ khi Chế-Mân chết, con là Chế-Chí muốn đòi đất lại, vua Trần-anh-Tông bèn cử 3 đạo quân đánh dẹp, bắt Chế-Chí về nước và bắt Chiêm-thành phải thần-phục. Nhưng về sau, các vua cuối đời Trần suy yếu, Chế-Bồng-Nga quyết-chỉ phục-thù, rèn luyện binh mã chiến-thuyền, cho sứ sang đòi đất Hóa-châu (1368) trả hàng đản bại vua Trần-Dụ-Tông (1377) (vua chế-t tại trận Đồ-bàn, kinh-đô Chiêm-thành), và ba lần vào phá kinh-thành Thăng-Long

(từ năm 1378 đến 1383), song vì Chế-Bông-Nga bị tên đầy tớ phản chủ, có tội sợ bị giết, sang hàng Trần-Khát-Chân chỉ chiến-thuyền Chế-Bông-Nga cho quân Trần biết, nên Chế-Bông-Nga bị trúng dạn chết, và quân Chiêm đại bại.

Đời Hồ, năm Nhâm-ngọ (1402), Quý-Ly sai tướng đi đánh Chiêm-thành, thâu được đất Chiêm-dông Cồ-lũy (Quảng-Nam, Quảng-Ngãi ngày nay) và cho dân nghèo vào khai-khẩn. Đời Hậu-Lê, năm Canh-thân (1470), vua Chiêm là Trà-Toàn cho quân sang đánh phá Hoà-châu, vua Thánh-Tông cử đại binh đánh lấy của Thi-Nai, phá thành Đò-Bàn, bắt được Trà-Toàn, rồi chia đất Chiêm-thành ra làm ba nước cho họ yêu thế đi, và phong làm ba vua, một nước gọi là Chiêm-thành (từ Phan-Lung trở vào), một nước gọi là Hoa-anh (từ Phan-Lung ra đến Thạch-bì-sơn, ở biên-giới Phú-yên và một nước nữa là Nam-phan, từ Thạch-bì-sơn đến Đò-bàn (Bình-Định)). Từ đó, thế-lực của người Chiêm đã hầu tiêu-diệt. Ranh-giới miền Nam mở rộng đến Bình-Định năm 1471 đời vua Lê-Thánh-Tông.

Các chúa Nguyễn kế tiếp lại nhận thêm à mạnh tiến về phía nam: Nguyễn-Hoàng lập phủ Phú-Yên (1611), Chúa Hiền Nguyễn-phúc-Tân lấy thêm đất đến sông Phan-Rang lập thành phủ Thái-Ninh (Khánh-hòa bây giờ); chúa Nguyễn-phúc-Chu, năm Quý-dậu (1693) cho quân đi đánh bắt vua của Chiêm-thành đem về Phú-xuân, đặt phủ Bình Thuận (1697). Thế là nước Chiêm-thành bị thuộc vào bản đồ Việt-Nam.

B - Chúa Nguyễn với nước Chân-lạp
Vì nạn tranh ngôi, các ông hoàng Chân-lạp đã dựa vào thế-lực của hai nước Việt-Nam và Xiêm-la mà sát-hại lẫn nhau. Và mỗi lần cầu cứu Chúa Nguyễn, hoặc chôn g nghịch lại, là mỗi lần vua Chân-lạp mất bớt đất-đai, yếu sức, và cũng là cơ-hội cho Việt-Nam mở rộng biên-cường.

Đồng thời với việc thôn-tính nước Chiêm eo-hep, Chúa Nguyễn đã tiến lần xuống xứ Thủy-Chân-Lạp phi-nhiều; đất miền Trung không thể trông-trọt dễ-dàng, nông-dân Việt-Nam le-tè lần hồi chen vào vùng bình nguyên Đong-Nai. Nhưng cuộc giao-thiếp chánh-thực giữa hai nước Việt-Nam và Chân-lạp khởi đầu từ năm Canh-thân (1620) do vua Chân-lạp là Chey Chetta II, thấy con gái Chúa là công-chúa Ngọc-Vạn(?) có nhan-sắc, xin cưới làm hoàng-hậu. Ba năm sau (1623), quân Xiêm từ phía tây tràn

vào Chân-lạp, Chúa Nguyễn cho quân sang đánh giúp, đuổi được quân xâm-lãng. Nhận thế, Sai-vương xin van Chân-lạp cho người Nam vào cấy cấy và buôn bán ở miền Đong-Nai, nhưng phải đóng thuế.

Năm Mậu-tuất (1658), Ấng Chan II (có n Chey Chetta II với người vợ Lào), bỏ i giáo, theo đạo Hồi của người Chiêm và à cưới người vợ Mã-lai, rồi cho người ha i giống này đến ở trong nước. Hai ng ườ i châu gọi Chey Chetta II bằng chú, nổi lên chống lại nhà vua, song sức yếu, bị thua phải sang cầu cứu chúa Nguyễn. Chúa Hiền sai quan đem 3.000 quân sang đánh, bắt Ấng Chan đem về Quảng-Bình sau lại thả, cho về nước, bắt phải triều cống và phải binh vực người Việt Nam làm ăn ở bên ấy (vùng Mồ-xoài).

Năm Kỷ-mùi (1679) có quan nhà Minh, b q n Dương Ngạn-Địch, Trần Thượng-Xuyên, không từng phục Mãn-Thanh, đem 3.000 quân và 50 chiếc thuyền sang xin làm dân Việt-Nam. Chúa Hiền nhân muốn khai-khẩn đất Chân-Lạp bên cho họ vào ở nơi ấy. Bọn họ chia nhau ở đất Lộc-dã (Đong-Nai thuộc Biên-Hòa), Bàn-lân (Biên-hòa), Định-Tướng (Mỹ-Tho) cấy ruộng, lập phố phường, có người T â y phường, Nhứt-Bôn, Chà và đến buôn bán đồng đảo.

Năm Mậu-thìn (1688), bọn Hoàng-Tiền ở Mỹ-Tho làm loạn giết chủ tướng là D ườ n g Ngạn-Địch và làm tàu đục súng chống với người Chân-Lạp. Vua Chân-Lạp cũng đảo hào đắp lũy làm kế cố thủ không chịu thần phục chúa Nguyễn nữa. Chúa Nghĩa sai quân đánh dẹp, giết Hoàng-Tiền và bắt vua Chân-Lạp phải theo lệ triều cống. Đến năm Mậu-đinh (1698, chúa Minh vương đặt chức Kinh-lược ở Thủy-chân-lạp, chia đất Đong-phổ (Gia-Định, Phan-trần-dinh) và Đong-nai (Biên-Hòa, Trần-biên-dinh) làm dinh, 1 à m huyện và đặt quan cai trị, và chiêu mộ những lưu dân từ Quảng-Bình trở vào, để lập ra thôn xã và khai-khẩn ruộng đất. Những người Tàu ở Biên-Hòa lập xã Thanh-Hà, ở Gia-Định lập xã Minh-Hương, thì đều thuộc về số bộ nước ta.

Năm Tân-hợi (1731), một người Lào điên rồ xúi dân Chân-Lạp sát-hại người Việt, chúa Ninh vương tức giận, cho chiếm đất Định-Tướng (Mỹ-Tho) và Long-Hồ (Vĩnh-Long) và đặt sở điều khiển để thông nhiếp việc binh ở

miền này .

Phía vịnh Xiêm La, Mạc Cửu không từng phục nhà Thanh, bỏ sang ở Chân-lạp, thấy p h u Sài-mạt có nhiều người các nước đến buôn bán, bèn mở sông đánh bạc, rồi lấy t i ê n chiêu mộ những lưu dân lập ra 7 xã ở Mang khâm gọi là Hà-tiên. Năm Giáp-dần (1674) , quân Xiêm đánh Mang-khâm, Mạc Cửu chống cự không lại, bị bắt đem về Xiêm, sau trốn về được và phục nghiệp, song thấy Mang-khâm là đối luy với Xiêm, nên Mạc Cửu bèn dâng đất Hà Tiên với đảo Phú Quốc, xin thần - phục chúa Nguyễn, năm Giáp Ngọ (1714). Và về sau con là Mạc Thiên Tứ mở thêm bốn huyện (1739): Long Xuyên (miền Cà-mau), Kiên -giang (Rạch-giá), Trần-giang (miền Càn-tho) và Trần di (miền Bắc Bắc-liêu).

Các ông Hoàng Chân-lạp vì tranh ngôi lẫn nhau, phải cầu viện nước Xiêm hoặc Việt Nam nên thường gây cảnh loạn lạc. Năm Quý -dậu (1753), Nặc-Nguyên làm vua Chân-lạp hay hà hiệp rợ Cộn-man, và lại thông sứ với Chúa Trịnh để lập mưu đánh Chúa Nguyễn, Võ -vương biết được tin ấy bèn sai Nguyễn cử Trịnh sang đánh. Nặc Nguyên thua, chạy sang Hà Tiên cầu cứu Mạc Thiên Tứ và dâng hai phủ Tâm Bôn, Lôi Lạp (miền Đông Tháp mủi và Soi-rạp) (1756) để chuộc tội. Năm sau (1757) Nặc Nguyên chết, Nặc Thuận làm giám đốc , xin hiến đất Trà Vang (Trà-Vinh, Bền Tre) và Ba thạc (Sóc-trắng, Bắc-liêu) để cầu được chúa Nguyễn phong vương. Song Nhuận bị r e là Nặc Hinh nổi loạn giết chết và cướp lấy ngôi báu (1758).

Nặc Tôn, con của Nguyễn, chạy sang Hà Tiên cầu cứu với Mạc Thiên Tứ. Thiên Tứ dâng số tâu qua các việc và xin phong Nặc Tôn làm vua Chân Lạp. Võ vương thuận cho và s a i Trương Phúc Du đem binh đánh dẹp. Nặc Tôn được Mạc Thiên Tứ đưa về nước và được Võ vương phong cho chức Phiến-vương, nên hiến đất Tâm-phong-long (Châu-đốc và Sa-đéc) (1759). Tôn lại cắt 5 phủ: Hưởng Úc (Kompong Som), Càn Bốt (Kampot), Sài mạt (Cheal Meas), Chung-rum và Linh-quỳnh (miền duyên hải từ Sré-Ambel đến Peam) để riêng tạ ơn M a c Thiên Tứ. Thiên Tứ đều dâng cho chúa Nguyễn Võ vương cho sáp nhập vào trấn Hà Tiên.

Thế là, trọn một thế kỷ, từ 1658 đến 1759 , Thủy-chân-lạp, bị chánh sách "tâm thực" của Chúa Nguyễn mà thuộc vào bản đồ Việt Nam.

Và từ năm 1834, thời Minh Mạng, Chân-lạp đổi làm Trấn-tây của Đại Nam. Nhưng vì quan-quân ta thiếu kinh nghiệm trong việc thức dân, làm thất nhón tâm, giặc giả nổi lên , đánh dẹp không được, nên không đầy m ư ớ i năm, phải bỏ xứ Chân-lạp (1841).

Và tháng 2 năm Đinh mùi (1847), vua A n g Dương dâng biểu tạ tội; vua Thiệu Triphong cho làm Cao-miền quốc-vương và giao trả lại năm phủ Hưởng-úc, Càn-bốt, Sài-mạt , Chung-rum và Linh-quỳnh. Nước Chân Lạp bắt đầu gọi là Cao miên tứ đồ.

Và cũng tứ đồ, triều đình Huế bắt đầu mắc l o thu xếp công việc rắc rối với Pháp - (Lapierre bán chìm các thuyền tạ tại Đà-Nẵng: 15-7-1847) nên không nhìn đến Miên nua.

Nước Việt Nam thâu hẹp. Và, cũng như l ú c nào, ranh giới không được chính thức hoạch định. Cụ Phan Thanh Giản, khi ghé Sài Gòn để đáp tầu đi sứ bên Pháp lo việc chuộc 3 tỉnh miền Đông đã có lần trả lời câu hỏi của Thống soái La Grandiere về ranh giới phân đất Tây Ninh với Cao miên như vậy: - "Muốn biết đúng chắc ranh giới vùng ấy thì phải đến xem xét lại tại chỗ. T u y nhiên, về nguyên tắc h e' chỗ nào người Nam ở thành xóm là đất Đại Nam, chỗ nào rừng rú là đất Miên".

Rút quân khỏi Chân-lạp là biểu lộ sự suy yếu của Đại Nam, sau khi vua Minh Mạng thất hạ, sự suy yếu đi lần đến việc mất L u c Tỉnh và nhận chịu bảo hộ của Pháp sau này. Cận nhân, tại chánh sách thủ cựu "b e' quan toà cang" và sự căm đạo của vua ta; v i ê n nhân, bởi chánh sách thực dân của Pháp.

Vua Minh Mạng (1820-1840) và triều đình thâm nhiệm đạo Nho, cứ tưởng chỉ có nước Trung-Hoa và Việt Nam mới là có văn hiến, n o i theo Nghiêu-Thuân lấy đức hóa dân, cho các nước Tây dương là man di: đạo của họ không thờ cúng tổ tiên, ấy là "tà đạo". Nên đ o i với các nước ấy, vua Minh Mạng, cũng n h ư vua Trung Hoa và Nhật Bôn thời bấy giờ , triệt để thi hành chánh sách "toà cang".

Với nước Pháp, vua không nhận quốc thư của vua Louis XVIII phái viên khâm sai, v ở i Chaigneau sang dâng (1821), không tiếp thuy n' trưởng chiến thuyền Cléopâtre (1822), không

tiếp Bougainville cai quản hai chiến thuyền Tétis và Espérance (1824) và cũng không nhìn nhận chức lãnh sự của Eugène-Chaigneau do Pháp Hoàng sai đến thay thế Jean Baptiste Chaigneau (1826).

MẤT BA TỈNH MIỀN ĐÔNG

Đối ngoại thì "bề quan", đối nội thì việc nghiêm khắc giết hại công thần gây m a m loạn lạc, vua Minh Mạng ra lệnh cấm đạo, giết giáo dân, giáo sĩ: Thâm nhiệm thuyết Tông nho, - tôi phải theo vua, - nên khi nước nhà đã đại định mà thấy dân chúng chẳng theo một đạo với vua, lại theo "tả đạo", không thờ cúng tổ tiên làm hư hỏng phong tục vua bèn ra lệnh: cấm không được ắt phải giết. Nghịch với đạo Thiên chúa, nhà vua vì thấy gương Ấn Độ bị Anh chiếm Ma Cao bị Bồ Đào Nha, Phi-lật-tân bị Tây Ban-Nha cai trị đem ra ngó các Giáo - sĩ mission có truyền giáo để độ dân tình hình trong xứ.

Sự ngó của triều đình lại thành sự thật. Khi dẹp xong Ngụy-Khôi (1835), triều đình bắt dạng cố Du (Marchand) và ông này đã thú nhận giúp Khôi viết thư cầu viện vua Xiêm. Marchand làm quân sư, cố giáo d a n giúp rất đông. Linh mục Taberd thì trốn sang Ấn Độ đem theo cả bản đồ Đại Nam. Về sau Linh mục Pellerin xin Hoàng đế Napoléon III cử binh đánh Việt Nam, h u i a cố giáo dân nổi lên đánh giúp; rồi ô n g dẫn đường cho Rigault De Genouilly đánh Đà Nẵng (1858). Linh Mục Lefebvre thì d a n đường cho Rigault De Genouilly đánh Gia Định (1859). Nhận thấy mây chó'ây, vua t a cấm đạo gắt gao, bắt giết giáo sĩ. Rồi khi bị quân Pháp viện cớ để đánh phá thì sự cấm giết càng nghiêm khắc hơn.

Những nguyên nhân sâu xa của sự mất Nam Kỳ là lúc bấy giờ các đế quốc Âu Mỹ r ập nhau xâm lược Á Đông.

Rồi sự can thiệp của Pháp ở Việt Nam để bình vực các giáo sĩ lúc đầu, trở thành sự xâm chiếm đất đai bằng võ lực v a quyền lợi.

Ký xong hiệp ước Bắc Kinh (1860), hải quân trung tướng Charner liền đem 70 c h i 'ên thuyền và 3.000 số quân sĩ trợ lực v o i quân của Rigault De Genouilly d a c h i 'em Sài Gòn (19.2.1859) song bị quân vua Việt

vây tại 15.4.1859. Trước sức mạnh của súng ống và tàu chiến, quân ta cố chống trả nhưng vô hiệu. Liên lượt Gia Định, Định - Tường, đảo Côn-nôn, Biên Hòa, Bà Rịa, Vĩnh Long bị chiếm. Triều đình Huế yếu thế, thâm cố loạn tên Phụng, tên Trường, Cai - Vàng ở Bắc gây rối, nên phải ký hòa ước 5 tháng 6 năm 1862, nhường 3 tỉnh miền Đông Gia Định, Biên Hòa, Định Tường và đảo Côn-nôn cho Pháp.

HIỆP ƯỚC NGÀY 5 THÁNG 6 NĂM 1862

Vua và dân chúng Pháp chỉ tưởng bảo hộ chỗ không chiếm đất đai, nên khi sứ b o Phan Thanh Giản yết kiến Pháp hoàng để xin chuộc 3 Tỉnh (7.11.1863). Napoléon III có nói "Nước Pháp có hảo tâm với tất c a các nước và bình vực những kẻ yếu". Thấy Nam Kỳ xa xôi và việc viễn chinh Mexi - que lúc ấy rất tốn kém, tiền cho chuộc Nam Kỳ sẽ bù đắp được một phần tài chánh, nên Napoléon III hạ lệnh cho Aubaret, sứ thần Pháp tại Xiêm đến Huế điều đình cho vua Tự Đức chuộc đất: Hòa ước thành lập xong ngày 15.7.1864 còn đời chánh phủ Phápphế chuẩn.

Nhưng phái chỉ tưởng chiếm căn cứ trong ấy có Rigault De Genouilly, Hasseloup - Laubat làm Thượng thư bộ Hải quân v a thuộc địa cực lực bài xích việc cho chuộc 3 tỉnh. Lúc ấy, một quyển sách nhan đề: " Vấn đề Nam Kỳ xét về quyền lợi Pháp" (La Question de la Cochinchine au point de vue des intérêts français) ký biệt hiệu H. Abel (của trung úy Rieuner có dự chiến ở Gò Công, Mỹ Tho) được dâng lên Pháp Hoàng và gởi cho tất cả các thượng tướng, các chánh khách các phòng thường mại cố động cho mọi người thấy rõ quyền lợi của Pháp tại phần đất ấy và yêu cầu nên giữ nguyên vẹn hiệp ước 5.6.1862.

Một trong những duyên cớ nữa đã thúc giục sự bài bỏ việc cho chuộc 3 Tỉnh là đúng vào lúc ấy, Pháp được Xiêm thỏa thuận cho bảo hộ Cao Miên (5.6.1864).

Nguyên vua Ang-Dương từ khi được v u a Thiệu Trị phong vương (1847) có ý muốn x a lần ảnh hưởng của Việt Nam. Thấy gương Pháp giúp vua Gia Long phục nghiệp, nên năm 1850 Ang-Dương sai phái đoàn qua Singapore nhờ lãnh sự Pháp che chở. Vì vậy,

nhân tiên đặc sứ Montigny đi công cán bên Xiêm và Huế (1856) Napoléon dặn ghé thăm lòng với vua Miên.

Cụ Phan Thanh Giản tuân tiết

Việc cai trị 3 Tỉnh miền Đông đã vững - vàng và cuộc bảo hộ Cao Miên được an bài. Soái phủ Sài Gòn muốn chiếm luôn 3 Tỉnh miền Tây để tiện việc trị an hai xứ đang tạo thành một nơi thực dân lớn lao hầu u dôm ngõ Bắc Việt và Trung Hoa.

Nhân từ khi triều đình Huế ký kết nhượng 3 tỉnh, dân chúng công phần nổi lên chống Pháp. Những cuộc khởi nghĩa của Trương Định (1860-1864), Thủ Khoa Huân (1864) Thiên Hộ Dương (1866) khiến cho quân Pháp phải khó khăn lắm mới dẹp yên. Và nhất là sau vụ thất bại chuộc ba tỉnh ở Miên có sứ Pủ Kâm Bô xưng là cháu của Nặc Ông Chân, nổi lên đánh phá vua Norodom. Thống soái La Grandière đổ cho quan ta xui giục và giúp đỡ những người làm loạn, bèn sai Monet de la Marck ra kinh đòi triều đình Huế nhượng luôn ba tỉnh miền Tây (1867). Vua Tự Đức cự tuyệt.

Khi Rigault de Genouilly lên làm Thượng Thô bộ Hải Quân và thuộc địa hết sức giúp đỡ thì La Grandière được triệu về Pháp hồi tháng 5, trở qua thi hành ý định: chia 3 tỉnh Vinh Long (20.6.1867), An Giang và Hà Tiên. Cụ Phan Thanh Giản trước tình thế ấy, phải uống độc được tuân tiết để chuộc tội với vua ta.

Thế là không đầy 10 năm phần đất Nam Kỳ phi nhiều bị tách khỏi bản đồ Việt Nam sau hai thế kỷ được mở mang khai thác.

VÀ ĐÂY: ỦY BAN HOẠCH ĐỊNH BIÊN GIỚI VIỆT-MIÊN.

Một tháng sau, hiệp ước Pháp Xiêm ngày 15.7.1867 chính thức nhìn nhận sự bảo hộ của Pháp ở Cao Miên và chủ quyền của Xiêm trên 2 tỉnh Battambang và Siem-réap.

Nước Pháp được rành trí trên đất Miên, nhưng ở Lục Tỉnh lại không "yên thân" với phong trào khởi nghĩa "Cần Vương cứu quốc" của sĩ phu trong nước, đã phản út trước tân tuồng xâm lăng ấy: Phan Liêm, Phan Tôn (con cụ Phan) ở Bến Tre, Vinh Long, Trà

Vinh, Sa Đéc (1867); Nguyễn Trung Trực ở Rạch Giá (1868), Thái Văn Nhấp ở Mỹ Tho, Tân An (1868) Trương Huệ (con Trương Định) ở Biên Hòa (1869)... đánh phá, khuấy nhiễu khi cơ thất bại thì rút về ranh giới Miên gây rối.

Vả lại tại biên giới hai dân tộc Việt-Miên vì quyền lợi do đất đai không phân định rõ ràng thường gây cảnh xung đột làm rối cuộc trị an, nên nhà cầm quyền Pháp ở Sài Gòn đồng ý với vua Miên lo việc hoạch định ranh giới giữa hai xứ. Có được bố cục an định, nước Pháp mới rảnh tay lo bành trướng thế lực lên miền Bắc.

Một ủy ban phân ranh được thành lập vào tháng 3.1870 gồm có 3 Ông Rheinart, Labussiere và de Bastard thanh tra ở 3 tỉnh miền Tây Ninh, Trảng Bàng và Tân An, và ở 3 các quan Miên do vua Norodom đề cử. Ủy ban xem xét kỹ càng khắp các tổng các vùng gần ranh giới hai xứ, thấu thập các ý kiến và lời kêu nài của dân chúng, sau khi bàn cãi và ứng thuận với các quan viên, mấy ủy viên Pháp cho cắm trụ đá lập thành biên giới rạch ròi để tránh sự tranh tụng rổn rĩ về sau.

Bảng rạch, tương rạch, dọc theo sông rạch ủy ban làm việc liên tiếp 34 ngày ròng rã đi hơn 125 cây số từ Tây Ninh đến Hà Tiên xuyên sông Cửu Long. Ranh giới được hoạch định theo sông rạch gò nông thiên nhiên, theo xóm làng của hai dân tộc Việt - Miên tất cả có 124 trụ đá được cắm làm mốc giới theo thứ tự, từ đông sang tây. Trụ đá số 1 khởi tại Tây Ninh, dựa mé rạch Ton-ly. Trụ đá số 124 dặt tại làng Hòa Thạnh (Châu Đốc) ở phía Bắc các kinh Vĩnh Tế 209 thước, từ đó thẳng rạch Hà Tiên tới vịnh Xiêm La thì dọc theo đường sứ sẵn có.

Phức trình của Ủy Ban để lên nhà cầm quyền hai xứ có bị sửa đổi đôi chút. Theo phức trình ngày 9.7.1870: miền đất ở khoảng giữa hai rạch Cai Bạch và Cai Cay, trong vùng Pháp sẽ nhượng cho Miên để đổi lấy 486 cái nhà hợp thành làng, Soc-tranh và Bang-chrum. Miên giữ phần đất có người Miên ở trong các Tỉnh Preweng Bôni-fuoi, Soc-Thiet. Dãy đất dọc theo sông Vòm Cỏ do người Nam ở hoặc khai khẩn thì thuộc về Pháp.

Sau 3 năm đo đạc, lấy địa đồ, cắm trụ đá,

VIỆT NAM PHONG SỬ

(Kỳ 4)

Nguyễn Văn Mại bản dịch của Tạ Quang Phát

- Học Giả Mặc Khách sưu lục -

CHƯƠNG 14

Cóc kêu dưới vũng tre ngâm (1)
Cóc kêu mặc cóc, tre đắm mặc tre.

Thơ phong sử này thuộc tỷ.

Cóc, loài ếch nhái. Khi trời sắp đổ mưa thì cóc kêu. Cóc phần nhiều sống ở hang dưới đất. Tre, loại trúc. Tre nước ta có hàngmười thứ đều có thể làm nhà. Muốn xài tre, người ta chẻ tre già mỗi đôn và ngâm trong nước vài ba mươi ngày rồi vớt lên dùng thì khỏi bị mối mọt phá hại.

(1) Con cóc sống trên cạn ít khi kêu. Con nhái sống dưới nước vũng kêu luôn.

CHƯƠNG 15

Thường thay thân phận con rùa
Trên đình hạc cối, dưới chùa đội bia!

Thơ phong sử này thuộc tỷ.

Rùa, loài quy, nước Nam ta sản xuất nhiều-rùa. Đình, đình miếu thờ thần. Bia, bia đá. Nước Nam ta thờ thần, trên miếu thường có khắc hình con hạc đặt ở hai bên tả hữu. Dưới hai chân hạc lại đặt tượng một con rùa. Ở bên miếu thờ có dựng tấm bia, chân bia lại có đặt tượng con rùa.

Ý nghĩa của chương này và chương trước (chương 14) nói về lúc nước ta bị Bắc thuộc nhân dân sống đồ thân, có việc oan ức thì không kêu ca thưa kiện ở đâu được. Cho nên mới lấy đó mà ví.

Nước Nam ta sau thời Hán Vũ Đế bị Bắc - thuộc trong mấy ngàn năm, chính sách bảo hộ của người Tàu đại để là nhân huệ thiit mà khắc bạc thì nhiều. Những quan thú mục đến nhậm chức ở nước Nam ta, ngoại trừ mấy người như Sĩ Nhiếp, Nhâm Diên, Lý Thiện, Đào Hoàng, đều không có hành vi trong sạch. Họ tham bạo riêng tư, có người đem một đũa u muội đổi lấy con bò, có kẻ đem một con bò đổi lấy mười học nếp. Họ cứ lo vớ vét tiền của khiến chức lại và nhân dân không biết nổi khổ. Thế mà triều đình Trung Quốc chưa từng hay biết, như vậy cũng có ích cho việc áp chế. Nhân dân lúc bấy giờ phânhiều sống không nổi cho nên dùng con cóc con rùa tự ví.

Nói dân ta đã như con cóc nép mình sống dưới ao, lại còn bị người ta đem tre ngâm vào, và đã như con rùa ngán cổ không kêu gào được lại còn bị con hạc cối lên, tấm bia đá đè lên. Nhân dân sống trong thời ấy còn biết nương cậy vào đâu?

Tuy nhiên, cái thế trong thiên hạ, hễ sức ứ c đề xuống càng mạnh thì sức đẩy lên càng to. Cô Tô Định kết oán với nhân dân thì cô Trưng Vương đẩy binh đánh đuổi. Cô Tiêu Tứ làm thất sách thì cô Lý Nam Đế dựng nước độc lập. Cô Cao Chính Bình đánh sủi cao thuế nặng thì cô cha con Phùng Hưng cướp huyện chiếm châu tự lúc tự cường. Lần lần đến những việc áp chế mãi không thôi thì có những cuộc bạo động chống trả mãi không dứt, cho nên Ngô sứ quân được hô hào chủ quyền, Đinh Bộ Lĩnh được nêu cao ngọn cờ độc lập mà giải thoát được cái ách khốn khổ hàng ngàn năm.

Tất cả đều do sức áp chế bạo tàn của bọn thống trị đã mở lối tạo ra cả.

Cái thế lớn lao ấy trong thiên hạ thật đáng kinh thay!

CHƯƠNG 16

*Cửa đời muôn sự của chung
Tranh nhau một tiếng anh hùng mà thôi!*

Tho phong sử này thuộc phú.

Nước ta trong thời tiền Ngô (Ngô Quyền) từ khi Dương Tam Kha (Ca) soạn ngôi, Trần Lâm đẩy binh nổi lên trước hết. Các thò hào đó đây đều đua nhau nổi lên.

1- Trần Lâm tự xưng là Trần Minh công chiếm cứ Bồ chính hải khẩu.

2- Ngô Xúông Xí tự xưng Ngô Sứ quân chiếm cứ Bình Kiều.

3- Kiều Công Hãn tự xưng là Kiều Tam Chế chiếm cứ Phong Châu.

4- Nguyễn Khoan tự xưng là Nguyễn Thái-Bình chiếm cứ Tam Đái.

5- Nguyễn Gia Loan, Lý Khuê tự xưng là Lý Lăng công chiếm cứ Siêu Loại.

6- Nguyễn Thủ Tiệp tự xưng là Nguyễn Lĩnh công chiếm cứ Tiên Du.

7- Lữ Đường tự xưng là Lữ Tá công chiếm cứ Tế Giang.

8- Nguyễn Siêu tự xưng là Nguyễn Hửu công chiếm cứ Tây Phú Liệt.

9- Kiều Thuận tự xưng là Kiều Lĩnh công chiếm cứ Hối Hồ.

10- Phạm Bạch Hổ tự xưng là Phạm Phong Át chiếm cứ Đàng Châu.

11- Ngô Nhật Khánh tự xưng là Ngô Lâm công chiếm cứ Đuồng Lâm.

12- Đỗ Cảnh Thạc tự xưng là Đỗ Cảnh công chiếm cứ Đỗ động Giang.

Trước sau có 12 vị sứ quân, mỗi vị chiếm giữ một góc giang sơn, tự làm hùng trưởng một phương, chọ nên nói "Giang sơn hà khu, Anh hùng thị xử". (Khu vực nào của núi sông đều có anh hùng ở đấy cả).

Người trong nước kể ra việc này mà trần bày thành câu phong sử này.

Nói thiên hạ là của chung. Điều mà người ta tranh nhau là tiếng anh hùng. Nhưng anh hùng cứ tranh giành nhau thì không phải cái phúc cho sinh linh.

Sử của Ngô Sĩ Liên chép rằng: "Nước Việt Nam đã hơn 4790 năm thật không muốn có thời đại Thập nhị Sứ quân."

Quả thật như vậy.

Tuy nhiên nước Nam ta sau đời Hán Vũ Đế bị Bắc thuộc hơn 1400 năm mà không có thời đại nào có một người xuống lên (1) việc độc lập:

Hai Bà Trưng đã thất bại vì Mã Viện, Triệu Âu phải thua chạy vì Lục Dận, Lý Bí đã xưng Nam Đế nhưng phải rút lui về Liêu Đông, Mai Thúc Loan đã là Hắc đế, nhưng đã trốn mất trong núi.

Xem lại người nước Nam ta thì ai dám cất bước lên mà chống lại Bắc triều.

Từ trận chiến ở Bạch Đằng, quân Nam Hán bị đại bại về tay Ngô Quyền. Thừa thời thế đã có cơ hội họ bèn kết bọn mà nổi lên. Cuộc tranh giành của 12 Sứ quân là đạo quân tiên phong cho Đinh Tiên Hoàng đây chăng?

Con cuộn chiều có hàng trăm chân, chét phần này thì phần kia động đậy. Trong cuộc đua nhau đẩy binh nổi lên, Mười hai Sứ quân vẫn có đoàn thể. Luận về việc tranh đấu lẫn nhau, Mười hai Sứ quân không phải là không có tội. Luận về cuộc thống nhất, Mười hai Sứ quân không phải là không có công.

Phần trên từ Triệu Vũ đế đến Mười hai Sứ quân có cả thảy 9 chương.

(1) Ở đây phải viết là: "Mà không có thời đại nào có người dựng nên độc lập được lâu dài" mới đúng.

CHƯƠNG 17

*Xem lên trắng bạch trời hồng,
Đạo miền sơn thủy bể hồng thái bình.*

Thái bình, tức cây thái bình lê, hoa lá

giống như cây sa lê.

Nước Việt ta từ sau khi bị Bắc thuộc, bị người Tàu sáp nhập làm quận huyện của họ. Ở nước An Nam ngọn cờ đồ hộ được trồng lên. Giang sơn vô chủ.

Lúc ấy có Đinh Tiên Hoàng, người ở ở n g Hoa Lư (nay thuộc huyện Gia Viễn tỉnh Ninh Bình) đất Đại Hoàng. Cha là Đinh Công Trứ, làm thú sử Hoan chân mặt sớm. Ngài còn bé, được mẹ là bà họ Đàm dắt về nơi sơn động.

Lớn lên, Ngài sai khiến được các thuộc ấp lân cận.

Các phụ lão ở các sách phần nhiều đều cho con em theo Ngài. Họ lập Ngài làm bậc đàn anh. Ngài ở sách Đào Úc, đem quân đi đánh các sách chứa hàng phục khác và đều h a hết những sách ấy.

Lúc ấy Nam Bắc phân tranh, Mười hai Sứ quân chia cắt giang sơn thành khu mà chiếm cứ.

Ngài nghe Sứ quân Trần công Lãm là người có đức mới đến nương tựa.

Trần công Lãm mất, Ngài thông lãnh quân đội của người và chiếm giữ động Hoa Lư, thưng những bậc hào kiệt của Trần công Lãm v à đem quân ra đánh thành ấp. Ngài đi đến đâu đều thắng trận đến đây, cho nên Ngài được tôn hiệu là Vạn thắng vương.

Sau khi dẹp yên các bộ sứ quân, Ngài tự lên ngôi Hoàng đế, đóng đô ở Hoa Lư, đặt niên hiệu là Thái Bình, đặt quốc hiệu là Đại Cồ Việt.

Ngài thật là vị Minh chúa chánh thống đầu tiên của nước Việt ta.

Nhà thơ trần bày việc ấy mà khen ngợi Ngài nói người nước Nam làm chủ nước Nam, vui thích xem cảnh thái bình, ngẩng lên trông trời thì thấy mặt trời mặt trăng sáng đẹp cúi xuống xem đất thì thấy núi cao sông biếc, đường đường một vùng Lĩnh Nam h ở n vạn dặm, núi sông ửng sắc, cây cỏ tuổi tấn hồi xuân, trông lại cảnh tượng dân chúng - được thái bình, há chẳng là một cử chỉ hòa lòng khoáng chí hay sao ?

(còn tiếp)

tiếp thu trang 30

ranh giới chắc chắn giữa hai xứ Nam Kỳ và Cao Miên được chánh thức nhận theo tờ thỏa thuận ký kết ngày 15.7.1873, giữa Thống Đốc Nam Kỳ Dupré thay mặt n ướ c Pháp và Miên Hoàng Norodom, mặc dầu nước Việt Nam chưa chánh thức nhượng cho Pháp 3 Tỉnh miền Tây, (toàn xứ Nam Kỳ chánh thức thuộc Pháp theo hòa ước 5.3.1874).

Thế là quân Pháp đạt mục tiêu: Bảo hộ Cao Miên chiếm trọn miền Nam Việt Nam l à m thuộc địa, định yên bố cõi với Miên triều để để bề kiểm soát biên giới hầu n g à n chặn phong trào Cần Vương chống Pháp của các nhà chí sĩ Việt Nam. Mặt khác, họ được rảnh tay đi thám hiểm ngược dòng sông - Cửu Long để tìm đường xâm nhập Trung Hoa và dò đường để sau này đánh chiếm Bắc Kỳ bắt chệt triều đình Huế chịu nhận v i ệc bảo hộ. Và nước Pháp, muốn được yên thân trong việc chiếm cứ trọn vẹn nước Việt-Nam rộng lớn, đã nhượng mô đòng Tự Long cho Trung Hoa trong việc hoạch định ranh giới giữa xứ này với Việt Nam, theo Hòa ước Thiên Tân (1885).

Tại miền Nam, sau một thế kỷ liên tục tranh đấu, hoặc công khai, hoặc bí mật của dân tộc Việt Nam, xứ Nam Kỳ bị tách làm thuộc địa Pháp đã chánh thức được quy - hoàn lại Việt Nam do đạo luật số 49733, ngày 4 tháng 6 năm 1949 của Tổng - Thống Pháp.

Và ranh giới ngày nay giữa Việt Nam v à Cam Bốt có sửa đổi đôi chút tại Tỉnh Châu Đốc và Kandal và Châu Đốc với Prayveng - do những nghị định năm 1935, 1936, 1942 là kết quả của sự thỏa thuận ký kết ngày 15 tháng 7 năm 1873, giữa Thống Đốc Nam K ỳ Dupré thay mặt nước Pháp và Miên - Hoàng Norodom.

Tóm lại, ranh giới hai miền Nam và Bắc của xứ ta với hai nước liên hệ, lại d o nước Pháp vì "lý do chánh trị tối cao" chu đáo đảm nhiệm việc hoạch định và ký kết hiệp ước, không có sự thỏa thuận của Việt Nam vậy

LÊ NGỌC TRỤ

ĐỒNG NAI VÀN TẬP quyển 9 tháng 11 và 12 năm 1966. Sài Gòn 1966



HÙNG ĐẠO VƯƠNG

(Kỳ ba)

Lê Văn Phúc và Phan Kế Bính soạn. In lần
thứ nhất tại Đông Kinh ấn quán Hà - Nội
năm 1914

— Học Giả Mặc Khách sưu lục —

HỒI THỨ BA

Trá Hòa Thượng xem mặt kiêu kỳ,
Phong sứ giả gọi đường sinh sự.

Nguyên chúa có ý muốn gây chuyện, thường
sai quân đi lại xem xét địa thế. Quan -
trần thủ mặt Bắc sai người về báo.

Vua Thánh tôn một đường sai Lê-khắc Phục
Lê Thúc Kim sang sứ Nguyên triều giảng
giải sự tranh cạnh; một đường sai Đào Thế
Quang giả tiếng sang mua thuốc bên Long
Châu, để thám binh tình xem làm sao.

Lê khắc Phục, Lê Thúc Kim phụng mệnh sang
Nguyên triều giảng giải. Nguyên chúa khờ
nghe, nói rằng:

- Nam chúa muốn trăm bãi binh, thì phải
thân vào châu mới được.

Hai người sứ giả ra về.

Thái tôn thượng hoàng từ khi nhường ngôi,
nhất thiết công việc trong nước, giao phó
cho vua xử đoán, duy có việc gì quan hệ,
thì ngài vẫn tự chủ trước. Lúc nhân nhà
ngài vui chơi trong cảnh chùa chiền,
thường thượng ngự chơi chùa núi An Tư.
Một buổi, ngài ngồi chơi trong ngự đường,
bỗng có con rết leo lên áo ngự. Ngài giật
mình, vội vàng giũ con rết ấy xuống đất,
thì thấy có tiếng kêu leng keng, té ra
là một cái đinh. Có người đoán rằng: " -
Đinh tức là năm Đinh, điểm này đến năm
Đinh thì có sự". Đến năm Đinh Sửu quả
nhiên ngài phải bệnh, tháng tư ngài cố
rồng lên châu trời.

Ngài là một vị minh quân, có đức hiền hậu
thay ngôi nhà Lý từ khi 8 tuổi, trị vì 33
năm, nhường ngôi 19 năm, thọ 60 tuổi.

Vua Thánh Tôn và quần thần dùng nghi lễ
rước ma táng tại Chiêu Lăng ở phủ Long-

Hung (xưa là đất làng Đa Cường thuộc tỉnh
Hung Yên, vì nhà Trần có tổ mộ ở đây, mới
gọi là phủ Long Hưng).

Tháng mười năm sau là năm Mậu Dần, vua
Thánh Tôn nhường ngôi cho Thái Tử Sâm.
Thái Tử lên ngôi, cải niên hiệu gọi là
Thiệu bảo, tức là Nhân Tôn hoàng đế, tôn
vua cha gọi là thượng hoàng, lại theo như
khôn phép khi trước.

Nguyên triều nghe tin Thái tôn thượng -
hoàng thăng hà, muốn nhân dịp trong nước
có tang, gây sự khởi binh, mới sai Lê - bộ
Thượng thư là Sài Thung sang sứ dụ vua
vào châu.

Sài Thung đi từ Giang Lăng đến Ung Châu,
rời vào nước ta, đi đến đâu sách nhiễu
đến đó. Khi đến kinh thành, lên mặt kiêu
ngạo, cỡi ngựa đi thẳng vào cửa Dương Minh
đến mãi đến Tập hiền mới xuống ngựa.

Thung sai đưa thư vào trách vua rằng: Sao
không xin phép thiên triều, mà dám tự lập.
Nay phải thân sang châu thiên triều dâng
đề mới xong.

Vua sai người mời Sài Thung vào sứ quán
nghỉ ngơi, và sai tướng quốc Thái úy là
Trần Quang Khải ra khoản tiếp.

Sài Thung cậy mình là sứ thần và quyền-
cao chức trọng ở đại quốc đi đến tiểu -
quốc, không coi ai thăm vào đâu. Khi tướng
quốc Quang Khải vào ra mắt, Thung vắt vẻo
nằm trên sập, không thèm đứng dậy, mà cũng
không thèm đáp lại một lời. Quang - Khải
không sao được trở ra.

Hùng Đạo Vương nghe chuyện làm vậy, căm
tức vô cùng, muốn vào thẳng xem mặt mũi ý
tứ đứa kiêu ngạo làm sao, nhưng ngài mình
là người An Nam, thì nó tất không nói mây.
Ngài vốn thuộc tiếng Tàu, mới cạo đầu, mặc
áo cà sa, cỡi đeo tràng hạt, giả làm một
người bắc Hòa Thượng, đến cửa quán xin vào
bái kiến.

Sài Thung thấy có sư Tàu vào chơi, c h o

người ra mời vào trong nhà, đứng dậy chào hỏi, pha chè thiết đãi.

Ngài chào trước nói rằng:

- Nam Vô A Di Đà Phật! Bần tăng nghe tin tướng công đến đây, vậy xin vào bái kiến.

Thung hỏi lại:

- Sư giả pháp hiệu là gì, quê quán ở đâu?

- Bần tăng công, bần tăng hiệu là Huyền-Minh, quê ở làng Thạch Động tỉnh Hồ Nam.

- Người ở chùa nào, tu trì đã được bao lâu?

- Bần tăng bỏ xứ sở sang Nam quốc, đã hơn mười năm nay, mây bay thiên hạ không định xứ nào, gần nay bần tăng trụ trì tại chùa Nhất trụ cạnh thành này, nên mới được biết tin tướng công mà đến hầu. Vậy xin hỏi tướng công đến đây có việc gì?

- Tôi nhân phụng mệnh trung triều hoàng đế, đến đây dụ Nam quốc vương vào châu.

- Bữa qua bần tăng có nghe lễ tướng Nam Quốc vào hầu tướng công, tướng công không thêm hỏi đến, có chuyện thế không?

- Phải, chúng nó thâm vào đâu, mà tôi chào hỏi! Có sư giả là người bản quốc, thì tôi còn muốn nói chuyện, còn như đồ nhỏ nhặt ấy, tôi có coi vào đâu!

- Nam vô Phật! Tướng công nghĩ thế cũng phải, nhưng trở ở đời, mất gì một lời nói, tướng công tự quý, mà để cho người ta mất lòng, thiết tướng công cũng không nên.

- Mất lòng thì chúng nó làm gì nổi được tôi; chúng nó muốn giang sơn nhà nó ra cầm thì hãy trêu đến tôi!

- Nam Vô Phật! Phật tử phù hộ cho tướng công bình yên, vạn thủy thiên sơn, đi đến nơi về đến chốn.

Hai người trò chuyện một hồi, có người đây tỏ Sài Thung, thấy đầu sư tặc, tinh nghẹn lây mùi tên đâm vào đầu, máu chảy ròng-ròng, mà ngài vẫn nghiêm nhiên trò chuyện tựa hồ không biết. Dã Tượng, Yết Kiêu đứng xem ngoài cửa, thấy quân xác lều như thế, nổi giận hầm hầm thốc vào cửa, lính canh 20 tên can lại không nổi. Ngài thấy ngoài cửa xông xáo, trông ra thì thấy hai người đang đá những quân canh, ngã lăn, ngã lộn, kêu trời kêu đất; ngài liếc mắt một cái, hai người hần học cầm đầu đi ra, rồi lẩn mất.

Ngài tự đứng dậy trở ra, Sài Thung tiến ra khỏi cửa, nhưng vẫn chưa biết sự cố là sao. Dần dần mới vỡ lẽ hai người ấy là đây tỏ Hưng Đạo Vương, mà nhà sư tặc là Hưng-

Đạo Vương. Sài Thung lấy làm xấu hổ, mang lòng thù oán.

Hưng Đạo Vương về dinh máng Dã Tượng, Yết Kiêu rằng:

- Chúng nó tuy chẳng ra gì, nhưng vua còn đứng giữ lễ với ngoại quốc, sao chúng nó dám làm cản vậy?

Hai người nói rằng:

- Chúng tôi thấy nó hờn lão, muốn đá nó chết ngay chúng nó đi, để làm gì những quân kiêu ngạo ấy.

Hưng Đạo Vương lại máng rằng:

- Chúng nó tuy vô lễ, nhưng mình phải kính quân mệnh làm trọng.

Hai người nín lặng trở ra.

Vua Nhân tôn tuân lệ cũ, mở tiệc yến trong hành lang, mời Sài Thung ăn tiệc. Thung vẫn bắc bực kiêu kỳ, không thêm đến.

Bữa sau phải mở tiệc khác ở đền Tập hiền cho đón rước hai ba lần mới đến. Khi uống rượu, Thung nhắc lại việc trước, dụ vua vào châu.

Vua nói thác ra rằng:

- Quả nhân xưa nay sinh trưởng ở trong cung, không quen phong thổ, không thể nào đi được.

Tân tiệc, Sài Thung tử ra, cách vài hôm về nước.

Vua sai Trịnh Đình Toàn, Đốc Quốc Kế mang thư sang sứ Nguyễn. Nguyễn triều thấy Nam vương không vào châu, mà chỉ đưa thư sang nói thối thác ra việc nợ việc kia. Các đình thần xin cất quân sang đánh. Nguyễn chúa còn ngần ngại chúa quyết, mới giũ bọn Trịnh Đình Toàn ở lại không cho về.

Nguyễn chúa lại sai Thượng thư là Lương-Tăng sang dụ rằng:

- Nam quốc vương nếu không thể thân sang châu được, thì phải tiên một người bằng vàng, đổi mất bằng ngọc trên châu để thay, lại phải nộp hiến sí, các Thầy âm - dương bói toán, các thợ khéo, mỗi hạng hai người.

Vua sai người chú họ là Trần di Ai và Lê Tuấn, Lê Mục, sang sứ Nguyễn để thay vua vào châu. Nhưng Nguyễn chúa không bằng lòng, có ý muốn chiếm giữ quyền cai trị nước Nam, giáng chỉ lập một tòa Tuyên Phủ ở nước Nam, sai Bộc-nhan-thiếp-mộc-Nhi sang làm chánh sứ, đặt nhiều liêu thuộc để giám trị các châu huyện. Bọn Mộc-nhi phụng chỉ đảo nhậm, vua không nhận dưới cả về Tàu.

Nguyễn chúa thấy bọn ấy trở về, đứng đùng

nổi giận, lập ngay Trần di Ai lên làm Nam Quốc vương, phong cho Lê Mục làm Hàn Lâm Học Sĩ, Lê Tuân làm Trung Thư lệnh. Lại sai Sài Thung dẫn 1000 quân hộ tống cho bọn ấy về nước.

Trần di Ai tuy không có bụng phản quốc, tranh ngôi, nhưng cũng không biết t h ử- nghiã, tứ chỗi làm sao, thấy Nguyên Chủa phong cho cũng nhận, đưa về cũng về; chắc cũng độ là chuyện nầy nhờ sức cường bang may việc xong ra thì một đời vinh hiển; nhưng bảng không xong, thì đời là Nguyên Chủa bất hiệp, tất cũng không việc gì. Vì thế mới theo Sài Thung về nước.

Sài Thung đưa bọn Di Ai đến đầu cõi Nam Quan, có tin phi báo về kinh đô. Vua nổi giận nói rằng:

- ĐỒ thất phụ! Sao dám vô lễ làm vậy?

Liên sai tướng quân là Nguyên Khoái dẫn một đội quân lên mặt thượng du đón đường đánh quân Sài Thung và bắt quân phản quốc ấy về.

Nguyên Khoái phụng mệnh dẫn quân đi, đến Lạng Sơn thì gặp quân Sài Thung vừa đến. Nguyên Khoái dẫn quân chặng ngang đường. Sài Thung cỡi ngựa ra trước trận mánh tráng: - Đản sâu bọ kia! Đây ta đưa vua mới nhà mày về đây, biết thân thì hàng ngay đi cho chóng việc, đứng để quân tao phải bận tay chém giết.

Nguyên Khoái trướng mắt lên trông, t h ử chính là mặt đứa kiêu ngạo khi trước, liền quát rằng:

- Bớ quân coi người bằng nửa con mắt kia! Mày khinh người vừa chứ, hôm nay tao mới ra tay cho mày.

Nói vừa buông lời, giương cung bắn ra một phát, tin ngay vào giữa mắt Sài Thung, ngã lán xuống ngựa. Các tướng Nguyên xô ra, kẻ thì cứu Sài Thung đứng dậy, kẻ thì thúc ngựa ra tiếp đánh Nguyên Khoái. Quan quân kéo tràn vào đánh, quân Nguyên vì có chủ tướng đã bị thương, không dám kháng cự nữa, cứu được Sài Thung rồi thì vừa đánh vừa chạy, Nguyên Khoái đuổi 20 dặm mới thôi.

Sài Thung thoát nạn về Iâu, còn bọn Trần di Ai, thì nhân lúc loạn quân, chạy trốn vào rừng, rồi về triều đình thú tội.

Di Ai lạy vua khóc mà tâu rằng:

- Iâu lạy bệ hạ, chúng tôi bị Nguyên chúa bắt hiệp, chỗ quả không có bụng nào d ả m phản quốc.

Mặt rỗng nổi giận mắng rằng:

- ĐỒ súc sinh kia! Người có phải trung-tâm với chúa, thì dù nó ăn hiệp thế nào mặc lòng, chỉ có chết là cùng, chỗ s a o người dám nghe lời nó, mà lại dặt giặc về đây?

Các quân thần xin đem chính pháp, v u a còn thượng là người tôn thần, mỗi cách hết cả chức tước bọn ấy, đẩy ra nơi khác làm quân lính.

Bấy giờ Nguyên Thế tổ đã triết x o n g Tông triều, nhất thống thiên hạ, đã được 3 năm; văn thân, vũ tướng như rừng, lương thảo quân binh tựa bể; đánh đông dẹp Bắc tiếng lừng lẫy khắp đến Âu châu; đạp núi lập sông, oai hùng cường nhất trong hần vũ; có uy thế ấy, chắc là sai khiến các nước nhỏ thế nào cũng phải chịu; chuyên-này cho Sài Thung đưa bọn Trần di Ai về quyết hạn Nam quốc không dám cự; mà Sài Thung cũng tởng rằng: "Ta phụng mệnh hoàng đế, đem binh sang nước nhỏ mọn, chắc họ phải sợ ta như cọp". Ai ngờ nghề quân đi, trăm quân trở về; hai mắt sáng, một mắt trở lại; vừa đau vừa xót, v u a then vừa tức, đi đường cho mau cho chóng để về mà thuật tình khổ nào ấy.

Khi về đến triều, Sài Thung khóc lóc tâu với Nguyên chúa rằng:

- Iâu bệ hạ, tiểu thần phụng mệnh đ ứ a Trần di Ai về nước, không ngờ Nam Quốc vương cự mệnh, sai quân ra đón đường đánh tiểu thần, đến nơi tiểu thần bị thương về đây, xin bệ hạ cất quân hỏi tội r ấ a thù cho tiểu thần.

Nguyên chúa cả giận, hội các tướng sĩ lại hỏi rằng:

- Trăm tứ khi khởi binh đến nay, đánh đông dẹp bắc, đâu đâu cũng phải chịu oai quyền của trẫm, chẳng hề nước Nam kian hồ vừa bằng cái bận tay ếch, thế mà hai thứ làm nhục quân của trẫm rồi, tướng sĩ các người nghĩ sao?

Thái Tử tên là Thoát Hoan tâu rằng:

- Iâu lạy vua cha, xin vua cha chỗ ngại, con xin để binh sang đánh, chắc là thu- được Nam quốc vào trong tay áo.

Sức cộ một tướng nhảy ra tâu rằng:

- Tiểu tướng xin theo Thái Tử sang bình Nam.

Nguyên chúa trông ra thì thấy tướng ấy, mặt to mũi rộng, mắt sắc như dao, tướng hổ mình beo, tay vượn, lưng gấu; tướng ấy tên là Toa Đổ, tay sử nời một đại đao nặng 80

cân, sức khỏe dịch độ muộn người, nguyên là một đấng tướng bộ hạ của Nguyên chúa. Nguyên chúa mừng rỡ cho đi. Sức lại có một tướng khác bước ra tâu rằng:

- Tiểu tướng xin đi hiệp sức với Toa Đò, giúp Thái Tử.

Nguyên chúa trông ra thấy người này tướng cũng dữ tợn, mình cao chín thước, lưng đầy 10 vây, tên là Ô mã Nhi, cũng là một kiêu tướng.

Nguyên chúa cả mừng, hỏi rằng:

- Vậy thì các người có kế gì chưa?

Tả thừa là Lý Hằng hiến kế rằng:

- Bệ hạ muốn đánh Nam quốc, nên cho một mật sang đánh Chiêm Thành (Bây giờ là tỉnh Phú Yên và Bình Định ở Trung kỳ), ta sẽ giả tiếng đánh Chiêm, mà muốn đường đi qua Nam Quốc, bắt y phải ứng biện lương thảo. Khi nào vào đến trong nước, thì thừa cơ mà đánh, khiến cho y không biết đâu mà phòng bị trước.

Nguyên chúa nghe kế ấy, sai Thoát Hoan làm Trần Nam vương, tổng thống đại quân. Lý Hằng làm tả thừa, Lý Quán làm hữu thừa, hai người tham tán nhung vụ. Toa Đò, Ô Mã Nhi, Đường Ngột Đài, Phan Tiếp làm Đại tướng quân khởi 50 vạn quân sắp sửa kéo sang Nam quốc.

Quan trấn thủ Lạng Sơn tên là Lương Uất, cho người do thám được tin Nguyên sắp cất quân, vội vàng sai người chạy ngựa trạm về kinh đô phi báo.

Vua được tin cả kinh, hội cả quân thần và võ lại thương nghị.

Đó là:

*Đang cuộc thanh bình vui quân nhạc
Bỗng trong thành thốt nổi phong ba.*

Chúa biết hội đồng bàn ra làm sao, sẽ xem hồi sau phân giải.

DÍNH CHÍNH

Trong bản đính chính về Quốc Sử Tập Lục và Tuyên Tập Khảo Luận Phật Giáo và Văn Hóa Việt Nam đã được đính chính trong tập 2 tháng 4 năm 81, nhưng còn sót một vài điểm khá quan trọng. Vậy xin chú đọc giả sửa hộ cho:

Bài: Sự Nghiệp của Phật Giáo trong triều Lý (bài của Thạc Đức)

trang	cột	dòng	sai	đúng
5	3	5	các Tăng hiệu/Các Tàng	Các Tàng sĩ hiệu
6	2	20	Nguồn th / Nguồn th	Nguồn th
7	2	15	dăng /dăng/dăng	dăng
7	3	17	thâm /	thâm
8	2	14	đôi /	đôi
8	2	19	đường /	đường

Bài: Ta thấy gì qua các văn thơ của Thiên gia trước:

Trang	cột	dòng	sai	đúng
11	3	14	1950	1956

Quốc Sử Tập Lục

Trang	cột	dòng	sai	đúng
19	1	14	dại thế	dại thế
19	1	32	Thường	Thường
19	2	17	dăng tiếc	dăng tiếc
19	2	24	theo ngụ ý	theo ngụ ý
19	2	40	Thiên Hạ Quân Quốc	Thiên Hạ Quận Quốc
20	1	7	dại định	dại định
20	1	11	được	được
20	1	19	phóng đại	phóng đại
20	1	23	đều	đều
20	1	30	định	định
20	1	39	đến dòng 52 xin đọc lại như sau:	

Về cuối đời Trần, 59 thôn đất Cổ Lâu thuộc về Lộc - bình - châu (gồm miền Lạng Sơn) bị Hồ Hán Thương đem cắt nhượng cho Minh (1405) nay thuộc về đất huyện Tây Lãm châu Tây Long tỉnh Quảng Tây; 6 động: Cổ Sum, An Lương, Tư Phủ, La Phủ, Kim Lạc, Liễu Cát (gần miền Quảng Yên) bị Mạc Đăng Dung cắt lột cho nhà Minh (1540) nay thuộc về đất Khâm Châu tỉnh Quảng Đông, còn 6 châu: Tùng Lăng, Lê Tuyên, Hoàng Nham, Tuy Phụ, Khiêm Châu (gần miền Hưng Hóa) lúc rốt nhà Lê năm Cảnh Hưng thứ 41 (1780) bị người Thổ ở huyện Kiến Thủy (Tàu) xâm chiếm, chúa Trịnh Sâm cầu thả không đòi lại được, nay thuộc huyện Kiến Thủy tỉnh Văn Nam.





Hoa Iris xanh

Hỡi cụm hoa lá mềm trong tay hái
Đọt nõn nà khi trời đất chớm xuân
Hỡi bình minh sương chan, mưa gội
Ướm mầm hoa kíp đón nắng tung bùng.

Hỡi loài hoa tôi đã gặp,
Trong quây hoa, nhà kính, miền Bắc hay
miền Nam
Màu hoa như vòm trời quê hương tôi tháng
chạp
Như đêm dài, đêm thăm thẳm màu lam

Để tôi trở về miền nhiệt đới
Vũng Tàu, biển Ba Động, sông Cò Chiên
Trời lam đó đã từng đón đợi
Mùa hè xa, mùa tuổi ngọc thân tiên.

Với cánh mỏng xanh hỡi hoa Iris
Nhắc nhớ tôi những kỷ niệm tuyệt vời
Mùa thanh bình cũ, tôi yêu đời t h ấ m
thiết
Giấc mộng và trời lập biển thật thơ ngây.

Để gió dầy bờ vờ giữa Kinh Đô Ánh Sáng
Lê gót mòn lưu vong
Nhìn quê hương đở ngời lửa đạn
Nhìn quê hương chấp chùng ác mộng với cờ
hồng

Nâng hoa xanh lên môi
Trên nẻo lạc loài, tôi hoài niệm m à u
trời, ánh nước
Để tôi thấp lạng mộng tinh khôi
Và mở lối chặng đường phía trước.

Hỡi đoá hoa Iris xanh
Trên chặng đường này, tôi đứng đây
Gọi bạn đồng hành : Này chị, này anh
sản sàng về và lại mảnh quê nát bấy

Để tôi gọi hoài trong trí n h ' ó
mênh mông
Một khung trời đã mất
Để tôi tìm dáng núi hình sông...

Trong lời kêu thương tình đất.

HỒ Trường An
Paris ngày 16/09/78

BUỐC CHÂN

Bầy lâu nhưng bước người trôi nổi
Qua bao nhiêu trạm đổi xôn xao
Tâm tư bão loạn mong tìm lối
Nguồn sông đâu nào mất khát khao.
Sức dãi mồi mòn tìm chẳng thầy
Một cõi yên bình mộng đắp xây
Năm tháng cuốn dần trôi mộng ảo
Còn đây nổi tiếc nhớ với đây.
Điềm tựa cuộc đời xa tay với
Ta như đánh mất cả niềm vui
Trót mê bóng trắng soi mặt nước
Quên mất vầng trăng sáng cao với
Sức tỉnh cơn mê ta tự vẫn
Phải chăng chân lý ngự trong tâm
Sống lòng lắng xuống tâm thanh tịnh
Ánh sáng này chính thật vầng trăng.
Lối cũ đường xưa quay trở lại
Tâm hồn rử sạch nổi hư vô
Những mắc xích vô thường đã nói
Bước ta đi êm á không ngờ.

Phan Thạch

VIỀNG CHÙA

Con về đầu có chi vui
bên đời bên đạo ngậm ngùi một thân
từ con rơi xuống cõi trần
trăm năm một món nợ nần tiền khiến
viềng chùa ngộ cảnh non tiên
trở về nghe nặng não phiền hai vai

Đặng Trinh Wallenstatter



Ký sự

ĐƯỜNG QUA XUẤT TỬ

— Thích Như Điển — (tiếp theo kỳ trước)



Chiếc phi cơ Delta bay những địa - phương nhỏ để lấy khách, nên cũng không lớn là bao so với đất trời bao la rộng rãi ấy. Ngồi trên máy bay mà nghe gió cứ đảo xuôi, đảo ngược làm cho hành khách trong máy bay rợn cả tóc gáy không biết bao nhiêu lần. Lẽ ra máy bay phải đáp xuống đúng giờ ở phi trường Houston (Texas) như phi trình đã định trước, nhưng hôm ấy trễ cả tiếng đồng hồ, làm cho kẻ đi đưa lẫn người đi đón đều hồi hộp lo âu.

Houston là một thành phố đông dân Việt Nam cư ngụ, đứng hàng thứ nhì sau Los Angeles - thuộc tiểu bang California. Ở đây khí hậu ôn hòa, nên nhiều người Việt đã đến đây sinh sống. Tôi có nghe kể lại rằng cứ hàng mỗi cuối tuần có hàng ngàn người Việt ở những tiểu bang khác về Houston để thăm viếng bạn bè, hội họp v.v. . . . Kể như thế cũng vui, nhưng nói nào có đông dân Việt Nam cư ngụ là nơi đó có xảy ra lắm chuyện động rừng. Ở đây có chùa, có Thầy, có hội đoàn PG cũng như những hội đoàn của những tổ chức Việt Kiều khác v.v. , nếu chỉ nhìn bề ngoài thì thấy sự sinh hoạt có vẻ nhộn nhịp, nhưng hình như những tổ chức ở đây cũng không thuận với nhau mấy. Vì lẽ dễ hiểu là người Việt chúng ta ai cũng muốn làm lãnh tụ cả, không ai chịu làm dân và mỗi người là một "hoang đảo cô đơn", không có chư hầu cũng không cần có tướng lãnh. Rất tiếc rằng bao nhiêu năm ở Nhật tôi chỉ học về tâm lý học người lớn của Nhật Bản và đặc biệt là Âu châu - nếu lúc đó có khoa giáo dục tâm lý học của người Việt Nam thì tôi đã chọn ngành ấy rồi. Do đó những vấn đề phân tích tâm lý người Việt Nam trên đây chỉ dựa theo những kinh nghiệm hoạt động của tôi trong quá khứ đối với người Việt Nam thôi, chứ chưa dựa trên cơ sở phạm trù nào bằng sách vở cả.

Đền Houston cũng như mọi nơi khác. Ở đây cũng nghe toàn là chuyện khổ tâm. Cái khổ

mà cách đây hơn hai ngàn năm trăm năm về trước hay tận thời vô thi, chủ Phật đã dạy. Ngoài những sự khổ về sanh, về già, về bệnh, về chết, về ái biệt ly khổ, cầu bất đắc khổ, về oán tẩn hội khổ, hay ngay cả về ngũ ấm xí thành khổ v.v. người Việt Nam chúng ta còn một bệnh khổ trầm kha - nếu dùng theo danh từ tâm lý học về tâm lý học, phải nói cho đúng nghĩa là "ly gián khổ". Trong giới cầm thú tư của người Phật Tử tại gia hay xuất gia cũng đều cảm không được nói dối. Trong bộ luật Sa Di có nói rằng: Nãi chí tiên dự, hậu huỷ, diện thị bôi phi chúng nhập nhơn tội. Ly gián ân nghĩa khiêu thân đấu tranh đảng... nghĩa là "Cho đến việc trước mặt người ta thì khen, sau lưng thì chê, đều có tội cả. Việc làm cho ân tình, nghĩa trọng bị ly gián, hay tạo những lời nói để khiêu khích, tạo nên những sự tranh cãi với nhau "đều không nên làm. Như vậy chúng tôi rằng Đức Phật và chư Tổ sư trong quá khứ đã biết tất cả bệnh của chúng sanh, đã bắt được bệnh, đã tìm ra được thuốc cứu chữa, nhưng những "chúng sanh được sinh ra từ Việt Nma" hầu như còn xa lạ với thuốc ấy, không biết vì những chúng sanh ấy, sống thuốc đảng, hay chưa có nhân duyên để nhận chân được những lỗi lầm của mình? - có lẽ mỗi người trong chúng ta nên tự hỏi mình, và nên tìm những lương dược để trị.

Thế mà có nhiều người ở Đức thì vẫn mong-mỏi đi Mỹ cho được, có người thì nghĩ rằng Mỹ như một thiên đường, có người nghĩ rằng đến đó khí hậu để thở hơn, hoặc giả Mỹ là tương thành của tự do và của tiến bộ, nhưng hầu như ít có ai hiểu rằng: đầu ở bất cứ nơi đâu, hay ở thời điểm nào mà chưa chưa tuyệt được cơn bệnh "ly gián khổ" ấy, thì đầu cho có phục hoạt bao nhiêu thang thuốc đổ vào thân hình người Việt cũng bằng thừa. Có bệnh phải lo chữa bệnh đã, đừng tìm cách chạy trốn, để rồi cơn bệnh vẫn trầm khàn.

Đền chùa Phật Quang để lễ Phật và cúng

chính là để đưa mình vào sự yên lặng, khỏi nhiều phiền bối nội tâm. Vì chùa chiến lâu nay vẫn là thế - là chốn nương tựa tinh-thần của tất cả mọi người, mọi loài. Trên từ Quốc vương, Đại thần, công hầu khanh tướng, dưới đến hạ tiện bình dân cho đến những loài hữu tình và vô tình khác. Cho hay "Phép Phật nhiệm màu", nên đã cảm hóa được không biết bao nhiêu tâm hồn tục lụy....

Sau buổi lễ Phật hôm đó sư Giác Nhiên, tôi cùng một số Phật tử chùa Phật Quang có đi xem hội chợ. Có nhiều gian hàng của Phi Luật Tân, Ấn Độ, Nam Dương bày bán la liệt đủ các thứ đồ, nhưng chỉ có gian hàng Việt Nam là nổi bật hơn cả. Nổi bật vì bên trên gian hàng Việt Nam có treo những khẩu hiệu lớn và một lá cờ Quốc Gia Việt Nam bay phất phới trên bầu trời trong xanh ấy. Ở phía dưới và ngay sát bên trong của gian hàng có bán đủ thứ hàng Việt Nam nào quần the áo lụa cho nữ tú nam thanh trông rất đẹp mắt. Thêm vào đó có bán những món ăn có tánh cách quê hương như chả giò, nem, phở v.v..

Đến tiểu bang này tôi cố đi xem cho được những vườn rau cải của đồng bào ty nạn VN mình, nào rau muống, rau lan, cà pháo, rau thơm, rau quế, rau ngò. Trông những luống rau mà nhớ đến quê hương. Vì tôi cứ nghĩ rằng người Việt Nam ở đây là có thể tự tạo ra một quê hương ở đó, nhưng nó không có được những chất liệu dưỡng sinh để tạo thành một quê hương Việt Nam muốn thuở. Quê hương của ta thật sự còn xa với trong tâm tưởng. Những vùng tận cùng của quả địa cầu - dầu lạnh hay nóng - như Na Uy, Thụy Điển, Phần Lan, Đan Mạch, Canada, Alaska hay Sydney (Úc) Tunis (Bắc Phi Châu) người Việt Nam ta đều có trồng được rau thơm, rau sống cả. Cho hay cái mùi vị quê hương nó đậm đà đến thế và hy vọng rằng con cháu của chúng ta còn thưởng thức được những món ăn thuần túy y dân tộc ấy. Có lẽ người Việt Nam chúng ta ai cũng sợ con của mình quên ăn cơm mà chỉ thích bánh mì đen của Đức hay Hamburger, Mác-Donaal của Mỹ. Và có lẽ người Việt Nam chúng ta cũng còn cảm dứa được chú c úng chả quên? chúng ta nên bắt chước người Tàu, người Nhật, chứ đừng bắt chước người Mỹ người Tây. Vì sao chúng tôi lại sợ thế? Vì trong lúc này Âu Châu theo Đạo Phật ngày càng đông hay ngay cả Mỹ châu cũng vậy. Trong khi đó người ty nạn Cộng Sản Việt Nam qua đây, hay khi còn ở trong các trại

ty nạn ở Đông Nam Á bỏ Phật theo chúa khá nhiều. Đành rằng tôn giáo nào cũng dạy cho con người tránh chuyện dục, làm việc lành cả, nhưng chúng ta không nên là m việc ấy. Vì người nào có tôn giáo nào thì cứ giữ tôn giáo ấy. Trừ khi chúng ta không muốn theo đuổi nữa, chứ chúng ta theo một tôn giáo khác không vì lợi lạc riêng cho cá thể của chúng ta, mà chúng ta theo một tôn giáo là vì chúng ta muốn hướng đi ở sống tinh thần của mình đến một sự an vui giải thoát hơn.

Những ngày ở Houston tôi cũng đã gặp lại rất nhiều người tư Việt Nam hay tư Nhật sang định cư ở đây, chúng tôi cũng đã đi xem nhiều nơi như phố Tàu, phố Việt và trung tâm phi thuyền Nasa của Mỹ. Trung tâm này được xây cất trên một khu đất rất rộng, hơi xa thành phố, để có đủ chỗ dành cho việc trang bị những thiết bị cũng như những bộ phận của những hỏa tiễn đã lên cung trăng trong những năm trước. Ở đây chúng ta có thể xem được những y-phục cũng như những dụng cụ cần thiết của một phi hành gia trong khi du hành ngoài vũ trụ.

Rời Houston để đến Los Angeles - nơi có người ty nạn Việt Nam đông nhất nước Mỹ, và cũng là nơi chùa chiến Việt Nam có nhiều hơn bất cứ nơi nào trên thế giới. Trước đây Thượng Tọa Thích Thiện Ân đã tốt nghiệp tiến sĩ văn chương tại Đại Học Waseda ở Nhật sang mở Thiên đường và chùa Phật Giáo Việt Nam để dạy Thiền cho người Mỹ. Sau hơn 15 năm ở Mỹ (kể từ 1966 đến 1980) Thượng Tọa đã tạo dựng được 11 cơ sở kể cả Đại Học Đông Phương (Oriental University), chùa Di Đà, Tiêu Diêu House v.v. Từ đó Phật Giáo Việt Nam tại Mỹ có một cơ sở và một nền tảng văn hóa đối ngoại khá vững vàng. Sau này có Quý vị Thượng Tọa Đại Đức tiếp nối sứ mệnh cao cả đó như Thượng Tọa Thích Mã Giác, Thượng Tọa tiến sĩ Thích Đức Niệm, Thượng Tọa Tiến sĩ Thích Thiện Thanh v.v... Ngoài ra ở đây còn có chùa Quan âm, chùa Vĩnh Nghiêm, Phật Học Viện Quốc tế. Đây là chỗ đứng chân đầu tiên của chủ Đại Đức Tăng Ni VN khi mới đến đất Mỹ, và nơi đây cũng là nơi đến đầu tiên của một số gia đình ty nạn Việt Nam được chùa bảo lãnh mới từ bên đảo sang. Đệ năm bảy ngày sau tôi lại rời nơi đây

lên San Francisco để thăm chùa Tú Quang do Thầy Tịnh Tứ trụ trì.

Tôi đi thật nhiều nơi, đến thật nhiều chỗ nhiều chùa, nhưng chưa có chùa nào đẹp bằng chùa này. Cái đẹp tuy đơn sơ nhưng cần g làm cho ta hiểu được rằng sự bài trí ngăn nắp ấy là do sự xếp đặt có trật tự của vị Trụ trì, sự khéo léo của một vị Thầy trẻ tuổi nhưng thật nhiệt tâm đối với Đạo, với Đời. Trên chánh điện - một không khí Việt Nam tứ hòa, êm dịu, trang nghiêm thâm kín.. làm cho tín giả có cảm tưởng thoát trần khi bước vào chốn tôn nghiêm này.

Rất tiếc rằng thời gian quá ít, tôi chỉ ở lại đây một ngày và hai đêm, nhưng dư - âm nào đó vẫn làm cho tôi lưu luyến chùa này. Mặc dầu vậy tôi vẫn được Đại Đức Tịnh - Tứ hướng dẫn đến San Jose để thăm chùa Giác Minh và Thượng Tọa Thanh Cát. Đến đó chúng tôi có gặp Sư cô Đàm Lưu - người trước đây du học tại Đức - sau về làm Giám đốc công-nhi viên Lâm Tì Ni tại Việt Nam - mới trốn nạn công sản chạy sang đây trong mấy tuần trước đó. Chúng tôi có hầu chuyện thật lâu với Thượng Tọa và Sư cô về hiện tình Phật Giáo Việt Nam tại Hải ngoại cũng như Quốc nội cũng như tại Mỹ. Thượng Tọa có cho chúng tôi biết sơ qua về những sinh - hoạt của chùa cũng như việc kiến tạo ngôi Đại Hùng Bảo điện.

Sáng hôm sau vào lúc tờ mờ sáng Đại - Đức Tịnh Tứ có đưa lên phi trường để trở lại Los Angeles. Sau khi đến Los Angeles tôi được một người bạn đưa đến Chợ Bến Thành để xem và mua một số sách vở Việt ngữ ở những tiệm gần đó cho thư viện chùa Viên Giác Tây Đức. Tôi vẫn thường hay đùa trong khi nói chuyện với người Việt Nam rằng : nếu ai muốn sống như ở Việt Nam thì hãy lập nghiệp tại Paris, nếu muốn mau giàu có phát đạt thì hãy sang Mỹ hay Úc, ai muốn sống bình thản không giàu, mà cũng chẳng - nghèo thì hãy ở Đức, Hòa Lan, Thụy Sĩ, Đan Mạch v.v.. Có người cười, nhưng đó là sự thật vì chính tôi là nhân chứng trong khung trời tự do ấy.

Chiều thứ 7 hôm ấy tại Phật Học Viện Quốc Tế Thượng Tọa Giám Đốc có cử hành lễ cầu an cho một số Phật Tử và nhân tiện đó TT Đức Niệm có nhờ tôi trình bày về những hoạt động về Phật sự tại Âu Châu của Tăng Tín đồ Phật Giáo Việt Nam mình. Tôi đã

nhân lời và có trình bày sơ qua về cách tổ chức cũng như cơ cấu Phật Giáo Việt - Nam tại Âu Châu trong đó có Pháp, Đức, Hòa Lan, Bỉ, Thụy Sĩ, Áo và một vài nước lân cận khác.

Tôi hôm đó Thượng Tọa Mã Giác có mời một số anh chị em sinh viên, học sinh Phật - Tử đến chùa Phật Giáo Việt Nam dùng cơm chay đạm bạc và sau đó có bàn qua về việc chuẩn bị thành lập một đoàn Sinh Viên Phật - Tử Việt Nam ở vùng này. Buổi cơm chay thật đạm bạc, nhưng những tâm hồn non trẻ đã thành - thật vui về luận bàn để đi đến một diễm chung, như không khách sáo gì ở chốn thiên - môn.

Ngày hôm sau, sau phần lễ Phật tôi được TT Thiện An - Viện Trưởng Viện Đại Học Đông - Phương (lúc Ngài còn tại thế) nhờ trình bày về tình hình Phật Giáo Việt Nam tại Âu châu. Cũng như nơi Quốc Tế Thiên viện, tôi đã lần lượt trình bày những sinh hoạt cũng như những diễm tiên Phật sự tại đây, nhưng tiếc rằng vì thời giờ quá ít và bà con Đạo Hữu Phật Tử quá mới mẻ qua một thời kinh dài nên tôi ngưng sau 20 phút đồng hồ đã trình bày những điều đại cương muốn nói.

Trong buổi cơm ngụ tại chùa Phật Giáo Việt Nam tôi đã có cơ hội hầu chuyện được với tất cả chư tôn giáo phẩm, chư Đại Đức Tăng Ni Việt Nam tại đó và Quý Ngài có hứa rằng trong một dịp nào đó nếu hội đủ nhân duyên, chứ vị sẽ sang Âu Châu để duyệt lãm tình hình.

Độ một tuần sau đó tôi có nhờ người quen đưa sang phi trường Los Angeles để đi đến Seattle - một thành phố đầy ắp khí và là một khu kỹ nghệ như Shinagawa của Nhật Bản.

Đến Seattle vào một buổi chiều khá đẹp, sóng yên, gió lặng, nhưng lòng người bỗng dưng buồn và không một điều gì có thể làm cho lòng tôi vui được. Thành phố Seattle không đở nhộn như Washington DC, không nóng bức như ở Miami, cũng chẳng phải buồn tẻ như Gainesville, Shreveport. Lại cũng không phải hiền hòa như Houston, ồn ào như Los Angeles hay đẹp dịu hiền dễ mến như San Francisco. Nó có cái đẹp hồn nhiên của nó. Thành phố mang một nỗi buồn thâm cung khó tả. Đứng trên đồi cao nhìn xuống như tự thấy mình đang đứng trên một diễm tốt cùng của vũ trụ, lặng lẽ, cao thâm....

(còn tiếp)

Trong cơn lốc đỏ



(Kỳ 4)

Nguyễn Hồng Kỳ

PHẦN I: Tàn binh lửa

Chương 2: Thủ đô vòng đai đỏ.

Trong nhà cả một đại gia đình đang theo dõi buổi phát của đài truyền hình Sài Gòn. Mỗi người tập trung theo dõi sự diễn tiến buổi chuyên giao quyền tổng thống cho ông Minh. Ông Hương hiện ra như một nhà giáo già, nua, cổ kính và đạo đức nhưng bất lực, chỉ còn vớt vát mấy lời cuối như nhận nhủ với đôi phượng, đang góm sắn và chờ đợi cơ hội, ập vào cướp chánh quyền. Ba mươi năm chỉ có một ngày!

Đến giờ phút này người ta hy vọng về vàn được người công sản bằng con đường thương thuyết. Thế và lực mạnh nhất đang trong tay họ.

"Một trang sử đã lật qua". Nhưng Đại Tướng Dương văn Minh sẽ viết được trang sử mới như cứu tổng thống Trần Văn Hương mong muốn?... khước từ giải pháp quân sự" và "chúng ta đã chọn lối con đường hòa giải, hòa hợp và cuối cùng là con đường hòa bình". Thật sự không biết ông Minh có hoan hỷ, đứng ra gánh vác một trọng trách lịch sử trong tình thế nghiêm trọng hiện tại? Mặc dù vậy ông vẫn hứa sẽ thành lập một chánh phủ hòa giải quốc gia và tin tưởng mãnh liệt rằng chánh phủ ông sẽ có thể thương thuyết với chánh phủ lâm thời của Mặt Trận GPMN. Đồng thời, ông cũng kêu gọi quân đội bao vệ phần đất còn lại, bảo vệ hòa bình. Sau khi lệnh ngừng bắn được thi hành phải tuân theo tuyệt đối, bao vệ an ninh và tài sản nhân dân, không bỏ hàng ngũ vô khi, và trong bất kỳ hoàn cảnh nào cũng phải tuân lệnh đã ban hành. Mọi hành động

vô kỷ luật sẽ tức khắc bị nghiêm trị.

Đối với những "ngủi anh em phía bên kia", ông Minh biểu lộ mình thật tâm mong muốn sự hòa giải. "Chúng ta phải cùng nhau ngồi chung lại một bàn để tìm ra một giải pháp hữu ích cho quốc gia và dân tộc. Để chấm dứt mau chóng sự đau khổ của nhân dân và binh sĩ, tôi đề nghị chúng ta chấm dứt ngay các cuộc tấn công nhau. Tôi hy vọng..."

Ông Minh lên tiếng và hy vọng những người anh em phía bên kia chấp nhận đề nghị của ông ta, và cuộc thương nghị sẽ bắt đầu ngay sau khi thành lập chánh phủ.

Khoảng hơn 6 giờ chiều những phản lực cơ quăng trên thành phố. Sau đó người ta nghe liên tiếp những loạt nổ vang rền của đạn rốc két. Mấy phút sau nữa những tiếng nổ làm chuyển động các cửa kiếng. Đó là tiếng bom nghe được không xa.

Giới nghiêm bắt đầu từ 20 giờ đến 7 giờ sáng.

Ban chiều không thể sang Vĩnh Hội được. Ngô nhắc vợ điện thoại cho bà dì.

Điện thoại đầu giây bên kia reo mãi mà không có ai trả lời.

- Đi đâu vắng hết anh ơi!
- đợi một lát gọi lại xem.

Bên ngoài phòng có tiếng khách. Không ai xa lạ, chủ tâm Kiên, một người bạn cùng quê với gia đình bên vợ Ngô, đã lâu lắm không gặp. Tiếng cười đùa, vốn vã, hân huyên vui vẻ. Chúng vài phút sau, ông khách được dẫn vào

phòng trong và giới thiệu Ngô cho ông ta người mà anh chưa từng quen biết:

- Đây là Ngô, chồng của Ngọc Loan, chú vợ tôi, còn đây là chú tâm Kiên.

- Châu kính chào chú.

- Sao châu cô tuy đồ gì không? Tình hình này bất ổn, thế nào cộng sản cũng vô Sài Gòn.

Chú Kiên dáng người mập mạp, khỏe, khoảng trên năm mươi, thiếu tá biết phải an ninh tòa Đô Chánh Sài Gòn. Ông ta không có tuy đồ thì còn ai có nữa.

- Châu, thuộc đơn vị không tác chiến, không am hiểu tình hình chính trị... nên chúng ta không có tin tức gì, Ngô đáp.

- Phải đi! Ở đây là chết, chú Kiên nói.

- Mấy nói giỡn hời, chú vợ Ngô lên tiếng.

- Hồi trước hay đùa chớ bây giờ tao nói thật à. Các tin tình báo cho biết hiện giờ đã có những đơn vị nhỏ nằm trong này rồi. Chắc không bao lâu...

- Tao nghĩ tại Mỹ nó đâu có để cho cộng sản vào dễ dàng như vậy, chú vợ Ngô nói.

- Chánh sách Mỹ đã thay đổi rồi chú không thấy sao? Ngô xen vào. Pnom Penh Mỹ bỏ rơi, quốc hội Hoa Kỳ biểu quyết chấp nhận đi tán trên một trăm ngàn người Việt, thì đổi với Việt Nam lâu nay làm cho họ bất lợi...

Câu chuyện được bàn thảo nhưng không đi đến đâu. Chú tâm Kiên đêm nay đến đây với niềm hy vọng được tin tức đi tán. Tâm trạng chú hoang mang.

- Ông Đồ Trưởng Đồ Kiên Nhiều với gia đình đã đông rồi. Mấy cô ở thì ở một mình đi. Thế nào tao cũng đi, tao mà ở' nó vô nó leo tao từng miếng thịt cũng chết!

Chú tâm Kiên nủ đùa nủ thật, nhưng có điều chắc chắn thế nào chú cũng tìm cách ra đi. Chú nói tiếp:

- Hồi chiều mấy chiếc máy bay nó bắn rốc két xuống dinh Độc Lập. Tân Sơn Nhứt bị dội bom. Phi trường không thể sử dụng. Bây giờ người ta kẹt ngoài đó giữ lăm.

Ngừng một chút, chú tâm Kiên nói tiếp:

- Đêm nay, Mỹ nó hành quân để đi tán những người cuối cho đến tối mai chấm dứt.

Biên Hòa đã bị chiếm. Có nhiều đám cháy ở phi trường Tân Sơn Nhứt. Trước đây và hôm

Tân Sơn Nhứt là nơi tập trung người đi tán có danh sách lên phi cơ. Họ ăn đêm nằm ở đây vì sợ mất chỗ, ai cũng nghĩ đến mình để thoát thân, người khác thế nào mặc lòng. Mất trật tự, vệ sinh, ăn uống thất thường, trong sự chờ đợi. Không biết bao đau khổ và tủi nhục của cánh người bỏ nước ra đi. Người ta đi tiêu nghẹt cả cầu và nước tiểu tiêu xông lên chịu không nổi. Có một bà trong đám đông ấy, thuê người chở mình bằng xe gắn máy tư, phi trường về nhà để tắm gội, đã phải trả mười ngàn đồng chuyển "khử hôi" trong vòng một tiếng đồng hồ! Những câu chuyện như thế không thiếu gì.

x

x x

Ngày thứ ba 29-4-1975.

Giới nghiêm 24/24.

Tuy nói là giới nghiêm nhưng dân chúng bất chấp. Và lại giờ phút này đường phố không còn lính nữa. Quả thật, bởi vì đó là một tình trạng vô chính phủ. Ngoài đường xe vẫn chạy, người vẫn đi. Không còn thấy bóng cảnh sát giữ an ninh trật tự công cộng. Bất đâu có những tin đồn đại về sự tiến quân của phía bên kia. Người ta đã thấy có mất những đơn vị pháo binh của cộng sản bên ngoài ngưỡng cửa thành phố. Theo tin các đài phát thanh ngoại quốc thì có thể xảy ra một cuộc đụng độ ác liệt và Sài Gòn sẽ sụp đổ trong máu lửa. Những đơn vị của đội phòng dã bên ngoài có thể lên đến hơn 10 sư đoàn! kẻ cả tăng và pháo.

Sáng nay phi trường Tân Sơn Nhứt lại bị pháo kích nữa. Kết quả cho thấy những cột khói đen ngòm.

Hiện trong thành phố không có một đơn vị nào ngoài những đơn vị dù nhỏ.

Người ta khuôn vác, khiêng, chớ bằng xe ba bánh, xích lô, xe đạp những đồ đạc để đi tán ra khỏi thành phố, xen lẫn những đám người đi vô vết dõ đặc như bản ghê, tù, giường, máy thu thanh, truyền hình, tủ lạnh máy điều hòa không khí, quạt máy trong những biết thú, căn nhà vô chủ, các cơ quan Mỹ đã bỏ trống...

Không khí đã bắt đầu ngột ngạt. Sài - Gòn

hiện ra một vẻ mặt ác quỷ. Nhưng cái gì đã khiến người ta buồn chán, kinh tởm? Sài Gòn hôm nay không còn cái danh tiếng "hòn ngọc viễn đông". Cái gì sẽ xảy ra sau khi người Mỹ cuối cùng rút khỏi Việt Nam? Từ giờ đến một tháng nay dư luận thế giới đã không ngớt bàn ra tán vào. Không có ngày nào hai đài BBC và VOA không có tin liên - quan đến Việt Nam. Những tin tức phát đi ấy thường gây bất lợi cho phía VNCH. Do đó tinh thần quân đội và nhân dân cũng bị ảnh hưởng.

Một quang cảnh nhỏ trong thành phố, nằm trên góc đường Hiền Vương-Trường Minh - Giảng, toa lạc cơ xưởng sửa chữa xe cộ của Mỹ, công nhân đang ra phía đường Trường Minh Giảng. Thỉnh thoảng từng tốp năm, bảy người, từ đâu đi chuyên đến vào trong ấy. Xung quanh được rào bằng bốn thành tường cao. Khuôn viên cơ xưởng ấy rộng chừng nửa trên một ngàn thước vuông. Đã có hàng trăm người vào bên trong, cho đến một lúc cổng ngoài khép lại. Như vậy đây là một tốp trong những điểm hẹn để bắt người đi tản do trục thăng Mỹ đem trách.

Trên trời, những phân lực cơ Hoa Kỳ bay thật cao, màu sáng chói, gây ra những âm thanh nào đó hòa cùng những trục thăng sà thấp trên thành phố. Đây đó có những tiếng nổ của bom, rốc kết và đạn pháo binh. Thỉnh thoảng có những tràng tiểu liên nổ dồn. Mỹ đang hành quân đi tản. Bằng mọi cách, họ phải kết thúc cuộc chuyên người trước giữa khuya hôm nay. Liệu đối phương có dám tấn công họ không? Không nghe một tiếng máy bay nào của Mỹ cho đến giờ phút này bị đạn của cộng sản. Mặc dầu súng ống phòng không của bộ đội cộng sản có thể làm việc đó, kẻ cá hóa tiên.

17 giờ chiều.

Ngoài đường xe vẫn chạy, người vẫn đi. Trong ngõ hẻm có tiếng người ồn ào. Vợ Ngô lấy làm lạ, báo chồng:

- Nghe có tiếng động người, họ vào trong này làm gì, mình ra coi cái gì vậy?

Hai người mở cổng đứng trước ngõ suốt ra hẻm từ ngoài đường Hiền Vương rẽ vào, thiên hạ từng tốp năm bảy người xa lạ đến đứng lại ở một ngã ba trong hẻm cách cổng nhà chừng hai mươi thước. Tại góc ngã ba

hẻm ấy chính là một góc của bức tường - thành cơ xưởng sửa chữa xe cộ của Mỹ. Ở đây là khu vực vắng vẻ và yên tĩnh, có cây cối mát mẻ, những ngôi biệt thự, biệt thự song lập và nhà riêng lẻ có tiếng là an ninh.

- Họ đi đâu vậy?

- Đi tản.

- Đúng như cô người Trung Hoa nữa?

- Đó là những người giúp việc cho Mỹ hoặc cơ sở này, cơ sở khác, họ tập trung vào cơ xưởng. Phía trước của đồng không cho vào, nên họ vòng phía này, Ngô giải thích cho vợ.

Đàn ông, đàn bà, ông già bà cả, trẻ con, ăn mặc không có gì sang trọng, tay xách, vai mang, bông bẻ trông thật thảm não. Về mặt cắt không chút máu, lo sợ, hốt hải. Họ vẫn xin người đứng gác trên một tháp canh ở cuối góc tường để cho họ được leo vào bên trong bằng ngõ này.

Hai bên dân cơ thường lương. Người đứng trên tháp canh nói xuống, những người ở dưới tranh nhau nói vọng lên, nài nỉ, cầu cạnh và cả cách dứt lốt tiền bạc.

Cuối cùng khoảng 18 giờ, cuộc diễu hành ôn hòa. Bắt đầu người không kễnh nhau đi leo lên vì tường cao. Người lên được đến tháp canh tìm cách thông dây xuống để người khác tiếp tục.

Có những chiếc xe nhà, xe tắc xi chuyên người đến nữa; có người ăn mặc xộc xệch, hấp tấp, hốt hoảng sợ không vào bên trong được.

Thấy sự leo trèo khó khăn của đám người đi tản kia, một em bé trai trạc mười lăm tuổi, con của một ông chủ hãng phim, chạy vô sân nhà nó, đối diện với bức tường kia lấy ra chiếc thang cây giúp cho họ. Ai cũng mừng rỡ. Thế là lần lượt hết người này đến người nọ. Vợ Ngô chạy nước mắt khi nhìn thấy cảnh một bà mẹ trẻ với tay trao con mình lên, đứa bé còn đó lồi, đứng như được sanh ra chẳng bao lâu, để người khác từ trên chuyên tiếp lên nữa cho một người trên cao hơn. Lỡ mà té thì cô nước chết! Cậu bé tủi vui trong hành động trợ giúp người.

Mặc dù đã dùng chiếc thang hỗ trợ kia, những vẫn chưa đáp ứng nhu cầu đám đông.

Cuối cùng đi đến quyết định trở một lờ ở hồng tường để vào cho kịp lúc. Trời cũng bắt đầu nhả nhem.

Ngoài đầu hèm, trên đường Hiến Vương, một đơn vị dù đang di chuyển bộ, vừa đi vừa chạy, trang bị đầy đủ vũ khí, hướng về phía Chợ Lớn. Như sắp có đánh nhau trong thành phố.

Cho đến khi trời tối hẳn thì công cụ đi tán càng nổi bật qua những âm thanh của hàng trăm chiếc trục thăng dù loại nghe rên trời. Mỗi chiếc đều có đèn rơi chiếu thật sáng xuống bên dưới như đèn xác định rõ vị trí hèm. Bên dưới từ một điểm tập trung thỉnh thoảng một trái sáng báo hiệu được phóng lên, hoặc băng đèn pha.

Trong hèm, vắng lặng, có lẽ không còn ai đến điểm tập trung ấy nữa. Lờ trông ở bức tường khoét ban chiếu đã được bịt kín lại. Không có ai canh trên tháp. Không rõ có bao nhiêu gia đình bị nạn bên trong có xuống. Dù thế nào họ cũng đã vùng tâm.

Tin tức nhận được cho biết rất nhiều đơn vị hải quân, không quân đã dùng tàu và phi cơ mang theo gia đình và thân nhân rời khỏi nước. Nhưng phi cơ đáp xuống ham đội VII xong thì xô xuống biển ngay để dành chỗ trống cho những chiếc khác. Những chiếc phân lúc F5 có thể bay xa và đáp xuống phi trường Utapao của Thái Lan trên bảy mươi chiếc và hàng trăm gia đình của người lái. Mạnh ai nấy xử dụng phương tiện sẵn có để đào thoát. Một chiếc trục thăng chở khách quá nhiều, trong lúc khẩn cấp cất cánh, mất thăng bằng bị rơi trên một đường phố trong Chợ Lớn. Những thảm cảnh cứ tiếp diễn.

Trên trời mây bay trục thăng hoạt động không ngừng. Đèn pha và trái sáng báo hiệu vẫn tiếp tục thay nhau chớp nhòang.

Tối nay đài phát thanh giải phóng kêu gọi toàn tính Gia Định quay về với họ. Vẫn cái âm thanh quen thuộc của cô xuống ngôn ngữ cái giọng nghe rộn người, cao vút, như tiếng cú vọ. Mỗi hôm nào đây, sau một hai đêm lên giọng kêu hàng như thế, các tỉnh xa ở phía Bắc như Ninh Thuận, Bình Thuận, Bình Tuy, Phước Tuy rồi Biên Hòa lần lượt vào tay quân Bắc Việt. Vòng đai đỏ giờ đây đã khép kín tính Gia Định mà thủ đô Sài Gòn là mục đích cuối cùng của cuộc tấn công họ mở ra

từ năm mười bốn ngày qua.

Nghe tiếng kêu gọi của trung tướng Vĩnh Lộc trên đài phát thanh Sài Gòn, tất cả quân nhân vắng mặt bất hợp pháp hãy tức khắc trình diện trong vòng hai mươi bốn tiếng đồng hồ tại biệt khu Thủ Đức. Chiếu theo quân luật, tôi đảo ngũ trong thời chiến: từ hình. Lời kêu gọi được phát đi phát lại nghe cũng sốt ruột, rồi hoang mang xao xuyên. Ngồi tư nghĩ mình phải hành động như thế nào. Trình diện hay không trình diện? Trung tướng Vĩnh Lộc tự nhận lấy trách nhiệm Tổng tham mưu trưởng. Còn những nhân vật khác đâu? Ai chỉ định ông ta trong chức vụ mới? Chẳng làm sao biết được. Một ngày qua là một biến chuyển mới

Đêm nay người Sài Gòn tự quyết định lấy vận mạng mình. Ai cũng tư xoay xử lý. Người Mỹ và một số lớn người Việt đang sẵn sàng lên phi cơ trong những giờ còn lại. Sài Gòn đang trong cơn sốt lịch sử. Bên ngoài thành phố cũng như bên trong thành phố quân cộng sản đang chờ cái bầy sập.

(còn tiếp)

Tại Chùa Viên Giác có phát hành một số Kinh sách do Phật Học Viện Quốc Tế tại Mỹ xuất bản. Vậy Quý Vị Phật Tử nào muốn thỉnh những kinh sách sau đây. Xin vui lòng liên lạc về chùa:
Kinh Bát Đại Nhân Giác, Kinh Thủy Sám, Sáu cửa Thiệu Thất, Kinh Đại Bát Niết-Bàn trọn bộ I, II, Thoát vòng tục lụy, Văn đề nhận thức trong duy thức học, Nghi thức tụng niệm, Tình người, Ánh Đạo Vàng, Câu chuyện Giòng sông, Kinh Duy Ma Cát, Phật Pháp, Phật Học Phổ - Thông khóa V, VI, VII, Tâm Kinh, Tổ Thiên Tông, Cốt Tủy Phật Giáo, Thiên Căn Bản, Lịch - Sử Gia Đình Phật Tử Việt Nam, Lịch - Sử tranh đấu Phật Giáo Việt Nam..... và một số những sách vở quý giá khác. Ngoài ra chùa cũng cho thỉnh những băng kinh cầu an, cầu siêu, sám hối, Phật Đản Vu Lan... Nếu Quý Vị Phật Tử nào muốn thỉnh những pháp bảo trên, xin biên thư cho biết rõ muốn thỉnh những loại nào chùa sẽ gửi đến Quý Vị.

Thích Báo Lạc

Suốt mấy hôm liền trời ĐÔNG-KINH trở lạnh đến độ tàn nhẫn, có một hôm tôi phải mặc đến 5 lớp áo nhưng vẫn cảm thấy chưa thấm đủ vào đâu, so với cái lạnh cắt da của tiết trời cuối đông Nhật Bản. Đôi khi hai tay bị tê công lúc cô dịp, ta phải ra ngoài nên trông như cô về thủ thái lúng túng, mặc dù vẫn biết tay chân là bộ phận quan trọng của cơ thể.

Sứ quán Úc tại TOKYO bảo cho hay bạn đã ng điện thoại là tôi đã có VISA. Khi chưa nhận được giấy tờ gì, tôi đã nhiều lần hối thúc họ sớm dứt kết hồ sơ cho trường hợp hy hữu xin nhập cảnh vào Úc của tôi bằng nhiều cú phone không mấy được hài lòng, vì hồ sơ tôi đã được chính phủ trung ương chấp thuận từ ba tháng trước. Mặc dù vậy, khi hay tin đã có giấy tờ chính thức, tôi không cảm thấy sung sướng mà lại dăm ra lo bởi nhiều duyên cớ. Vì trước đó không lâu tôi còn nhận được một tờ điện tín thân tộc của một người không tên đánh đi từ Cabramatta, lưu ý tôi về việc khi tới Úc. Đó không phải là những lời hăm dọa cản ngăn, con đường tôi đang đi mà là những búa vây dõ dẫm, nói về những gì đã xảy ra tại Úc châu, nhất là tại vùng Sydney, thuộc về các tổ chức, hội đoàn Phật Giáo, làm tôi dăm ngại, đến độ phải dè dặt. Trong vòng một tháng sau, tôi cũng có nhận được một lá thư thật thâm tình của một người quen cũ (xin tạ m dấu tên) cùng với thái độ e dè, úp mở, anh ấy viết cho tôi rất nhiều về những sự việc mà tôi tạm gọi là không mấy tốt đẹp của một vài hội đoàn Phật Giáo. Cho tới giờ này khi đã đặt chân tới xứ Úc tôi mới nhận ra là anh bạn vì ở quá xa Sydney, nên chưa nắm rõ được hết mọi diễn tiến của vấn đề cho thật trọn vẹn. Nhưng khi vừa tới nơi, tôi cũng đã có việc phức tạp anh ấy ở tận Melbourne để đa tạ lòng tốt mà anh đã ưu ái nghĩ tới tôi nên mới

dành cho tôi một số các dự kiện làm hành trang nhập cuộc.

Vừa lấy xong VISA, tôi phải lo một chỗ ngồi trên phi cơ cho chuyến đi mạo hiểm sắp tới, mặc dù vé đã có sẵn trong tay từ hơn hai tháng trước. Khi tới quầy vé của hãng Philippine air lines ở phố Yuraku-cho (Tokyo) ghi tên giữ chỗ, tôi mới cảm thấy tấm vé của mình như dài thêm ngày tháng hơn ra. Họ buộc tôi phải chờ ngót 4 tuần lễ, và chỉ được quyền ghi tên hồ để chờ xem có hành khách nào thiếu may mắn vào giờ chót hủy bỏ chuyến bay như trường hợp bị đau ốm, tai nạn chẳng hạn, để tôi mới có thể chen vào thế chỗ được. Thời dành ghi tên đại chờ ngày sang Úc của tôi là 15/2 vậy, hôm đó là ngày 21/1.

Những ngày sau đó, nhiều việc lo ngại, trong tôi cứ nảy sinh. Tôi phone thẳng lại cho bốn bộ, tức văn phòng chính của hãng máy bay ở Nagata- chỗ để xác định lại một lần nữa là tôi đã có ghi tên tại chi nhánh rồi, để may ra hối thúc họ xếp đặt một chỗ ngồi cho tôi cho ổn thỏa. Thật tình, tôi nóng lòng muốn biết chắc ngày đi của tôi để giả tửu mấy người quen thân, cũng như để báo tin cho bên đây hay để một số quý đạo hữu tiên bề hưởng dẫn. Vì đối với tôi, Úc châu là một xứ mà mọi việc hãy còn xằng lạ, ngổ ngàng! Tôi nghĩ tướng tại văn phòng của hãng máy bay có đủ thâm quyền để tin tưởng được, nên giờ họ vẫn lập luận y hệt như những điều đã có mà tôi không muốn nghe thêm nữa. Họ còn thêm: Xin ông gắng chờ, chúng tôi sẽ dành ưu tiên số 1 cho ông, khi nào trống 1 chỗ, chúng tôi sẽ phone tới báo tin ông hay ngay. Tôi trả lời rằng, tôi tin tưởng vào lời văn thường miệng của quý ông là sự thật. Một tuần sau, tôi phone lại văn phòng hãng một lần nữa. Họ cho hay là họ cũng muốn có một chỗ để

tôi đi cho rảnh nợ, nhưng hiện lúc đó việc sắp xếp một chỗ ngồi như thế hình như vượt ngoài khả năng của họ. Thật buồn 5 phút, tôi sắp đặt kế hoạch, thời giờ cần và không thêm muốn nói chuyện với mấy ông air men chính hiệu nữa. Tôi trở lại hoàn hoà với chỉ nhánh, nơi tôi đã có dịp tiếp xúc lúc đầu. Nhìn vào tấm vé cô ghi dấu chữ thập thưởng hại của tôi cô thư ký bầm loạn xạ ngẫu máy tính h computer vừa cười vừa bảo tôi là OK. Tôi đâm ngại, bèn hỏi lại một lần nữa cho chắc chắn, là cô không đùa đây chứ! Cô ân cần chỉ cho tôi từ nút chấm đỏ đã có người giữ chỗ và phần còn thừa ramột khoảnh trống trắng dành cho ông khách bảo khở chính là tôi. Cô cũng lại đómột chướng nhà nghề ra để đáp lễ tôi bả n g một đôn đầu điện là chắc ông hài lòng g rồi chứ! Tôi lạnh nồm chướng tiếp b ằng một đôn tâm lý nhẹ can rằng tiền tôi đã bỏ ra, tôi muốn được 1 cái quyển t ờ i thiếu như ý. Theo như trên tâm vécô ghi sẵn hàng chữ đó là khi nào quýkháchmuốn đi, xin ghi tên giữ chỗ trước 72 tiếng đồng hồ. Thế thì tại sao quý vị h à n h hạ tôi quá. Cô ta coi bộ áp dụng t hứ ngôn ngữ nhà nghề không khá đối với một ông khách chậm hiểu, cô bèn hạ giọng : " I am sorry". Tôi bèn cảm ơn cô ta v à trở về trong niềm vui nho nhỏ. Từ đở mới yên trí là mình đã biết chắc chắn ngày giờ lên đường để còn lo xếp, gói h à nh trang cho một chuyến đi không hen n gày trở lại.

Trong mấy ngày cận kề, bao nhiêu việccứ dồn dập đổ về làm tôi suýt ốm và sút giảm mất mấy kí lô. Gia tài sự nghiệp củatôi chẳng có là bao nhiêu, ngoài sách vở, tôi không còn bất cứ một món đồ quý giá nào khác. Sách đối với tôi là một t h ứ gia bảo vô giá nên luôn luôn tôn trọng giữ gìn. Một số bạn bè biết ý nên khi muốn tặng tôi đồ, thay vì mua thú nọ vật kia kênh càng vô ích, lại biếu tôi vài cuốn sách nghiên cứu, tôi tỏ ra rất hài lòng. Đồ đạc vào thùng xong, tôi c ò n phải ý ạch khuyển ra bưu điện để gói. Mỗi thùng cũng phải bị giới hạn do qui định của luật lệ giao lưu quốc tế. Có một vài lần, vì muốn nhét thêm một vài cuốn sách nhỏ vào thùng rồi khệ nệ mang tới b ứ u điện để còn phải cân lại, họ buộc phải tháo ra, coi bộ rất vất vả tốn công . Tưởng những lần như vậy đã tự sáng m ắt ra, nhưng nào đâu tránh khỏi qua cứ' chỉ

nhún vai, trề môi của mấy ông nhân viên bưu điện trong một vài lần sau đó, k h i bất gặp mấy thùng đồ vượt quá luật họ buộc tôi phải mở gói ra, gói lại m à lòng họ cảm nhưthương hại xót xa. Ân nhân, thầy học, thân hữu khi hay tin tôi sắp rời xa Nhật họ phone tới t h ăm hỏi thật thâm tình và mời dự nhiều buổi tiệc chia tay rất cảm động, qua nhữ n g lời nhắn gói đùng nghĩa VIỆT-NHẬT đêhuê Thượng toa KIJYO NISHIMURA, ông thấy báo đảm của tôi, dặn dò chỉ thiết. Ông bả o rằng, thay vì trở lại Việt Nam, ông lại đi sang một chân trời xa lạ khác, nghịch chiều với Nhật Bản. Thế thì khi nào tr ờ i lại thăm chơi. Tôi ghen ngào đến r ờ i nước mắt và trả lời thầy như đũa làchúng nào có đủ tiền tôi sẽ ghé thăm xứ A n h Đào, thỏ mộng, cũng như để thăm thầyluôn thế; lúc đó chắc thầy già lắm! Thầy như không được mấy hải lòng với câu nói hư hư thực thực của tôi. Sau cùng thầy chỉ dẫn tôi cố gắng giữ gìn sức khỏe là điều trên hết. Tôi hứa là xin thầycứ yên tâm, vì từ khi tôi đặt chân tới Nhật cho tới ngày rời khỏi là 7 năm mà chưa bị tổn tiền đi bác sĩ lần nào. Đối với khí hậu lạnh của xứ đảo mà t ờ i cũng chịu đựng được nổi thì giờ đây tôi đi sang một xứ nóng có vẻ VN như Úc đại Lối, tôi nghĩ mọi việc đối với tôi s ẽ tốt đẹp. Thầy yên tâm và tin những l ời tôi là sự thật.

Trong số các thân hữu, anh T. đã kh ố c trước mặt tôi thật sự. Theo anh, đ ối với tình gia đình, anh chưa từng t ỏ raquyền luyện nhiều, nhưng đối với tôi T. p hải mũi lòng khi nói lời tiễn biệt để đ ứ a tôi về xứ xa mà anh em thường nói đùa là "qua bên kia thế giới". Sáng 15 tháng 2 bầu trời như sấm lại khiến tôi đâm lo , nếu chẳng may tuyết rơi hay sương mù làm cản con tàu mang tên số 431 của tôi lại, là điều mà tôi không bao giờ muốn x ấ y ra, vì tôi đã báo tin cho bên đây h a y ngày giờ, chuyên bay hẳn hồi trước đ ỏ một tuần rồi. Hôm tiễn tôi ra phi trường có thấy C.T.M.T.A.T và các anh T.C.T.N. T.B.N.V.T. Chuyên bay cất cánh lúc 1 4 giờ mà tôi phải rời nhà từ 10 giờ để cho kịp, vì từ Tokyo tới phi trường Na rita phải mất gần ba tiếng đồng hồ tàu điện kể cả xe bus. Đến nơi tôi chỉ còn thừa 45 phút để cân hành lý và qua các thủ tục xuất quốc thông thường. Trái với d ự định là sẽ có một châu cả phê mạn đ à m

để cho thỏa tâm chân tình mà chủ vị đã ưu ái dành cho. Mọi người chỉ cố thì giờ ngồi nghỉ tại phòng đợi không đầy 10 phút và như chưa ai tỏ được ra câu gì thì chiếc haut-parleur oan nghiệt r êo gọi hành khách liên hồi, khiến tôi đành cắt ngang câu-chuyện để người đi chỉ kịp ngoái cổ vẫy tay chào kẻ ở lại và người ở lại như không mấy hải lòng cho một việc chia tay quá vội đến như thế! Công vào phi trường khép lại để tách biệt hẳn hai lối đi dành cho người đưa tiễn và kẻ lên đường. Tâm trạng tôi lúc đó thật khó diễn đạt được ra bằng lời. Thôi xin giả tử tất cả và chúc lành đến với mọi người. Tôi một mình khuất hút đi vào bên trong mây lớp cửa kính để còn nhìn lại phía ngoài thấy mọi người còn đang đứng ở đó đợi chờ... Qua khu cấm địa thứ nhất, tôi trình vé máy bay và họ đưa số chỗ ngồi đã ấn định sẵn. Công oan nghiệt số hai cũng sắp mở để hành khách, nếu lạ người đi biệt như tôi phải trả lại những giấy tờ cần thiết cho chính phủ Nhật. Tôi trình Visa, họ đòi thẻ ngoại kiều và passport mới chịu. Sau khi xem các giấy tờ của tôi xong, viên chức sự bộ đi trù lật lật cái thông hành của tôi, vì ông ta vốn biết giấy ấy vừa mới hết hạn hôm tháng 11 năm rồi. Ông ta bèn dợm một màn đạo đức giả và hỏi tôi: giấy của ông đã hết hạn thế này, sao chính phủ Úc cũng chấp thuận cho nhập cảnh để định trú vĩnh viễn? Tôi khởi phải dài dòng tôn thị giờ, hơn nửa người Nhật họ cũng muốn tông khứ mình đi chợ rảnh nợ, có điều thiếu thấp hướng để đưa tiễn thôi. Tôi chỉ cười và nói rằng mặc dù giấy tờ của tôi như vậy đó mà họ thuận để tôi đi mới hay. Ý tôi muốn nói là ông có tức thì đi kiện đi, nhưng theo phép xã giao sơ đẳng tôi không tiện diễn đạt được ra thành lời. Thấy tôi ăn nói khó nghe, ông ta bỏ sang màn khác, bèn đi rồi có trở lại Nhật nữa không? Tôi hạ mình xuống và chậm rãi đáp, thưa ông nếu có đủ điều kiện tôi sẽ tới thăm quý quốc, ngại gì, nhưng mà liệu lúc đó quý ông có cho tôi nhập cảnh nữa không? Ông ta dậm ralúng túng hiện ra trên nét mặt qua câu nói thật lễ độ và có hàm lưỡi câu ở bên trong. Tôi giao khoản món nợ tiễn khiên qua tay ông, là thẻ ngoại kiều mà tôi hằng canh cánh bên mình trong suốt thời gian du học. Ông cười trừ, vì biết đã thua trí một người đồng chung giống da vàng

đều từng ăn ở, học hỏi, giải trí nới àt Phù Tang văn vật qua nhiều năm tháng. Ông ta bảo được rồi, xin thành thật cảm ơn sự lao khổ của ông, trong thời gian lưu trú tại nước chúng tôi, mỗi nghe qua câu nói của cô cái cảm nghĩ tưởng chừng như thật là đạo đức làm sao! Nhưng đối với tôi, câu ấy có phần ngứa gan chút đỉnh mà không cảm thấy được hải lòng một tí nào cả. Công oan trái số 3 sắp diễn ra. Tôi đi vào một lối đi xa hun hút lạnh lùng như một tên tử tội sắp bị đem ra hành quyết. Tại đây có độ 6 người, họ buộc tôi phải bỏ tất cả hành lý xách tay ra để cho qua màn y rà. Theo tôi nghĩ, có lẽ họ tìm ra vật hiểm. Tôi chỉ nhận lại đồ ở phía bên kia cách đó 5 mét. Họ lục soát tôi đến độ thậm tệ khắp cả mình không còn sót chỗ nào.

Một viên cảnh bị bóp nhâm cái máy tính bỏ túi áo và hỏi tôi vật gì cứng cứng, tôi cho hay là môn đồ an toàn không phượng hại đến luật pháp quốc gia. Họ thấy tôi không còn chỗ nào đáng nghi nữa, bèn xin lỗi, cho đi. Từ đó vào tới thang máy bay con đường xa tít, bí mật. Tôi đi biệt biệt khuất dần có một mình, nhớ dần... Vào ngồi được an toàn trong lòng phi cơ tôi mới nghĩ rằng- chuyện đi này được thành tựu, lúc đó vừa đúng 13 giờ 45 phút. Có điều trục trặc về kỹ thuật nên chuyến bay bị trễ mất 30 phút gì ở đã dự định, tức là mãi tới 14 giờ 30 phi cơ mới cất cánh.

Máy bay chuyên động làm hành khách rộn người, Tiếng máy phồng thanh in ỏi lúu ý tới dây nịt an toàn của mọi người, rồi toàn thân phi cơ từ từ nhúc nhích. Tôi biết mình sắp nhẹ bổng lên cao, xa dầ ãn mặt đất. Độ 15 phút sau, con tàu trù trù rồi chuyển bánh, chông đầu lên cất cánh nhẹ nhóm rời khỏi phi đạo vùng lên. Thế là tôi đang giả tử xứ Nhật thân yêu! Bầu trời Tokyo như nhỏ lại, xa dần... Tôi hận mình đã bỏ lộn mấy cuốn sách vào vali đồ thừa ký phải gói theo giá cắt cổ lúc này, giờ không có gì đọc cho vui. Ngồi c ùng đây với tôi còn có 4 người Phi Luật Tân trẻ tuổi khác. Họ vừa làm xong một chuyến du lịch ngắn hạn trở về. Họ hỏi tôi đi đâu? Tôi trả lời là cuộc hành trình của tôi còn dài và sẽ đi trót tuyến đường còn lại khi tới Manila, nghĩa là tôi còn phải đổi chuyến bay để sang Sydney.

Tình Người Hải Đảo

(Đề nhớ Ismail, người bạn ở đảo nhỏ Nam -
Đông)

Sáng hôm đó mặt trời còn ngủ kỹ
Biển vẫn vây quanh rền rĩ, bập bồng,
Hải đảo xa sóng trắng phủ khắp chung.
Chúng tôi thấy đó nhưng không thể nào tới
được,

Vì thuyền đã lướt ngổi trên những hòn đá
chông chênh.

Sức chiến đấu tuy bền nhưng không thể nào
vượt nổi.

Trùng trùng vô tình!

Cả đoàn người rách rưới, ốm o

Nằm co ro trong sóng lạnh.

Nhạc sóng êm đềm đưa vào giấc ngủ mộng mị
điều hiu.

Có bàn tay ai lay gọi bằng thú tiếng tựa
chim kêu.

Khuôn mặt anh tôi chưa quen nhưng cảm
thấy thân nhiều.

Ngôn ngữ bằng tay, bằng mắt,

Bằng cả nụ cười và bằng sự bồi hồi đáng
yêu.

Tôi theo thuyền nhỏ theo anh,

Vào bờ.

Đi bộ của tình thương chân thành!

Của tình người chẳng chút giả danh.

Ta ngồi gần nhau trong nắng sớm trong lành
Nin lặng như cặp tình nhân chưa qua tuổi

hai mươi chưa một lần gian dối.

Nói thì có ích gì đâu?

Ta có thù để thương nhau.

Tôi đi tìm tự do.

Cho em cái.

Cho người ở lại.

Cho những thế hệ ngày mai.

Cho nước Việt ngàn năm mãi mãi tuổi màu.

Anh mới gọi với bàn tay mở rộng.

Với nụ cười thật tươi.

Đi tình người hải đảo xa xôi.

(Kep-Natuna-04-79)

Nguyễn Văn Sâm

Thơ

TAY MẸ

một mai lòng đất tôi về
thấy tôi xin bọc áo tề ngày xưa
cho dù chỉ đứt đường khâu
tôi nghe còn âm những mẫu nắng xuân
nhờ xưa dưới ánh trăng tàn
da môi tay ấy lệ dầm chừa chan
cạnh trường khâu áo cho con
rạng ngày sóng già khơi ngàn tôi đi
quê người chiếu nhạt tà huy
hồn tôi theo nắng bay về cổ hững
cội già một nắng hai sóng
bóng dẫu đã ngã trăng tàn sân lai
một mai lòng đất tôi về
thấy tôi xin bọc áo tề ngày xưa

- Mai vi Phúc -

KỶ NIỆM PHẬT ĐẢN 2525

Hằng năm cứ đến ngày trăng tròn tháng tư âm lịch Chi Bộ Phật Giáo Việt Nam cũng như Hội Sinh Viên và Kiêu Bào Phật - Tử Việt Nam tại Tây Đức đều cử hành Đại lễ Đản Sanh của Đức Tư Phụ Thích Ca Mâu - Ni một cách trọng thể.

Đặc biệt năm nay Chi Bộ cũng đã cử hành lễ an vị Tôn tượng Thích Ca Mâu Ni dưới sự chứng minh Đạo Sư của chư tôn giáo ở phẩm đền tư Pháp. Buổi lễ được cử hành trong bầu không khí trang nghiêm thanh tịnh.

Khác với những nơi khác trên thế giới, là chùa phải lo chỗ lưu trú cũng như chỗ ăn thức cho người tham dự lễ trong suốt 3 ngày, nên Ban Tổ Chức cũng khá vất vả, nhưng nhờ sự trợ lực của bà con Phật Tử khắp nơi, nên Đại lễ Phật Đản và lễ An Vị Phật năm nay đã thành công một cách viên mãn.

Số người tham dự Đại lễ trong suốt 3 ngày 15, 16 và 17 tháng 5 vừa rồi lên đến 1.000 người và số người trong đêm vẫn nghệ tối 16 tháng 5 khoảng 1.400 người. Số người đã tham dự Đại lễ thật đúng với điều mà Ban Tổ Chức trước đây đã dự tính. Số đi đúng được như vậy là nhờ bà con Phật Tử chúng ta năm nay đã giữ đúng nguyên tắc là ghi tên tham dự trước, và đã ghi tên đúng thời hạn. Nên mặc dầu số người tham dự đông, nhưng so với những năm trước có phần đó vất vả hơn nhiều. Một phần cũng nhờ quen tổ chức, nhưng phần lớn phải nói là nhờ sự quan tâm và trợ lực của tất cả đồng bào Phật Tử. Tinh thần ý thức trách nhiệm này thật đáng ca ngợi biết bao và mong rằng năm nào đồng bào Phật Tử chúng ta cũng luôn luôn thực hiện được như vậy.

Bất đầu chiều thứ sáu (15.5) đã có khoảng 400 người về tham dự lễ. Sau khi dùng cơm tối tại Jugendzentrum, mọi người qua chùa Viên Giác tại đường Eichelkampstr. để nghe

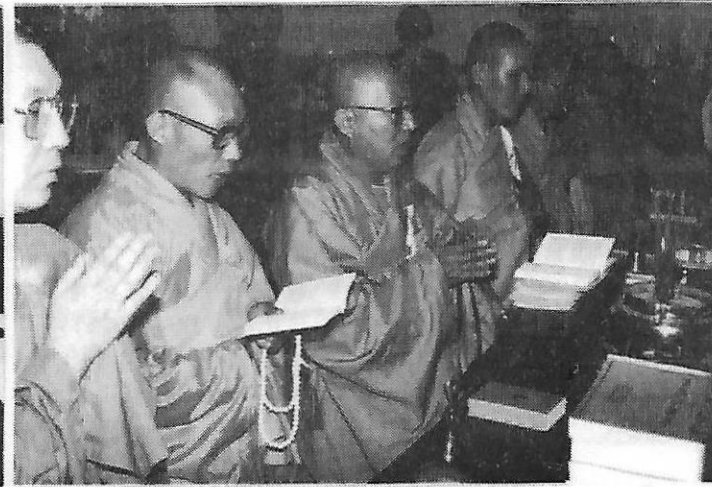
Thượng Tọa Thích Thiên Định tọa chủ chùa Pháp Hoa ở Marseille (Pháp) thuyết pháp. Ngôi chánh điện của chùa hôm ấy trở nên ấm cúng hẳn lên vì số người thỉnh pháp rất đông, nhưng chánh điện vẫn còn đủ sức để dung chứa (nếu ngôi chật có thể lên đến hơn 400 người). Nếu so với 70 ngôi chùa Việt Nam hiện có khắp nơi trên thế giới đây là ngôi chánh điện đầu tiên có diện tích rộng để dung chứa số người như vậy. Nhưng vì đây là một ngôi nhà thuê lại dưới sự trợ lực của chính phủ Tây Đức và sự hỗ trợ của đồng bào Phật Tử khắp nơi, nên hình thức bên ngoài không nguy nga, trang lệ như những ngôi chùa khác, tuy thế bên trong vẫn chứa đựng một không khí thanh tịnh, giải thoát. Đây cũng là một ngôi chùa Việt Nam đầu tiên trên thế giới được chính quyền bảo trợ, lo lắng rất chu đáo - đặc biệt trên bình diện tôn - giáo và văn hoá.

Sau buổi thuyết pháp của Thượng Tọa Thích Thiên Định một nửa số người tham dự về lại Jugendzentrum để ngủ và số còn lại thì ở chùa. Trong khi đó anh em trong ban tổ chức cũng phải về lại Jugendzentrum - họp cho đến 3 giờ sáng. Nội dung của buổi họp gồm có việc phân chia công tác cho từng ban trong ngày Đại Lễ và Hội Phật - Tử cũng đã họp và bầu lại thành phần Ban Chấp Hành cho nhiệm kỳ 81-82.

Năm nay tổ chức từ thiện Malteserhilfsdienst cũng đã giúp chúng ta thật tận tình và chu đáo, gồm có việc chuyên chở đồng bào Phật Tử, chuyên chở đồ ăn, thức uống, đồ ngủ từ chùa đến nhà hát Theater am Aegi, từ nhà hát đến Jugendzentrum và từ Jugendzentrum đến chùa. Ba chiếc xe cứu thương luôn luôn túc trực tại 3 địa điểm trên, để đề phòng tai nạn xảy ra bất thần, nhưng nhờ chư Phật độ trì nên đã không có một điều gì đáng tiếc xảy ra cả. Cho hay "Phép Phật nhiệm màu"!.

Sáng ngày hôm sau (16.5.81) khoảng 10 giờ

Hình ảnh Sinh Hoạt: Lễ An Vị Phật Chùa Viên Giác và đêm Văn Nghệ Đại Lễ Phật Đản 2525 năm tại Hannover từ 15 đến 17 tháng 5 năm 1981



đã có phái đoàn Phật Tử bên Pháp quadosự hướng dẫn của Đại Đức Thích Minh Tâm và Đạo Hữu Lê Đình Hỷ gồm có 62 người. Trong phái đoàn này có 13 người thuộc Ban Dân Ca Quốc nhạc Phương Ca dưới sự hướng dẫn của cô Phương Oanh và 18 người khác thuộc Ban Văn Nghệ của Gia Đình Phật Tử Quảng Đức, số còn lại là Quý vị Đạo Hữu và Phật Tử các chùa Việt Nam trên đất Pháp.

Mãi cho đến 12 giờ trưa thì hầu như mọi nơi đã tập trung về chùa và Jugendzentrum thật đông đủ. Nếu kể địa phương thì có thể hơn 100 nơi trên nước Đức về tham dự. Từ Bắc chí Nam, từ Đông sang Tây của nước Đức, những thành phố lớn như Hamburg, Berlin, München hay những thành phố nhỏ như Düren (Köln), Múnnerstadt (Bayern) v.v. đều có người về tham dự.

Cực nhất phái nói là Ban trai soạn. Cứ tưởng tượng rằng mỗi ngày 3 bữa ăn, uống, ngủ nghỉ 2 đêm 3 ngày như vậy cho 3.000, phân thì cũng đủ lo lắng lắm rồi, mà năm nào cũng vậy chứ không phải chỉ có năm này, mà mỗi năm không phải chỉ có một lễ, mà còn Vu Lan, Tết, Hội thảo nữa. Phải thành thật tán dương công đức của Ban Trai soạn vậy.

Sau buổi thọ trai, tất cả Ban Văn Nghệ và Ban Trang Trí đều qua Theater am Aegi để tổng dợt và trang trí. Đến 5 giờ chiều thì 2 nơi Jugendzentrum và chùa phải lo, cơm nước cho xong để xe Bus của Ustra đến đưa người sang Theater am Aegi xem văn nghệ.

Đúng 7 giờ tối, đêm văn nghệ được bắt đầu trong một khung cảnh đầy vui tươi và nhộn nhịp. Rạp hát chứa hơn 1.500 chỗ ngồi gần như chật ních và năm nay khác hơn năm ngoái là mọi người đều im phăng phắc để đón xem những tài nghệ của các Ban nhạc, ban múa, ban kịch v.v..

Tứ màn múa trống cơm của Hội Kiel đến màn Đón Tranh của Ban Dân Ca Quốc Nhạc Phương Ca do cô Phương Oanh điều khiển đã được khán giả Việt Đức tán thưởng nhiệt liệt, vỗ tay liên hồi không dứt, qua đến màn múa đèn của Ban Văn Nghệ Hội Phật Tử Tây Đức đến tứ Bá Linh và cuối cùng phần một của chương trình là Việt Võ Đạo, đã làm cho khán giả khâm phục tài nghệ của người Việt Nam không ít. Tuy nhỏ người, nhưng lồng dạ cao hơn non xanh, biển Thái...

Sau hơn 15 phút nghỉ giải lao, phần hai của đêm văn nghệ được bắt đầu bằng màn múa sập của Hội Bá Linh và màn múa nón diều dàng tha thướt của các anh chị em trong Hội Phật Tử Việt Nam tại Tây Đức.

Trải qua bao nhiêu phút đợi chờ, màn kịch với tựa đề "HOA SEN TRONG BÃO TỐ" đã được Ban Văn Nghệ của Gia Đình Phật Tử Quảng Đức thuộc chùa Khánh Anh đến từ Paristrich diễn, những nhân vật diễn xuất thật khéo léo và linh động. Xem xong vở kịch ai cũng ngậm ngùi cho tình đời, nghĩa đạo xưa nay vẫn là thế đó.

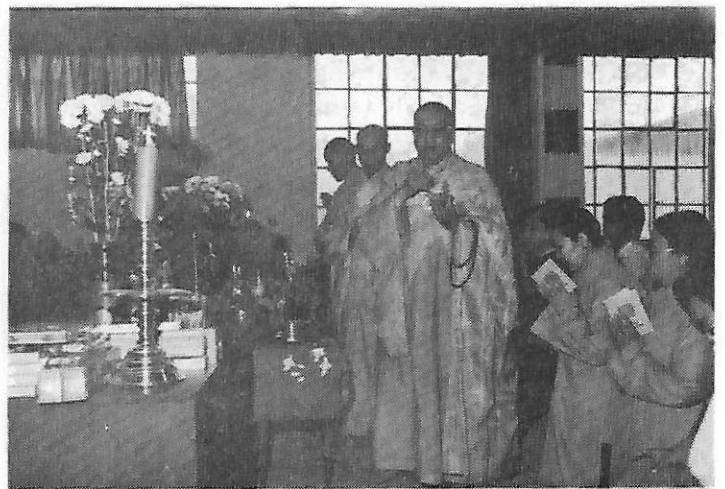
Đúng 23 giờ 30 phút đêm văn nghệ chấm dứt, mọi người ra về trong niềm hân hoan khó tả - ngủ một đêm dài để ngày mai còn làm lễ Phật Đản nữa.

Sáng hôm sau (17.5.) đúng 9 giờ, những chiếc xe Bus lớn của Ustra, của tổ chức Malteserhilftsdienst, và của cá nhân đã chở hết đông bào bên Jugendzentrum qua chùa làm lễ. Mặc dầu sáng hôm đó bầu trời không trong mây, nhưng cái lạnh cũng không đến để vậy bữa lòng người con Phật về làm lễ tại đây như mọi năm. Có lẽ đất trời cũng cảm niệm được công đức của người có lòng với Phật Pháp chăng?, nên ai này cũng to vẻ hài lòng.

Từ trong chánh điện trở ra văn phòng, rồi đến thư viện của Trung Tâm Văn Hóa, nhà khách, nhà in, nhà trú, nhà hậu liệu... nơi nào cũng người là người, đông nghẹt cả lối đi. Sáng hôm đó Ban Tổ chức cho biết đã có 900 người tham dự.

Lâu nay Phật Tử tại Tây Đức ít có dịp để chứng kiến một buổi lễ trang nghiêm và đầy đủ lễ nghi như Đại Lễ Phật Đản và lễ An Vị Phật kim thân Đức Bổn Sư như năm nay, ai này một lòng đồng chấp tay cầu nguyện...

Để bắt đầu cho buổi lễ, 3 hồi chuông trống, Bát Nhã vang rền từ trên chánh điện để cung thỉnh chư tôn Thượng Tọa, chư Đại Đức Tăng Ni lai lâm báo điện. Lễ thỉnh sư được đăng quang từ nhà khách qua Chánh Điện, hai bên Phật Tử đứng ngay ngắn, chỉnh tề chấp tay cung kính để cung thỉnh chư tôn một cách thành kính. Đi đầu là Thượng Tọa Thích Thiên Định tọa chủ chùa Pháp - Hoa tại Marseille (Pháp) kế đó là Đại Đức Thích



Minh Tâm trụ Trì chùa Khánh Anh tại Paris, tiếp theo sau là Sư Giác Minh, Chi Bộ Phó CBPGVN tại Tây Đức, kế đến là vị sư người Pháp, sau nữa là Đại Đức Chi Bộ Trưởng CB PGVN tại Tây Đức, kế đó là Đại Đức Thích Minh Thân, thư ký của CB, Thầy Thiện Tâm, thủ quỹ và sau cùng là Đại Đức Thích Minh Phú Ban Nghi Lễ của CB, chú Ni khiêm diện trong lễ này và sau đó, lễ trai tăng mới hiện diện.

Chư tôn Thượng Toạ, Đại Đức Tăng đến an tọa Phật tiên, đại diện Phật Tử Việt Nam tại Tây Đức đọc lời tác bạch cung nghinh chư tôn tu bi quang lâm đàn tràng chứng minh công đức. Sau lễ tác bạch là Đạo tử của Thượng Toạ tọa chủ chùa Pháp Hoa, sau Đạo tử là Huân tử của Đại Đức Trụ Trì chùa Khánh Anh, kế đó là vài lời của Đại Đức Trụ Trì chùa Viên Giác cùng đồng bào Phật Tử tham dự lễ.

Trước lễ dâng hương cúng dường Phật Đản là lễ lên đèn do Đại Đức Minh Tâm và Đại Đức Trụ Trì hành sự. Tiếp theo, Ban Văn Nghệ Hội Phật Tử đồng ca bài Trầm Hương Đốt một cách cung kính nhịp nhàng. Trong lúc chư Đại Đức Tăng và đồng bào Phật Tử trì niệm chú Đại Bi thì T.T. tọa chủ chùa Pháp Hoa, Đ.Đ. Trụ Trì chùa Khánh Anh và Đại Đức Trụ Trì chùa Viên Giác đi nhiễu Phật, làm lễ tẩy trần, an vị.

Tiếp theo lễ An Vị Phật là lễ Khánh Đản. Mọi người con Phật đều thành kính tụng bài kinh Khánh Đản một cách nhịp nhàng, chung một âm điệu trầm hùng, giải thoát. Sau lễ An Vị và lễ Phật Đản mọi người nghỉ độ 15 phút để Ban Hộ Trì Tam Bảo chuẩn bị làm lễ cúng dường trai tăng - một nghi lễ truyền thống của Phật Giáo, cứ mỗi lần có an cư kiết hạ hay những Đại Lễ Khánh Chúc của Thiên môn. Đại Diện Ban Hộ Trì Tam Bảo một Đạo Hưu đọc lời tác bạch dâng tỳ vật dụng lên chư T.T., Đ.Đ. Tăng Ni nhân ngày Khánh Chúc này, và chư tôn đã tứ bi hứa khă.

Đúng 13 giờ chiều có lễ Quy Y cho 12 giới tử. Thượng Toạ giới sư chủ đàn. Đại Đức Minh Tâm và Đại Đức Như Điện hộ đàn. Ngoài những giới tử ra còn có nhiều vị Phật Tử Việt-Đức cũng đã thỉnh giới nhân lễ truyền quy giới này.

Khoảng 15 giờ chiều, buổi lễ chấm dứt, mọi người lần lượt ra về trong niềm tin yêu.

bất diệt - rằng người Phật Tử Việt Nam ở đâu thì Đạo Pháp có mặt tại đó và Đạo Pháp sẽ nắm giữ một vai trò then chốt trong cuộc sống tinh thần của họ.

Tham dự buổi lễ này ngoài những Phật Tử tại Âu Châu như Pháp, Thụy Sĩ, Hòa Lan, còn có những Phật Tử đến từ rất xa như Canada và Mỹ quốc. Như vậy đủ chứng tỏ rằng ảnh hưởng của chư Phật có soi chiếu nơi đâu, thì người Phật Tử vẫn luôn quy ngưỡng về đó. Nguyên cớ tất cả chúng ta - mọi người Việt Nam sống khắp nơi trên quả địa cầu này - Phật Tử cũng như không Phật Tử luôn đoàn kết, tin yêu để đời sống tinh thần ngày càng được củng cố và ngày về lại quê hương Việt Nam không Cộng Sản sẽ có đầy đủ ý nghĩa hơn.

Nguyên cớ chư Phật gia hộ cho chúng ta luôn luôn dũng mãnh, tinh tấn để sớm đạt được chân lý Giác Ngộ, Giải Thoát và tự lợi, lợi tha này.

NAM MÔ A DI ĐÀ PHẬT

Tìm Phiên Dịch Viên:

Văn phòng luật sư tại Stuttgart cần phiên dịch viên Đức/Hoa và Hoa/Đức ngữ để đảm trách các văn kiện về kinh tế. Ứng viên xin liên lạc với:

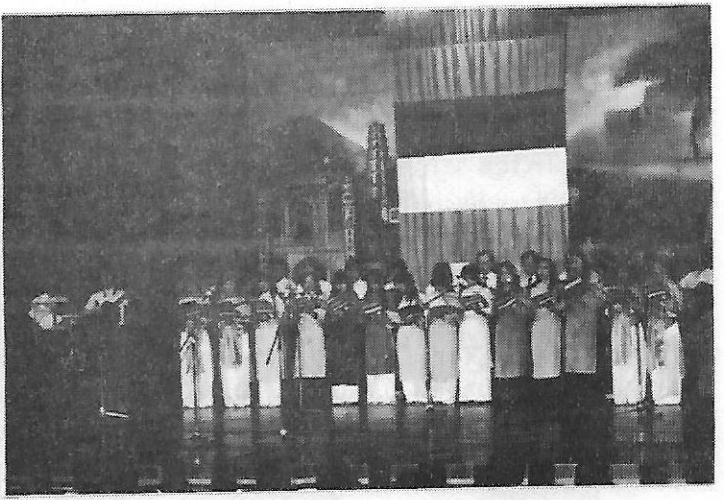
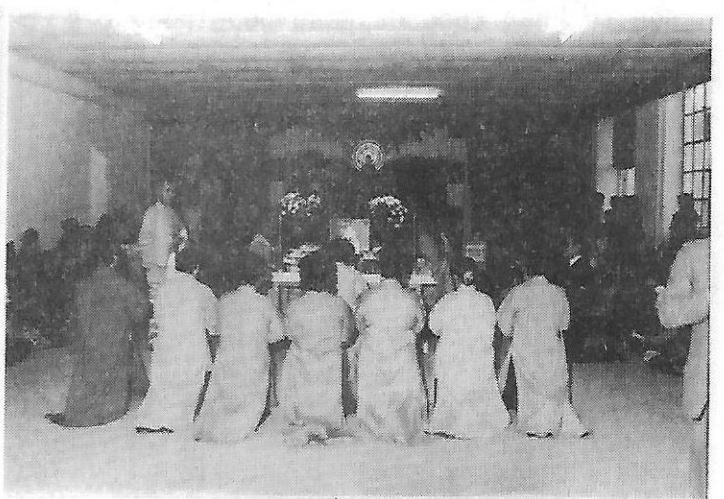
Luật Sư Dr. Norbert Hill
Gebelsbergstraße 35, 7000 Stuttgart 1
Tel. 0711/608030

Übersetzer gesucht:

Übersetzer-deutsch/chinesisch und chinesisches deutsch - von Anwaltskanzlei in Stuttgart zur Bearbeitung wirtschaftsrechtlicher Texte gesucht.

Anfragen an:
Rechtsanwalt Dr. Norbert Hill
Gebelsbergstraße 35, 7000 Stuttgart 1
Tel. 0711/608030

Handwritten text at the top of the page, possibly a title or date, which is mostly illegible.



Tin tức

Đại Lễ Phật Đản năm nay được tổ chức rất vô cùng trọng thể tại Hannover trong những ngày 15, 16 và 17 tháng 5 năm 1981 với hơn 1.000 Phật Tử khắp nơi về tham dự, ngày Đại Lễ và 1.400 Phật Tử và khán giả Đức - Việt Trong đêm văn nghệ.

Thượng Tọa Thích Thiện Định, tọa chủ chùa Pháp Hoa (Marseille - Pháp) và Đại Đức Thích Minh Tâm (trụ trì chùa Khánh Anh - Paris) đã hướng dẫn một phái đoàn gần 70 người về chùa Viên Giác chủ lễ và dự lễ An Vị Phật cũng như lễ Phật Đản.

Đặc biệt năm nay có Ban Dân Ca Quốc Nhạc Phường Ca do cô Phường Oanh hướng dẫn và Ban Văn Nghệ Gia Đình Phật Tử Quảng - Đức đến từ Pháp cũng đã đóng góp trong đêm văn nghệ Phật Đản vừa qua ngoài những đóng góp của Ban Văn Nghệ Hội Phật Tử Tây Đức.

Để tìm hiểu những sinh hoạt Phật sự tại châu Mỹ (Bắc Mỹ) cũng như để khuyến khích tinh thần đồng bào Phật Tử khắp nơi cùng tiến tu đạo nghiệp, nên Đại Đức Thích Minh Tâm và Đại Đức Thích Như Điện đã sang Canada và Mỹ vào cuối tháng 6 năm 81 cho đến đầu tháng 8 mới trở về nước. Hai Đại Đức đã đi thăm và nói chuyện với đồng bào Phật Tử những nơi sau đây:

Chùa Tam Bảo (Montréal-Canada) Thượng Tọa Thích Thiện Nghị trụ trì. Chùa Liên - Hoa (Montréal), chùa Bát Nhã (Ottawa-Canada), Chùa Phật Giáo Việt Nam (CA-Los Angeles) Thượng Tọa Thích Mãn Giác trụ trì. Phật Học Viện Quốc Tế (LA). Thượng Tọa Thích Đức Niệm Giám Đốc. Chùa A Di Đà (LA) Sư cô Chơn Niệm trụ trì. Chùa Vạn Hạnh (San Diego) Thượng Tọa Thích Trí Chơn trụ trì. Chùa Phật Giáo VN (Santaana) Đại Đức Pháp Châu trụ trì. Trung Tâm Văn Hóa Phật Giáo Huệ Quang (Santaana) Đại Đức Thích Minh Mãn trụ trì. Tịnh - Xá Minh Đẳng Quang (Westminster) Hòa Thượng Pháp Sư Thích Giác Nhiên trụ trì. Chùa Tú Quang (San Fransisco) Đại Đức Thích Tịnh Từ trụ trì. Chùa Kim Quang (Sacramento) Đại Đức Thích Thiện Trì trụ trì. Chùa Phật Quang (Houston) Thượng Tọa Thích Giác Tâm trụ trì. Liên - Hoa Tự Viện (Dallas) Thượng Tọa Thích Pháp Nhân trụ trì. Trung tâm Phật Giáo Khuông - Việt (Dallas) Pháp Sư Thích Trí Hiền Giám

viên. Niệm Phật Đương tại Austin. Chùa PGVN ở (Washington DC) Hòa Thượng Thích Tâm - Châu Viên Chủ. Chùa Nam Tuyên (VA) Đại Đức Thích Trí Tuê trụ trì. Hội Phật Giáo Việt Mỹ tại WA và chùa Trúc Lâm tại Philadelphia do Đại Đức Thích Thiện Quang trụ trì. Ngoài ra hai vị Đại Đức cũng đã đi thăm một số các Hội Đoàn người Việt cũng như những cá nhân thân hữu, những nhà văn nhà báo... tại những nơi trên và tại New York. Đặc biệt trong chuyến đi này hai vị Đại Đức cũng đã cùng Thượng Tọa Thích Đức - Niệm và Thượng Tọa Thích Thiện Nghị dự lễ và chủ lễ nhân lễ thành hôn của anh Huỳnh Phước Lộc thứ nam của bà Huỳnh Hồng Giao và cô Nguyễn Thị Ngọc Diệp trưởng nữ của ông Bà Nguyễn Văn Hoàng tại Montréal Canada.

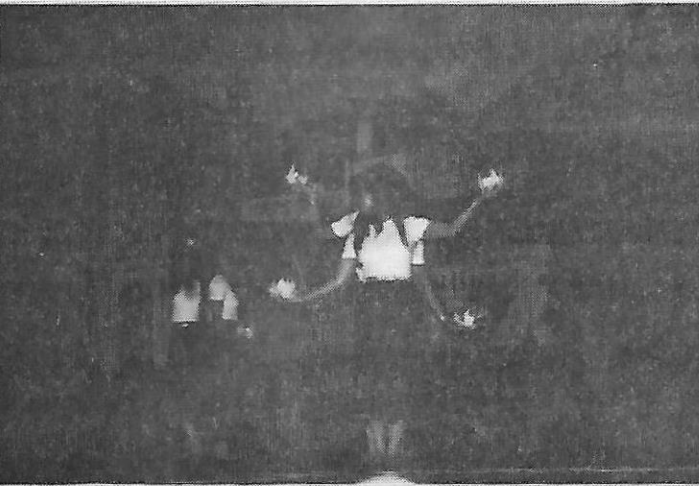
Nhìn chung Phật Giáo Việt Nam tại Mỹ và Canada trên đã phát triển mạnh. Phật Giáo Việt Nam chúng ta hiện nay có khoảng 70 ngôi chùa và Niệm Phật Đương khắp nơi trên thế giới. Tất cả đều được thành lập sau năm 1975, nhưng trong khi đó Mỹ và Canada chiếm hơn 40 ngôi chùa và Niệm Phật Đương. Xin thành thật tán thán công đức của chư Phật Tử Việt Nam tại Bắc Mỹ.

Ngày lễ Vu Lan năm nay chùa Viên Giác cũng đã tổ chức một cách trọng thể từ 14 đến 16 tháng 8 năm 81 tại chùa Viên Giác Hannover, có khoảng 350-400 người tham dự. Đêm văn nghệ với màn kịch "xin trả lại đóa Hồng thân yêu" đã làm cho những ai còn Mẹ và những ai đang mất Mẹ, cảm kích nghẹn ngào đến rơi lệ.

Buổi lễ cài hoa lên áo ngày hôm sau tại chùa Viên Giác cũng đã làm cho những Phật Tử Việt Đức khóc sụt sùi trong khi hành lễ. Thật cảm động vô cùng.

Chi Bộ Phật Giáo Việt Nam tại Tây Đức và Hội Phật Tử cũng đã vận động chiến dịch "yêu cầu chiếc tàu Cap Anamur hãy ở lại với đồng bào" đã được nhiều Hội Đoàn, nhiều Tổ Chức, nhiều cá nhân và nhiều Phật Tử đã hưởng ứng việc trên. Bằng cách gởi tiền ủng hộ cho chiếc tàu hoặc ký chủ ký để gởi lên chính quyền Đức.

Cùng với việc làm này Ủy Ban tranh đấu đòi nhân quyền tại VN của Người Việt tại CHLB Đức và Trung Tâm Độc Lập tại Stuttgart, cũng như một số Tu Sĩ, Linh Mục và cá nhân Việt Nam tại Đức đã phát động phong trào này một cách rộng rãi sôi động.



CAP ANAMUR: Hy Vọng Cuối Cùng

Đối với hơn 7.000 đồng bào tỵ nạn Việt - Nam, Cap Anamur không chỉ là 1 tên gọi mà còn là 1 niềm hy vọng lớn lao.

Hy vọng vì chính mình đã được cứu vớt trước những hiểm nguy của biển cả, và đã tìm được 1 mảnh đất Tự Do. Hy vọng ngay cả cho chính những người thân k h ô ng may còn phải ở lại dưới chế độ CS và đang tìm mọi cách vượt biển tìm Tự Do.

Từ một vài tháng nay, những cuộc vượt biển tìm tự do, trước đây vốn dĩ lành lành chuyên đi "chín phần chết, một phần sống" lại trăm ngàn lần khó hơn nữa. Ngoài hải tặc, ngoài hải quân Mã lai, Nam Dương kéo tàu tỵ nạn đã cập bờ ra khỏi lại; gần đây Thái Lan đã đóng tất cả cửa Trai Tỵ Nạn Đông dương trên đất Thái. Sự kiện này nói rõ lên thái độ cứng rắn chung của các nước trong khối Liên Phòng Đông Nam Á và chắc trong tương lai các nước khác trong vùng sẽ đi theo con đường này.

Trong khi ấy tại Tây Đức vấn đề tỵ nạn VN càng ngày càng rơi vào quên lãng, chỉ nh phủ Liên Bang các Tiểu Bang thuộc Cộng Hoà Liên Bang Đức đã có ý định không gia tăng nhận thêm số người tỵ nạn vào Tây Đức.

Tàu Flora, do cơ quan Hồng Thập Tự Tây Đức chủ trương và được nhận thăng sự tài trợ của chính quyền Liên Bang đã được sử dụng trong việc chuyên chở thực phẩm và thuốc men cho các Trại Tỵ nạn Đông Dương đã bị rút ra khỏi vùng này và hiện nay làm việc tại Phichau.

Đối với tàu Cap Anamur, 1 chiếc tàu do sự quyên giúp từ nhân đã làm việc rất hữu hiệu trong việc cứu vớt người tỵ nạn Đông Dương từ 2 năm nay, tuy không được sự giúp đỡ tài chánh trực tiếp của chính phủ nhưng đã quyên góp được hơn 12 triệu Đức Mã. Như vậy, vấn đề tài chánh hiện nay tạm thời có thể làm việc thêm đến 1/2 năm nữa. Nhưng khó khăn lớn đối với họ hiện nay là việc chính phủ Liên Bang các Tiểu Bang đã không muốn nhận thêm người tỵ nạn

Đông Dương được tàu này vớt vào cứu trợ tại Tây Đức.

Sự kiện này đi ngược lại truyền thống nhân đạo của nhân dân Tây Đức về vấn đề tỵ nạn từ sau thế chiến thứ 2 đến nay, và lời cam kết sẽ thâu nhận định cư tất cả người tỵ nạn Đông Dương do tàu Tây Đức cứu vớt" tại Hội Nghị Quốc Tế về Tỵ Nạn Đông Dương tại Genève, Thụy Sĩ ngày 20/7 1979.

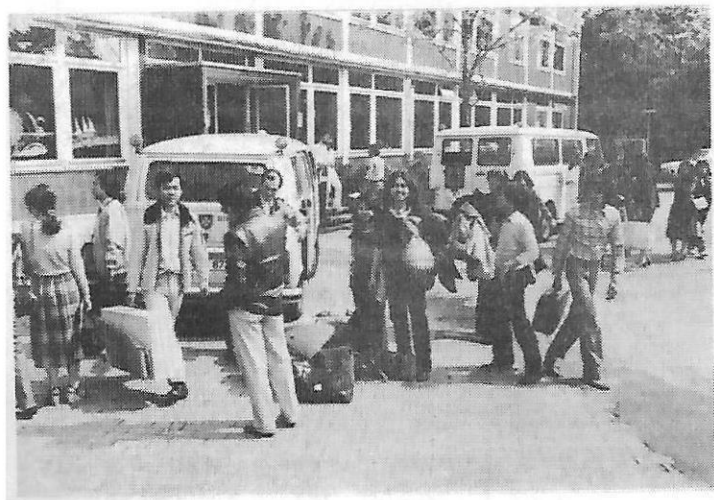
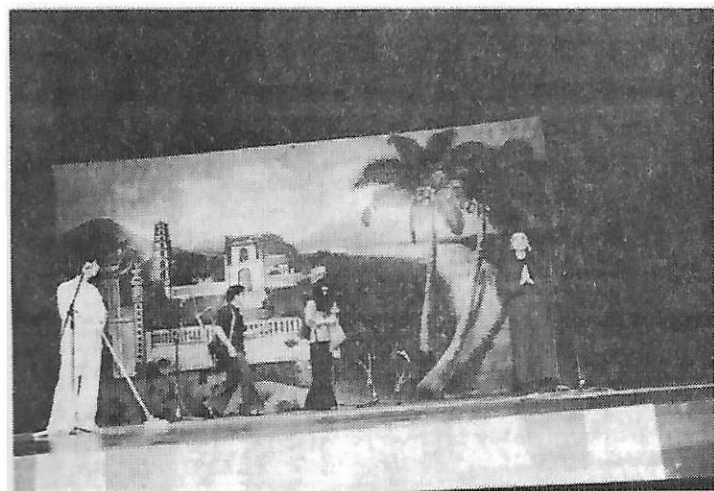
Chính vì vậy, mà trong 3 tháng qua phong trào chống lại quyết định này của chính phủ Liên Bang và yêu cầu tiếp tục bảo trợ cho tàu Cap Anamur tiếp tục hoạt động cứu vớt người tỵ nạn trong vùng biển Thái Bình Dương đã được thành lập khắp mọi nơi. Các văn hào nhân sĩ, ký giả và các tổ chức có tiếng của người Đức... như văn hào được giải Nobel văn chương Heinri ch Boll, ký giả truyền hình Frant Alt, và Hội Bác Sĩ cứu cấp ông Rupert Neudeck... hợp báo và kêu gọi cho con tàu này. Các tổ chức, hội đoàn tôn giáo, chính trị-VN tại Tây Đức như Chi Bộ Phật Giáo VN-CHLB Đức, UB tranh đấu Nhân Quyền, Trung Tâm Văn Hoá Độc Lập... cũng đã phát động nhiều phong trào yêu cầu chính phủ CHLB Đức rút lại quyết định này.

Phong trào cứu vấn đề bảo tồn tàu Cap Anamur trong 3 tháng qua đã tạo được nhiều thành tích đáng kể:

- Tàu Cap Anamur đã nhận được 3,5 triệu Đức Mã tiền quyên giúp
- Chính phủ Liên Bang đã rút lại quyết định ngày 30.6.81 và đòi quyết định cuối cùng vào sau mùa nghỉ hè.

5 Thủ Tướng trong mười Thủ Tướng các tiểu bang thuộc Cộng Hoà Liên Bang Đức là Nordrhein Westfalen, Baden-Wurtemberg, Niedersachsen, Rheinland-Pflz và Bremen đã quyết định sẽ tiếp tục nhận thêm tổng bào tỵ nạn Đông Dương vào định cư.

Nhìn lại những thành quả đã đạt được, chúng ta vui mừng nhưng chúng ta không quên nghĩ đến những người đồng hương đang b ở



vô trên biển cả đầy hiểm nguy, và tìm mọi hình thức mới mẻ để phong trào đạt được thành quả cuối cùng

Chúng tôi thiết nghĩ trong một nước dân chủ, phong trào vận động quần chúng bản xứ trong tinh thần ôn hoà, trong điều kiện luật pháp là vũ khí đấu tranh lợi hại nhất.

Chúng ta nhận thấy rõ rệt, là sự dè dặt của chính phủ Liên Bang và các Tiểu Bang rút lại quyết định ngày 30.6.81 và đã tiếp tục nhận thêm số 467 người tỵ nạn Đông-Dương vào định cư; cũng như đòi lại quyết định cuối cùng về vấn đề này; là vì đủ luận quần chúng Đức đang ở phía chúng ta.

Trong 3 năm qua, từ khi người tỵ nạn Đông Dương đầu tiên định cư tại Đức cho đến nay, chúng ta đã chứng tỏ cho người Đức thấy được chúng ta không phải đến đây để xin miếng cơm manh áo, mà là để tìm Tự Do. Chúng ta đã không bao giờ quên Quê Hương, nhưng chúng ta chỉ chọn phương pháp đấu tranh thích hợp với luật pháp, trật tự của đất nước đang cho sống nhờ ở đây.

Chính cảm tình của quần chúng Đức đối với mục tiêu đấu tranh của chúng ta là sức mạnh vô lượng, khiến cho phong trào bảo tồn sự hoạt động của tàu Cap Anamur chắc chắn sẽ đạt được mục tiêu cuối cùng. Để ủng hộ và phát động hình thức mới trong phong trào. H S V & K B P T V N T A I C H L B Đức tha thiết kêu gọi các Bác, các Anh Chị em hãy viết thư trực tiếp đến Thủ Tướng Liên Bang và Thủ Tướng các Tiểu Bang nói mình đang cử ngụ để yêu cầu tiếp tục nhận thêm người tỵ nạn Đông Dương.

Mỗi lá thư của các Bác, các Anh Chị và ngay cả các cháu sẽ là tiếng nói góp sức bảo tồn sự hoạt động của tàu Cap Anamur và cứu sống được những người thân, bạn bè của chúng ta còn lênh đênh trên biển cả hay còn ở lại trong các Trại Tỵ Nạn ở Đông Dương.

Dầu xây chín bậc phù đồ
Không bằng làm phước cứu cho một người".
Đề xứng đáng là con Phật và trong tinh thần của ca dao VN trên, mong các Bác, các Anh Chị ủng hộ triệt để phong trào bảo tồn tàu cứu vớt Cap Anamur do các tổ chức Việt hay Đức chủ trương. Ngoài ra

chúng ta nên dành dụm để đóng góp tài chánh nữa: 5, 10 Đức Mã cũng chẳng là bao nhưng "góp gió thành bão". Và những người thân của chúng ta kém may mắn đang lênh đênh trên biển cả đang chờ đợi mỗi mơn một thái độ đoàn kết, một hy sinh của những người diễm phúc đã tìm được 1 mảnh đất Tự Do để trú chân.

Sau đây là mẫu thư gửi đến Thủ Tướng Liên Bang:

Nguyễn Văn ... Kiel, den..... 1981
.....Str.

2300 Kiel

An den Herrn Bundeskanzler
Adenauer-Allee 141
5300 Bonn 1

Betr.: Indochinaflüchtlinge

Hier: Weiterarbeit des Schiffes Cap Anamur und Erhöhung der Aufnahmequote der Flüchtlinge.

Sehr geehrter Herr Bundeskanzler!

Nachdem das Schiff "Flora" aus dem Pazifischen Meer abgezogen worden ist, und Thailand die Flüchtlingslager geschlossen hat, bleibt für die "Boat People" nur das

Rettungsschiff Cap Anamur als die winzige Hoffnung, gerettet zu werden und in die Freiheit gelangen zu können.

Wir unterstützen die Aktion zur Erhaltung dieses Schiffes und bitten Sie höflich um die Erhöhung der Aufnahmequote der indochinesischen Flüchtlinge im Sinne Ihrer Garantie-Zusage der Internationalen Genfer Konferenz vom 20. Juli 1979.

Wir bedanken uns sehr herzlich und warten auf Ihre Entscheidung.

Hochachtungsvoll
(Ký tên)

BC: Mỗi gia đình có thể viết chung một lá thư với nhiều chữ ký.

Xin thành thật cảm ơn Quý Vị.

Phương danh Quê

Đạo hữu Phật tử

ùng hộ

Bất Thường

Giáo sư Phan Hoàng(Pháp)100Fr
 PT Nguyễn Thị Tư(Trossingen) 20DM, cô Vương Lệ Khanh(Gött-
 ingen)50DM, Gia đình Anh Lê -
 Huy Cát (Hannover)một tướng
 Phật Thích Ca nhỏ bằng đồng.
 Hương Linh Lôi Văn Thiệp50DM
 PT Minh Quang 100DM, Võ Danh
 150Fr., Nguyễn Văn Đồng(Frei-
 burg)30DM, ĐH Trưởng Văn Lạc
 (Seevetal)40DM. Gia đình Bà
 Huỳnh Hồng Giao(Canada)1.000
 US \$, Gia đình ông Bà Nguyễn
 Trung Trinh(Paris)1.000Fr Hoa
 Nam(Denklingen)50DM, PT Trúg
 Ngọc Thanh(Denklingen)20DM ,
 Phan Văn Tử(Bremen)20DM, PT
 Lê Đức Trung(Weingarten)50DM
 PT Phạm Quốc Việt(Reckl.) 50
 Bà Nguyễn Thị Phụng, Bà Nguyễn
 Thanh Tuy(Reckl.)40DM, Đạo Hữu
 Thanh(Paris)500Fr., Bà Di ệu
 Ngọc(Paris)100Fr., ĐH Diệu -
 Thuật(Antony-France)100Fr. ĐH
 Tôn Thị Mai(G'marienhütte)40
 DM, PT Tăng Kiên Võ(Na Uy)100
 DM, ĐH Diệu Niên(Braunschweig
 50DM, Thân mẫu Đ. Thái - Tường
 (Paris)50DM, PT Viên Kim Huy
 (Filderstadt)30DM, PT Lý Thị
 Hòa(Schweinfurt)20DM, PT Trần
 Quê Anh(Schweinfurt)20DM, PT
 Nguyễn Thị Hằng(Mayen)30 DM,
 PT Tạ Sinh(Rotenburg)35DM, PT
 Đặng Trinh Wallenstätter(Mün-
 chen)100DM, PT Phan Duy Phước
 (Hannover)50DM PT Trưởng Tân
 Lộc(Hannover)150DM, PT V ả n
 Công Trâm(Kiel)50DM ĐH Grimal-
 di(Paris)200Fr., Bà Vũ Tất -
 Niên(Paris)200Fr. Bà Chúc Huệ
 (Paris)200Fr., Bà Diệu Lan -
 (Paris)200Fr. Bà Nguyễn Thị -
 Quý(Paris)200Fr., ĐH Diệu Trí
 ĐH Quảng Tân(Paris)500Fr., ĐH
 Huỳnh Phú Nhuận(Paris) 200Fr
 ĐH Kim Phụng(Paris)100Fr. ĐH
 Diệu Tường(Paris)100Fr., ĐH
 Diệu Hoa(Paris)100Fr. Bà Pai-
 Lin(Paris)100Fr., ĐH Huỳnh -

Vân Lâm(Paris)50Fr, ĐHNguyễn
 Hữu Trí(Paris)200Fr, Bà Rea-
 delli(Paris)100Fr. ĐH Lý
 Ngọc Hoa(Paris)100Fr. ĐH
 Phạm Thị Mai Hương(Paris)-
 100Fr., ĐH Trịnh Hương An
 (Paris)100Fr, Bà Trịnh Hiệp
 Niên(Paris)100Fr, Bà Nguyễn
 Hữu Chiện(Paris)100Fr, Bà
 Leany(Paris)100Fr., Bà Phạm
 Ngọc Huyền(Paris)100Fr., Bà
 Sens Honey(Paris)100Fr. Bà
 Nguyễn Thị Lai(Paris)100Fr
 ĐH Huệ Hòa(Paris)100Fr. Bà
 Nguyễn Thị C6(Paris)100Fr.
 Bà Nguyễn Thị Vui(Paris)
 100Fr. Bà Võ Ngọc Sáng(Par-
 is)100Fr. Bà Dwsel(Paris)
 100Fr. ĐH Lê Đình Hy 1.000Fr
 ĐH Bùi Khắc Diệp(Paris)
 1.000Fr., ĐH Bùi Thị Thảo -
 (Berlin)50DM, ĐH Nguyễn Thị
 Tiếp(Berlin)20DM, ĐH Đặng
 Thị Thu(Berlin)10 DM, ông
 Dương Văn Văn(Rothenburg)
 10DM, ĐH Lâm Văn Vã(Berlin)
 20DM, ĐH Dương Gia Hoa(Ber-
 lin)20DM, ĐH Lê Thị Láng(-
 Bremenvörde)10DM, ĐH Lâm Thị
 Phụng(Brem.)10DM, ĐH Đỗ Thị
 Hòa(Brem.)10DM, PT Đàm Quang
 Khánh(Berlin)20DM, PT Thái
 Nguyệt Thuyền(Salzbergen)
 20DM, PT Lý Ba()20DM, PT Lý
 Chân Lợi()20DM, PT Trình -
 Văn Minh()20DM, PT Vương
 Quốc Ngọc()20DM, PT Lâm
 Anh()20DM, PT Phạm Muội
 ()50DM, PT Vương Kim Tùng
 (Salzbergen)40DM, PT Giang-
 Mão Thanh()20DM, ĐH Trịnh
 Văn Minh 20DM, ĐH Huỳnh Văn
 Ninh(Hamburg)50DM, Gia đình
 ĐH Nguyễn Văn Hậu(Düssel-
 dorf)50DM, PT Nguyễn v ả n
 Hinh(Kiel)40DM, PT Lý Môn -
 Lâm 40DM, ĐH Tăng Quốc Tuấn
 (Berlin)10DM, PT An T r ach
 Quê()10DM, PT Trang Lê
 Mai(Hemstedt)20DM, PT Văn -
 Mai Tường()20DM, PT Lý Hưng
 ()20DM, PT Lai Hoàng -
 Khôn()5DM, PT Lâm Hữu Tài
 ()5DM, PT Ký Kính Chi()
 20DM, PT Trần X6 20DM, PT Dươg

Sang()20DM, PT Quách Tuấn -
 ()20DM PT Liễu Mạnh()20DM,
 PT Lâm Đức()100DM PT Diệu Lê
 ()20DM, PT Tăng Bảo(Berlin)-
 20DM, PT Lý Khải An, Đặng Thị
 Thanh(Braunschweig)20DM, ĐH
 Lê Thị Mốt(Berlin)30DM, PT -
 Dương Thị Kiệt20DM. Quý Phật
 Tử Bad Iburg + Hagen 23DM, PT
 Diệu Đức, Bà Phạm Thị Tuyết -
 (Paris)200Fr., ĐH Tiểu Thị Thi
 (Erlangen)20DM, PT Tô Hai Pin
 (Celle)50DM, Gia đình ông Ngu-
 yễn Văn Lương(Düsseldorf)20M
 ĐH Dương Thị Mưng(Bremev.)20
 DM, PT Huỳnh Thị Hoa(Kiel)70M
 PT Huỳnh Tử(Bad Iburg)20DM ,
 PT Phạm Ngọc Anh 20DM, ĐH Trg
 Tông(Celle)50DM, ĐH Nguyễn Văn
 Liên(Berlin)200DM, PT Nguyễn-
 Thê Hùng(Lingen)50DM, PT Dươg
 Văn Vi(Meppen)20, PT Lâm Thành
 (Meppen)20DM, ĐH Diệu Nghiêm-
 (Paris)50Fr. + 70DM, Gia đình
 Chheau Leng Chhay(Paris)100Fr
 Gia đình Tạ Tong René(Paris)
 100Fr., Võ Danh (Paris)200Fr.
 Gia đình Vương Tử(Stade)50DM
 GĐ Vương Thị Go-Vi()35DM, GĐ
 Trần Tạ Phước()20DM, Thân -
 mẫu Đ. Thái Lập()20DM PT Thái
 Tú Thanh()20DM, ĐH Nguyễn Thị
 Lý(Baden-Baden)20DM, Bà Nguyễn
 Kim Chính(Paris)200Fr., anh
 Trung(Hannover)50DM, PT Trần
 Ngọc Tuấn(Bad Pymont)10DM,
 PT Trần Quốc Hùng(Lünen)10DM
 PT Nguyễn Đức Hải(Herten)10M
 PT Vũ Đình Trường(Bad Pym.)
 10DM, PT Trình Minh Tân()15M
 GĐ Vi Sùng Hiến, GĐ Châu Ngọc
 Lan, GĐ Cổ Đạt Vinh, GĐ Quan
 Kim Khoan(Braunschweig) cúng
 một máy cắt rau cải. Bà Lâm
 Kim Liên(Möncheng.)30DM ĐH
 Nguyễn Văn Phong(Hildesheim)
 50DM, ĐH Tạ Phước Thái, ĐH Trĩ
 Đức Phát(G'marienhütte)40DM ,
 cô Lai Kim Loan(USA)100Fr .
 Cô Công Tăng Tôn Nữ Thị Nga
 (Paris)100Fr. Dr. Nguyễn Khắc
 Tiên Tùng(München)20DM, Ông
 bảo Kirchweg 5 München 100DM
 ĐH Nguyễn Thị Ngao(Münnerst-
 adt)50DM.

ĐH Nguyễn Lưu(Paris)500Fr.ĐH Trương Phong Vinh(CA)100US, Hội Phật Tử Việt Mỹ(WA)100US, Đ.B.Linh Quang Viên(WA)10US, Cù Ngọc An(TX)20US, Bà Lâm Chân Hùng(Canada)50đ, Bà Lâm Chân Hùng(Canada)100đ, Bà Bác Sĩ Ung Văn Vy(CA)50US, Bà Vu Li Niemaa(CA)50US, Cù Diệu Chánh (Los Angeles)20US, Bà Diệu Niên(San Jose)50US, PT Phật Học Viện Quốc Tế 110 US, PT Chùa Tứ Quang(San Fr.) 80US, PT Chùa Kim Quang(Sacramento)50US, PT Chùa Phật Quang(TX)80US, PT Liên Hoa Tự Viện(Dallas)10US, PT Chùa Nam Tuyên(WA)50US, PT chùa Philadelphia 50US, PT Chùa Tam Bảo(Canada) 60đ, PT Nguyễn Như Huỳnh(NY)50US, PT Phạm Nam Sơn(NY)30US.

Ứng Hộ Định Kỳ

Anh Lê Huy Cát(Hannover)60DM/6,7,8/81, Bà Nguyễn Thị Phụng(Recklinghausen)60DM/6,7,8,9,10,11,12/81, Bà Nguyễn Thanh-Tùy(Recklinghausen)60DM/7,8,9,10,11,12/81, PT Văn Công - Trâm(Kiel)120DM/1,2,3,4,5,6/81, PT Nguyễn Văn Tiểu(Barntrup)150DM/4,5,6,7,8/81, ĐHDiệu Niên(Braunschweig)100DM/6,7,8,9,10/81, PT Lý Diệu Anh(Vechta)125DM/5,6,7,8/81, PT Nguyễn Bình Dương(Lünen)60DM/6,7,8/81, PT Lê Thị Thu Ba(Weingarten)30DM/6,7,8/81, PT Tô Văn Phước(Grafing)60DM/6,7,8/81, PT Ngô Ngọc Diệp(Hannover) 260DM/4.81-5.82, ĐH Hồ Văn - Nguyễn(Paris)300Fr./7.81-12.81, PT Trần Thục Nghi(Vechta) 90DM/6,7,8/81, PT Trần Phước-Hào(Vechta)30DM/6,7,8/81, PT Vương Đắc Mẫn(Kiel)60DM/6,7,8/81, ĐH Lâm Thành(lingen)60M 5,6,7,8/81, PT Lâm Đăng Châu(Hannover)60DM/4,5,6/81, PT

Đặng Trinh Walenstätter - (München)150DM/6,7,8/81, PT Mai Vi Phúc(Bonn)100DM 2,3,4,5,6/81, PT Đặng Ngọc Hải(Speyer)10DM/8/81 PT Nguyễn Thị Thu Mỹ(Berlin) 100DM/6,7,8,9,10/81, ĐH Lê Đình Chung(Paris)300Fr./7.81-12.81, ĐH Nguyễn Danh - Đản(Paris)300Fr./7.81-12.81, ĐH Đoàn Thị Thanh - Tú (Paris)300Fr./7.81-12.81, ĐH Lý Ngọc Hoa(Paris) 300 Fr./7.81-12.81, ĐH Thân Trg Lạc(Paris)300Fr./7.81-12.81.

Ứng Hộ Báo Viên Giác

PT Nguyễn Văn Nam 70DM, PT Nguyễn Hào Nghĩa(Úc)50đ PT Nguyễn Văn Đông(Freiburg)20DM, PT Phan Văn Tứ(Bremen)10DMPT Hoàng Đình - Thuận(Ehingen)25DM, PTChùa Pháp Bảo(Úc)30đ, Hòa - Thượng Thích Giác Nhiên - (USA)20US. Bà N.T.I(Texas) 20US, Bà Bích Chi(Texas) 10US, PT Lê Anh Dũng(TX)10 US +20US

IN PHẬT HỌC TỬ ĐIỂN và ĂN TÔNG KINH SÁCH

Dr. Nguyễn Khắc Tiên Tụng - (München)50DM, PT Phạm Nam Sơn+Đồ Thị Ngọc Hiền(NY) 300US.

Cúng Dưỡng Đại Lễ YU LAN

ĐH Hồ Văn Nguyễn(Paris) 200Fr., ĐH Nguyễn Lưu(Paris)150Fr., PT Trần Hồ(Sweden)20DM, PT Nguyễn Thị Tứ(Freiburg)50DM, PT Đặng Ng. Hải(Speyer)20DM, PT Trinh

Trinh Yên Tâm(Vechta)50DM, PT Nguyễn Lê Anh(")20DM, PT Lục Thị Tịnh(Niewied)50DMPT Phạm Ngọc Sơn(Aachen)20DM, PT Nguyễn Văn Liên(Berlin)200DM, PT Lê Thị Châm(Hamburg)20DM, ĐHTrinh Trọng Hiếu(Emden)50DM, ĐH Lê Đình Hỷ(Paris)100Fr., PT Phạm Nam Sơn(NY)30US, ĐH N.T.I.(TX) 80US, ĐH Đoàn Thị Thanh - Tú (Paris)100Fr., PT Nguyễn Văn Nguyên(CA)100Fr., Cô Lai Kim Loan(USA)100Fr., ĐH Diệu Mai ĐH Diệu Lễ(Paris)200Fr, P T Huỳnh Thị Bạch Tuyết(Münnerstadt)10DM, ĐH Võ Hữu Trí(") 50DM, PT Châu Ngọc Thủy(Friesland)100DMPT Tô Văn Phước - (Grafing)20DM, PT Tăng KiênVõ (Na Uy)100DM, PT Đào Thị Liên(Recklinghausen)100DM, PT Ngô Bình Dương(Lünen)20DM, ĐH Trg Hồn Quyền(Vechta)50DM, ĐHTrần Tiêu(")30DM, ĐH Trần Thập(") 20DM, ĐH Lục Nguyệt Chi(")30M ĐH Trần Hữu Khiếu(Schmittendorfweil)10DM, ĐH Phạm Doãn Đường(Mannheim)50DM, PT Nguyễn Văn Đông(Freiburg)50DM, PTNg: Thị Nhiếp(Essen)50DM, PTĐường Văn Dương(Essen)50DM, ĐH Cao Thị Sâm(München)20DM, PTHuỳnh Thị Hằng(")20DM, PT Tăng Tài (Na-Uy)100DM, PT Phạm Ngọc Sơn(Aachen)20DM, PT Hà Kiên Hưng (Gmarienhütte)20DM, PT Huỳnh Lương(Mönchengl.)20DM, PTTrần Chí Đạt(Stuttgart)10DM, P T Phạm Văn Quang(Suisse)30Fr. ĐH Nguyễn Xuân Quang(Dan Mạch 500Krone), PT Lương Ngọc Dân (Rothenburg)50DM, PT Lê Văn Hiền+PT Đặng Thị Sáu(Düsseldorf)50DM, PT Trần Muội(Bad - Iburg)20DM, PT Châu Kiệt Ngọc (")20DM, PT Phạm Tuyết Hoa(") PT Ngô Mỹ Châu(")20DM, PTĐiêu Thiệp(")100DM, PT Vũ Kim Huy (Sindelfingen)30DM, ĐH Nguyễn Thị Long(Rheine)10DM, PT Đoàn Thị Thuận(Suisse)20Fr., GĐTr. Ngọc Sang 50DM, GĐ Phạm Ngọc Diệp 20DM, GĐ Lương Khai 20DM GĐ Lương Xuân Hùng 20DM, GĐ P T Lữ Hiếu (Paris)200Fr., ĐH Huỳnh Tứ(Bad Iburg)20DM, ĐB

Phật Học Từ Điển

Như trong những lần trước chúng tôi đã loan báo trên báo Khánh Anh (Paris) và báo Viên Giác (Tây Đức) rằng: để tiện việc tra cứu, những danh sư Phật Học, mỗi người Phật Tử nên có một bộ Phật Học Từ Điển của Học Giả Đoàn - Trung Cẩn. Một bộ tự điển trình bày rất công phu, tinh vi và bố ích gồm có tiếng Việt, Hán, Nhật, Anh, Pháp cho những người học Phật. Do đó chùa Viên Giác và chùa Khánh Anh muốn tái bản lại, nhưng cho đến nay vẫn chưa thực hiện được vì tốn phí quá cao (khoảng trên dưới loo ngàn quan mới cho 1.000 bộ) mà chỉ có một số ít Phật Tử hưởng ứng vẫn đề trên, nên chúng tôi xin đề nghị rằng mỗi quý vị Phật Tử hoặc bạn bè của Quý vị nếu mong đóng góp vào vấn đề trên, quý vị nên đặt mua mỗi bộ phần cho mỗi bộ là 80DM hay 200Fr. Ở Pháp Quý Vị có thể gởi thẳng về chùa Khánh Anh và ở Đức, Quý Vị có thể liên lạc thẳng về chùa Viên - Giác Tây Đức. Công đức Pháp thí này thật vô lượng vô biên. Kính mong chư vị Phật Tử xa - gần nhiệt liệt hưởng ứng cho.

Chúng tôi có một số đề nghị về việc chuyển tiền cúng dường của Quý vị Phật Tử về chùa như sau:

Thông thường Quý vị chỉ để người nhận là chùa Viên Giác, không để tên vị trụ trì chùa, do đó nhà bưu điện thường hay làm khó dễ. Vậy kính mong chư Phật Tử xa gần, nếu Quý Vị có gởi tiền về cúng dường chùa trong tương lai nên để tên người nhận (C/O Thích Như Điển dưới tên Chùa Viên Giác) thì việc nhận dễ dàng hơn. Kính mong chư vị làm tương cho. Hoặc giả Quý vị cũng có thể chuyển thẳng vào số Compte của nhà chùa như sau: Cong. d. Verei ng. Vietnam. Buddh. Kirche, C/O Rev. T. N. Điển - Konto Nr. 8657470 BLZ 250 700 70, Deutsche - Bank Hannover. Hoặc số Compte khác của chùa như sau: Chùa Viên Giác C/O Thích Như Điển: Konto Nr. 8650228. BLZ 250 700 70, Deutsche - Bank Hannover.

Xin chân thành cảm ơn tất cả chư liệt vị và nguyện cầu công đức tài thí đó, hồi hướng lên 3 ngôi Tam Bảo chứng tri cho lòng thành của Quý vị.
Nam Mô Hoan Hi Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát.

Nguyễn Văn Hình (München) 50DM
Cô Đặng Thị ái Liên (") 50DM
Cô Trinh Wallenstätter (") 50M
ĐH Võ Hữu Trí (Münnerstadt)
50DM, ĐH Lê Quang Tường (Wals-
rode) 50DM, PT Lê Đức Trung -
(Weingarten) 50DM, Bà Diệu Anh
Bà Diệu Kim (Rotenburg) 50DM,
O. Trần Đình Cường (") 20DM, PT
Trần Duyệt Sanh (") 20DM, PT Lý
Thanh Hiền (") 20DM, PT Trương-
Kim Anh (") 20DM, cô Oanh và cô
Anh (Suisse) 20DM, ĐH Tô Ti (Lü-
beck) 150DM, và thân quyến 50M
PT Nguyễn Thị Anh (Berlin) 40M
PT Trần Thọ Minh (Hamburg) 20M
PT Nguyễn Thanh Phương (Kons-
tanz) 20DM, ĐH Nguyễn Xuân Quag
(Đan Mạch) 40DM, ĐH Lưu Tài Minh
(Hamburg) 20DM, PT Trần Văn
Thanh (Münderstrup) 10DM, PT Ph
an Dũng 100DM, PT Nguyễn Văn
Hùng (Rackl.) 20DM, ĐH Cô Đạt
Vinh (Braunschweig) 50DM, P T
Huyền Phi Hùng (Đan Mạch) 100
Krone) PT Au Phi Dũng (") 20DM,
PT Trương Tôn Châu (Gießen) 20
DM, PT Tô Chương Phát (Hagen),
30DM, PT Nguyễn Thành Long (G'
marienhütte) 40DM, PT Dương Thị
Kiết (Nürnberg) 100DM và vật -
thực, PT Tiêu Thị Thị 30DM, PT
Vi Cường Quang (St. Georgen) 10
DM, PT Lê Thị Môt (Berlin) 30DM
PT Châu Nguyên (Đan Mạch) 20DM
PT Nguyễn Văn Quan (Hanau) 50M
Bà Diệu Hiền (USA) 10US.

(Tính đến ngày 18.8.1981)

Ngòai ra có một số Quý vị PT
hưởng ứng lời kêu gọi của Chi
Bộ và của Hội Phật Tử về việc
ủng hộ chiếc tàu Cap Anamur,
đã gởi tiền về chùa, chúng tôi
sẽ gởi tiền này đến tổ chức
một chiếc tàu cho Việt - Nam
trong những ngày sắp tới theo
Trưởng Mục số 16102220 BLZ
37050198, Stadtparkasse Köln
ĐH Nguyễn Lưu (Paris) 350Fr .
PT Chung Thái An (Trier-Saar-
burg) 20DM, Lý Xao Tiên (") 20DM
Chung Thế 20DM, Chung Kim Anh
(") 20DM, Chung Kim Thu (") 20DM
Chung Vĩnh Hiếu 20DM, chung -
Vĩnh Thành (") 20DM.



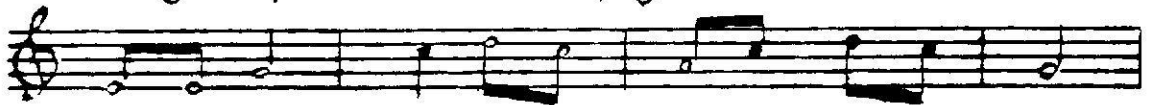
HỘI VU LAN

Nhịp vui tươi

Nguyễn Văn Út, Văn Xứng



Mừng Ngày Bu - Lan chúng ta mừng nhạc hát hòa vang .
Ngài Mục - Kiên. Liên cứu mẹ già thoát chốn sầu đau .



Tinh tinh tang tinh mùa cho đều dưới ánh trăng văng .
Giã nguyệt nai theo gót chân Ngài con gắng tu học .



Kec lên nao lên cho bao lòng thêm tươi thắm .
Công ơn cao xa cha mẹ hiền lo bầu đắp.



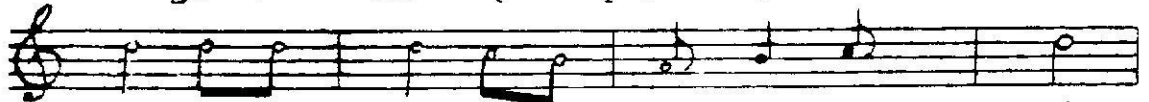
Ôi! lạc hẳn-hoanta đón mừng HỘI VU - LAN.
Em luôn tin yêu vui-hòa-thuận cùng người trên .



Mừng ngày VU - LAN khắp phố phường cho tới đồng quê .



Hòa ngàn lời ca tiếng chuông Chua thanh thoát êm đềm .



Câu kinh, câu ca trong nắng chiều bay theo gió .



Hưởng thơm hoa tươi chim hát mừng nhạc hòa vui .